MITSUBISHI ELECTRIC
Changes for the Better

for a greener tomorrow

Eco Changes là tuyên bố về môi trường của Tập đoàn Mitsubishi Electric, thể hiện tinh thần và quan điểm của tập đoàn về công tác quản lý bảo vệ môi trường. Thông qua các hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng, chúng tôi tích cực đóng góp để tạo ra ý thức bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

ISO 9001
ISO 14001
BUREAU VERITAS Certification
UKAS

Các sản phẩm của Tập đoàn Mitsubishi Electric đã đạt được chứng chỉ ISO 9001 trong chuỗi tiêu chuẩn 9000 của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) trên cơ sở về Đảm bảo chất lượng đối với quy trình sản xuất sản phẩm. Nhà máy chúng tôi cũng đã đạt được chứng chỉ ISO 14001 về tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường.

CÔNG TY TNHH MITSUBISHI ELECTRIC VIỆT NAM

Trụ sở chính
Tầng 11 & Tầng 12, Tháp B Tòa nhà Viettel,
285 CMT 8, P. 12, Q. 10, Tp. HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (84-28) 39105945
Fax: (84-28) 39105947

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 24 - Handico Tower
Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 39378075
Fax: (84-24) 39378076

Chi nhánh Đà Nẵng
Phòng 1102, Tầng 11, Thành Lợi Building
135, Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng , Việt Nam
Điện thoại: (84-236) 365 6245
Fax: (84-23) 6 365 6246

Chi nhánh Nha Trang
Tầng 9, KHPC Tower, 11 Lê Thánh Tôn
Khánh Hòa, Nha Trang, Việt Nam
Điện thoại: (84-25) 83810890

Chi nhánh Cần Thơ
Tầng 2, STS Tower
11B Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ, Việt Nam
Điện thoại: (84-292) 362 7678

www.mitsubishi-electric.vn
https://www.facebook.com/MEVNFA/
(84-28) 39105945

MITSUBISHI ELECTRIC
Changes for the Better

for a greener tomorrow

THIẾT BỊ PHÂN PHỐI ĐIỆN VÀ GIÁM SÁT NĂNG LƯỢNG

AN TOÀN
BỀN BỈ VÀ TIN CẬY

BẢNG GIÁ 2020

Áp dụng từ 1-4-2020

MITSUBISHI ELECTRIC

Changes for the Better

for a greener tomorrow

MITSUBISHI ELECTRIC VIỆT NAM

GIỚI THIỆU

Thiết bị Tự động hóa	Bộ lập trình Logic (PLC)	
	Màn hình điều khiển (HMIs)	
Thiết bị điều khiển	Bộ trợ động (AC Servos)	
	Bộ điều khiển chuyển động (Motion)	
	Bộ biến tần (Inverters)	
	Robot công nghiệp (Industrial Robots)	
Thiết bị phân phối điện	Thiết bị đóng cắt (ACB,MCCB,MCB…)	
	Công-tắc-tơ (Contactors)	
Sản phẩm trong ngành cơ khí chính xác	Thiết bị điều khiển hệ thống số (NC)	
	Máy cắt dây điện tử (EDM)	
	Máy cắt laze (Laser)	

MỤC LỤC

TRANG SỐ	THIẾT BỊ
1	ACB-MÁY CẮT KHÔNG KHÍ-DÒNG WS AIR CIRCUIT BREAKER-WS SERIES
3	PHỤ KIỆN DÙNG CHO ACV ACCESSORIES FOR ACB
7	MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES
19	THIẾT BỊ ĐÓNG NGẮT DÀNH CHO ĐỘNG CƠ-DÒNG MMP-T32 MOTOR CIRUIT BREAKER-MMP-T32
21	MDU MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CÓ BỘ HIỂN THỊ ĐO LƯỜNG-DÒNG MDU *MEASURING DISPLAY UNIT BREAKER-MB SERIES*
26	MOTOR MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CHO BẢO VỆ ĐỌNG CƠ DÒNG MB MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-MB SERIES
27	ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES
50	PHỤ KIỆN DÙNG CHO MCCB VÀ ELCB ACCESORIES FOR MCCB AND ELCB
53	MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG-DÒNG BH-D MCB BH-D SERIES
61	MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG-DÒNG BHW-T MCB BHW-T SERIES
66	THIẾT BỊ BẢO VỆ MẠCH-DÒNG CP-BA CIRCUIT PROTECTORS CP-BA SERIES
73	CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-T MAGNETIC CONTACTOR S-T SERIES
82	PHỤ KIỆN DÙNG CHO CÔNG TẮC TƠ ACCESSORIES FOR CONTACTOR
83	RƠ LE NHIỆT-DÒNG TH-T THERMAL OVERLOAD RELAYS TH-T SERIES
86	ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN ĐA NĂNG-DÒNG ME96SS MULTI-MEASURING INSTRUMENT-ME96SS SERIES

ACB-MÁY CẮT KHÔNG KHÍ-DÒNG WS
AIR CIRCUIT BREAKER-WS SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức (In) từ 630A đến 6300A
- Ics = 100%Icu

- *Made in Japan*
- *IEC Standard 60947-1,2*
- *Rated current (In) 630A-6300A*
- *Ics = 100%Icu*

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Loại cố định *(Fix type)* 3P					
3P	65	630	AE630-SW 3P 630A 65kA FIX	160001A00001L	104,106,000
3P	65	1000	AE1000-SW 3P 1000A 65kA FIX	160101A00004U	109,600,000
3P	65	1250	AE1250-SW 3P 1250A 65kA FIX	160201A00009R	116,865,000
3P	65	1600	AE1600-SW 3P 1600A 65kA FIX	160301A0000GK	132,276,000
3P	65	2000	AE2000-SWA 3P 2000A 65kA FIX	160421A0000SA	150,565,000
3P	85	2000	AE2000-SW 3P 2000A 85kA FIX	160401A0000NP	187,612,000
3P	85	2500	AE2500-SW 3P 2500A 85kA FIX	160501A0000WX	191,218,000
3P	85	3200	AE3200-SW 3P 3200A 85kA FIX	160601A000143	244,965,000
3P	85	4000	AE4000-SWA 3P 4000A 85kA FIX	160721A00019X	391,735,000
3P	100	2000	AE2000-SW 3P 2000A 100kA FIX	160401A0004WR	187,612,000
3P	100	2500	AE2500-SW 3P 2500A 100kA FIX	160501A0005QK	191,218,000
3P	100	3200	AE3200-SW 3P 3200A 100kA FIX	160601A0002RQ	244,965,000
3P	100	4000	AE4000-SWA 3P 4000A 100kA FIX	160721A0002RS	391,735,000
3P	130	4000	AE4000-SW 3P 4000A 130kA FIX	160801A00031M	688,753,000
3P	130	5000	AE5000-SW 3P 5000A 130kA FIX	160831A0001E7	721,147,000
3P	130	6300	AE6300-SW 3P 6300A 130kA FIX	160861A0001GX	810,841,000
Loại cố định *(Fix type)* 4P					
4P	65	630	AE630-SW 4P 630A 65kA FIX	160011A00002C	124,218,000
4P	65	1000	AE1000-SW 4P 1000A 65kA FIX	160111A00006K	130,747,000
4P	65	1250	AE1250-SW 4P 1250A 65kA FIX	160211A0000BB	139,529,000
4P	65	1600	AE1600-SW 4P 1600A 65kA FIX	160311A0000K8	157,394,000
4P	65	2000	AE2000-SWA 4P 2000A 65kA FIX	160431A0000T6	176,647,000
4P	85	2000	AE2000-SW 4P 2000A 85kA FIX	160411A0000QF	193,794,000
4P	85	2500	AE2500-SW 4P 2500A 85kA FIX	160511A0000ZG	246,488,000
4P	85	3200	AE3200-SW 4P 3200A 85kA FIX	160611A000173	278,353,000
4P	85	4000	AE4000-SWA 4P 4000A 85kA FIX	160731A0001BN	569,459,000
4P	100	2000	AE2000-SW 4P 2000A 100kA FIX	160411A0004WS	193,794,000
4P	100	2500	AE2500-SW 4P 2500A 100kA FIX	160511A0004WT	246,488,000
4P	100	3200	AE3200-SW 4P 3200A 100kA FIX	160611A0002RR	278,353,000
4P	100	4000	AE4000-SWA 4P 4000A 100kA FIX	160731A0002RT	569,459,000
4P	130	4000	AE4000-SW 4P 4000A 130kA FIX	160811A00042D	793,224,000
4P	130	5000	AE5000-SW 4P 5000A 130kA FIX	160841A0001EY	810,841,000
4P	130	6300	AE6300-SW 4P 6300A 130kA FIX	160871A0004VF	955,982,000

ACB-MÁY CẮT KHÔNG KHÍ-DÒNG WS
AIR CIRCUIT BREAKER-WS SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức (In) từ 630A đến 6300A
- Ics = 100%Icu

- *Made in Japan*
- *IEC Standard 60947-1,2*
- *Rated current (In) 630A-6300A*
- *Ics = 100%Icu*

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Loại di động *(Withdrawable type)* 3P					
3P	65	630	AE630-SW 3P 630A 65kA DR	160001A0002QM	138,424,000
3P	65	1000	AE1000-SW 3P 1000A 65kA DR	160101A00003N	145,694,000
3P	65	1250	AE1250-SW 3P 1250A 65kA DR	160201A000086	151,988,000
3P	65	1600	AE1600-SW 3P 1600A 65kA DR	160301A0000E9	165,600,000
3P	65	2000	AE2000-SWA 3P 2000A 65kA DR	160421A0000RG	172,718,000
3P	85	2000	AE2000-SW 3P 2000A 85kA DR	160401A0001TV	214,888,000
3P	85	2500	AE2500-SW 3P 2500A 85kA DR	160501A0000UU	220,329,000
3P	85	3200	AE3200-SW 3P 3200A 85kA DR	160601A000123	313,018,000
3P	85	4000	AE4000-SWA 3P 4000A 85kA DR	160721A00018Y	507,141,000
3P	100	2000	AE2000-SW 3P 2000A 100kA DR	160401A0005QG	214,888,000
3P	100	2500	AE2500-SW 3P 2500A 100kA DR	160501A0005QH	220,329,000
3P	100	3200	AE3200-SW 3P 3200A 100kA DR	160601A00041D	313,018,000
3P	100	4000	AE4000-SWA 3P 4000A 100kA DR	160721A00041F	507,141,000
3P	130	4000	AE4000-SW 3P 4000A 130kA DR	160801A0005NY	989,565,000
3P	130	5000	AE5000-SW 3P 5000A 130kA DR	160831A0002Z4	1,081,718,000
3P	130	6300	AE6300-SW 3P 6300A 130kA DR	160861A0002Z5	1,216,259,000
Loại di động *(Withdrawable type)* 4P					
4P	65	630	AE630-SW 4P 630A 65kA DR	160011A000029	160,041,000
4P	65	1000	AE1000-SW 4P 1000A 65kA DR	160111A00006C	168,471,000
4P	65	1250	AE1250-SW 4P 1250A 65kA DR	160211A0000B0	178,759,000
4P	65	1600	AE1600-SW 4P 1600A 65kA DR	160311A0000JQ	206,553,000
4P	65	2000	AE2000-SWA 4P 2000A 65kA DR	160431A0000SZ	226,900,000
4P	85	2000	AE2000-SW 4P 2000A 85kA DR	160411A0000Q3	247,253,000
4P	85	2500	AE2500-SW 4P 2500A 85kA DR	160511A0002QN	282,794,000
4P	85	3200	AE3200-SW 4P 3200A 85kA DR	160611A00016D	353,782,000
4P	85	4000	AE4000-SWA 4P 4000A 85kA DR	160731A0005QF	734,606,000
4P	100	2000	AE2000-SW 4P 2000A 100kA DR	160411A0005QL	247,253,000
4P	100	2500	AE2500-SW 4P 2500A 100kA DR	160511A0005QJ	282,794,000
4P	100	3200	AE3200-SW 4P 3200A 100kA DR	160611A00041E	353,782,000
4P	100	4000	AE4000-SWA 4P 4000A 100kA DR	160731A00041C	734,606,000
4P	130	4000	AE4000-SW 4P 4000A 130kA DR	160811A0002Z6	1,110,518,000
4P	130	5000	AE5000-SW 4P 5000A 130kA DR	160841A0002Z8	1,216,259,000
4P	130	6300	AE6300-SW 4P 6300A 130kA DR	160871A0002ZA	1,412,729,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

Sản phẩm *Product*	Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	ETR Bộ rờ le bảo vệ *(Electronic Trip Relay)*			
	Khối cài đặt chính *(Main Setting Module)*			
	WS1: General use	WS1-W	160F00A0001NC	25,788,000
	WS2: General use for - SWA	WS2-W	160F01A0001ND	25,788,000
	WM1: Generator Protection use	WM1-W	160F20A0001NF	29,747,000
	WM2: Generator Protection use for - SWA	WM2-W	160F21A0001NG	29,747,000
	WB1: MCR/INST Only	WB1-W	160F30A0001NJ	24,794,000
	WB2: MCR/INST Only for SWA: WB2	WB2-W	160F31A0001NK	24,794,000
	Khối cài đặt tùy chọn *(Optional Setting Module)*			
	G1: Ground found Protection	G1-W	160G00A0001NN	9,918,000
	E1: Earth leakage Protection	E1-W	160G01A0001NP	9,918,000
	AP: 2nd additional Protection	AP-W	160G03A0001NQ	9,918,000
	N5: Neutral pole 50% Protection	N5-W	160G04A0001ZK	9,918,000
	Bộ nguồn *(Power Supply)*			
	P1: AC-DC100-240V	PW1-W	160G10A0001NR	8,924,000
	P2: DC24-60V	PW2-W	160G11A0001NS	8,924,000
	P3:AC100-240V/DC100-125V với tiếp điểm ngõ ra *(with contact output)*	PW3-W	160G12A0001NT	9,918,000
	P4: DC24-60V với tiếp điểm ngõ ra *(with contact output)*	PW4-W	160G13A0001NU	9,918,000
	P5: DC100-240V với tiếp điểm ngõ ra SSR *(with contact output Solid State Relay)*	PW5-W	160G14A0001NV	19,835,000
	Các phụ kiện khác cho ACB *(other accessories for ACB)*			
	EX1: Khối đế mở rộng *(Extension Module)*	EX1-W	160G22A0001NY	23,800,000
	DP1(*): Khối hiển thị gắn trên rờ le ETR *Display Module for ETR*	DP1-W	160G20A0001NW	27,765,000
	DP2(*): Khối hiển thị gắn trên tủ điện *Display Module for Panel board*	DP2-W	160G21A0001NX	31,729,000
	VT(*): Biến áp *(Voltage Transformer)*	VT-W	160G23A0001NZ	17,853,000
	Khối giao tiếp *(Interface Unit)*			
	BIF-CC(*): Bộ giao tiếp CC-Link *(CC-Link interface)*	BIF-CC-W	160H00A0001P1	49,576,000
	BIF-PR(*): Bộ giao tiếp PROFIBUS-DP *PROFIBUS-DP interface*	BIF-PR-W	160H01A0001P2	49,576,000
	BIF-MD(*): Bộ giao tiếp Modbus (RS485) *Modbus (RS485) interface Unit*	BIF-MD-W	160H02A0001P3	49,576,000
	BIF-CON(**): Khối điều khiển từ xa *(I/O Unit)*	BIF-CON-W	160H04A0001P4	23,800,000
	BIF-CL: Công tắc vị trí kéo ngoài cho mạng *Drawout Position Switch*	BIF-CL-W	160H05A0001P5	15,865,000
	(*): Bắt buộc lắp kèm khối EX1 *(EX1 Unit is required)* (**): Bắt buộc lắp kèm khối giao tiếp *(Interface Unit is required)*			
	Tiếp điểm phụ *(Auxiliary Switch)*			
	AX(2a2b)	AX-4-W	160A01A0001J5	6,335,000
	AX(4a4b)	AX-8-W	160A03A0001J7	6,553,000
	AX(5a5b)	AX-10-W	160A04A0001J8	12,694,000
	SHT: Cuộn ngắt *(Shunt trip device)*			
	100-250V (AC/DC)	SHT-AD250-W	160A20A0001JB	5,559,000
	380-500V AC	SHT-A500-W	160A21A0001JC	9,529,000
	24-48V DC	SHT-D048-W	160A22A0001JD	9,529,000

Sản phẩm *Product*	Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	HAX(1a1b)	HAX-2-W	160A10A000215	9,918,000
	HAX(2a2b)	HAX-4-W	160A11A0001J9	12,888,000
	HAX(3a3b)	HAX-6-W	160A12A000216	15,865,000
	HAX(4a4b)	HAX-8-W	160A13A000217	18,841,000
	HAX(5a5b)	HAX-10-W	160A14A0001JA	21,818,000
	Note: a-contact (NO); b-contact (NC)			
	UVT DC24V	UVT-D024B-W(INST)	160J60A0001PL	31,729,000
	UVT DC24V 0.5s	UVT-D024B-W(05)	160J70A00021U	31,729,000
	UVT DC24V 3s	UVT-D024B-W(30)	160J80A00021Y	31,729,000
	UVT DC48V	UVT-D048B-W(INST)	160J61A0001PM	31,729,000
	UVT DC48V 0.5s	UVT-D048B-W(05)	160J71A00021V	31,729,000
	UVT DC48V 3s	UVT-D048B-W(30)	160J81A00021Z	31,729,000
	UVT DC100-110V	UVT-D110B-W(INST)	160J62A00021R	31,729,000
	UVT DC100-110V 0.5s	UVT-D110B-W(05)	160J72A0001PR	31,729,000
	UVT DC100-110V 3s	UVT-D110B-W(30)	160J82A000220	31,729,000
	UVT DC120-125V	UVT-D125B-W(INST)	160J63A00021S	31,729,000
	UVT DC120-125V 0.5s	UVT-D125B-W(05)	160J73A00021W	31,729,000
	UVT DC120-125V 3s	UVT-D125B-W(30)	160J83A000221	31,729,000
	UVT AC100-120V	UVT-A120B-W(INST)	160J65A0001PN	31,729,000
	UVT AC100-120V 0.5s	UVT-A120B-W(05)	160J75A0001PS	31,729,000
	UVT AC100-120V 3s	UVT-A120B-W(30)	160J85A0001PV	31,729,000
	UVT AC200-240V	UVT-A240B-W(INST)	160J66A0001PP	31,729,000
	UVT AC200-240V 0.5s	UVT-A240B-W(05)	160J76A0001PT	31,729,000
	UVT AC200-240V 3s	UVT-A240B-W(30)	160J86A0001PW	31,729,000
	UVT AC380-460V	UVT-A460B-W(INST)	160J67A0001PQ	51,171,000
	UVT AC380-460V 0.5s	UVT-A460B-W(05)	160J77A0001PU	51,171,000
	UVT AC380-460V 3s	UVT-A460B-W(30)	160J87A0001PX	51,171,000
	MD(100-125V AC-DC) dùng cho/for ACB 630A-6300A 3P và/and 630-4000SWA 4P	MD-AD125-W	160A30A0001JF	25,788,000
	MD(100-125V AC-DC) dùng cho/for ACB 4000SW-6300SW 4P	MD-AD125-634W	160A36A0001JK	37,682,000
	MD(200-250V AC-DC) dùng cho/for ACB 630A-6300A 3P và/and 630-4000SWA 4P	MD-AD250-W	160A31A0001JG	17,247,000
	MD(200-250V AC-DC) dùng cho/for ACB 4000SW-6300SW 4P	MD-AD250-634W	160A37A0001JL	37,682,000
	MD(24V DC) dùng cho/for 3P/4P ACB630SW-3200SW 4000SWA 3P	MD-D024-W	160A32A0001JH	35,694,000
	MD(48V DC) dùng cho/for 3P/4P ACB 630SW-3200SW 4000SWA 3P	MD-D048-W	160A33A0001JJ	35,694,000
	Cuộn đóng/ *Closing coil* (100-250V AC-DC)	CC-AD250-W	160A40A0001JM	6,553,000
	Cuộn đóng/ *Closing coil* (24-48V DC)	CC-D048-W	160A41A0001JN	13,494,000
	630SW-2000SWA 3P FIX	MI-203F-W	160C14A0001L3	17,853,000
	2000SW-4000SWA 3P FIX	MI-403F-W	160C16A0001L6	17,853,000
	4000SW-6300SW 3P FIX	MI-633F-W	160C22A0001LD	31,729,000
	630SW-2000SWA 4P FIX	MI-204F-W	160C15A0001L5	17,853,000

Sản phẩm *Product*	Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	MI: Khóa liên động cơ khí *(Mechanical Interlock),* bao gồm dây cáp kết nối *(Connection cable included)*			
	2000SW-4000SWA 4P FIX	MI-404F-W	160C17A0001L7	17,853,000
	4000SW-6300SW 4P FIX	MI-634HNF-W	160C23A0001LE	31,729,000
	630SW-2000SWA 3P DR	MI-203D-W	160C10A0001KY	17,853,000
	2000SW-4000SWA 3P DR	MI-403D-W	160C12A0001L1	17,853,000
	4000SW-6300SW 3P DR	MI-633D-W	160C20A0001LA	31,729,000
	630SW-2000SWA 4P DR	MI-204D-W	160C11A0001KZ	17,853,000
	2000SW-4000SWA 4P DR	MI-404D-W	160C13A0001L2	17,853,000
	4000SW-6300SW 4P DR	MI-634HND-W	160C21A0001LC	31,729,000
	Bộ dây kết nối liên động 3 ACB *MI wire set among 3 ACBs*	MI-IW-W	160C18A0001L8	13,282,000
	Phụ kiện khác *(Other Accessories)*			
	BC-L -Miếng che nút bấm *(Push button cover)*	BCL-W	160C00A0001KU	2,176,000
	CNT- Bộ đếm *(Counter)*	CNT-W	160A45A0001JP	12,694,000
	DUC-Tấm che bụi IP54 *(Dust Cover IP54)*	DUC-W	160C50A0001LN	79,324,000
	CYL Khóa Cylinder với chìa khóa *(Cylinder Lock with key)*			
	Cylinder #R0220	CYL-WK-W	160A60A0001JR	14,276,000
	Cylinder #R501	CYL-WK1-W	160A61A0001JS	14,276,000
	Cylinder #R502	CYL-WK2-W	160A62A0001JT	14,276,000
	Cylinder R503	CYL-WK3-W	160A63A0001JU	14,276,000
	Cylinder #R504	CYL-WK4-W	160A64A0001JV	14,276,000
	DI Khóa liên động cửa *(Door Interlock)*			
	Khóa liên động cửa cho loại Drawout *Door interlock for Drawout type*	DI-D-W	160C30A0001LF	38,482,000
	Khóa liên động cửa cho loại cố định *Door interlock for Fix type*	DI-F-W	160C31A0001LG	40,465,000
	DF Viền cửa *(Door Frame)*			
	Viền cửa *(Door Frame)*	DF-W	160C01A0001KV	4,353,000
	Công tắc báo trạng thái cho loại *Drawout Cell Switch (1C)*	CL-1-W	160C40A000223	13,882,000
	Công tắc báo trạng thái cho loại *Drawout Cell Switch (2C)*	CL-2-W	160C41A0001LK	15,865,000
	Công tắc báo trạng thái cho loại *Drawout Cell Switch (3C)*	CL-3-W	160C42A0001LL	17,853,000
	Công tắc báo trạng thái cho loại *Drawout Cell Switch (4C)*	CL-4-W	160C43A0001LM	19,835,000
	SBC Công tắc ngắn mạch phụ *(Shorting b-contact)*			
	Công tắc ngắn mạch 1 tiếp điểm phụ *Shorting 1b-contact*	SBC-1-W	160C80A0001LY	6,871,000
	Công tắc ngắn mạch 2 tiếp điểm phụ *Shorting 2b-contact*	SBC-2-W	160C81A0001LZ	7,859,000
	Công tắc ngắn mạch 3 tiếp điểm phụ *Shorting 3b-contact*	SBC-3-W	160C82A0001M0	8,835,000
	Công tắc ngắn mạch 4 tiếp điểm phụ *Shorting 4b-contact*	SBC-4-W	160C83A0004VP	9,865,000
	Công tắc ngắn mạch 5 tiếp điểm phụ *Shorting 5b-contact*	SBC-5-W	160C84A0001M1	10,941,000
	MIP Bảo vệ lắp nhầm *(Mis-insertion preventor)*	MIP-W	160C35A0001LH	3,965,000
	Bộ cơ khí kéo ngoài *(Drawout mechanism)*	DRMECHA-W	160E35A0001N9	6,941,000

Sản phẩm *Product*	Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	ATC Khối đấu nối mạch điều khiển *(Control Circuit Terminal Block)*			
	Cho máy cắt loại cố định *(for breaker fixed type)*	ATC1-W	160E50A0001ZX	6,335,000
	Cho khung loại di động *(for cradle drawout type)*	ATC2-W	160E51A0001NA	7,741,000
	Biến dòng ZCT Sử dụng cho máy biến áp có nối đất *(ZCT for ground transformer wire)*			
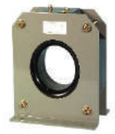	Đường kính trong ZCT 15mm *Inside diameter 15mm*	ZT-15B-W	160A83A0001K8	9,918,000
	Đường kính trong ZCT 30mm *Inside diameter 30mm*	ZT-30B-W	160A84A0001K9	10,906,000
	Đường kính trong ZCT 40mm *Inside diameter 40mm*	ZT-40B-W	160A85A0001KA	13,494,000
	Đường kính trong ZCT 60mm *Inside diameter 60mm*	ZT-60B-W	160A86A0001KB	23,800,000
	Đường kính trong ZCT 80mm *Inside diameter 80mm*	ZT-80B-W	160A87A0001KC	29,747,000
	Đường kính trong ZCT 100mm *Inside diameter 100mm*	ZT-100B-W	160A88A0001KD	33,718,000
	Biến dòng ZCT Sử dụng cho mạch tải *(ZCT for load circuit)*			
	AE630-SW~AE1600-SW 3P	ZCT-163-W	160A80A0002KB	892,429,000
	AE630-SW~AE1600-SW 4P AE2000-SW~AE3200-SW 3P	ZCT-323-W	160A81A0002QU	1,090,753,000
	AE2000-SW~AE3200-SW 4P	ZCT-324-W	160A82A0002QV	1,189,912,000
	Biến dòng trung tính *(Neutral Current Transformer)*			
	AE630SW-630A	NCT-06-W	160A70A0001JY	17,853,000
	AE1000SW-1000A	NCT-10-W	160A71A0001JZ	17,853,000
	AE1250SW/AE2000SW- 1250A	NCT-12-W	160A72A0001K0	17,853,000
	AE1600SW/AE2000SW - 1600A	NCT-16-W	160A73A0001K1	17,853,000
	AE2000SWA/AE2000SW - 2000A	NCT-20-W	160A74A0001K2	17,853,000
	AE2500SW - 2500A	NCT-25-W	160A75A0001K3	23,800,000
	AE3200SW - 3200A	NCT-32-W	160A76A0001K4	23,800,000
	AE4000SWA - 4000A	NCT-40-W	160A77A0001K5	23,800,000
	AE6300SW - 6300A	NCT-63-W	160A79A0001K7	198,176,000

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 230VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 230VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng kinh tế *(Economy Class)* - 2P					
2P	2.5	3	NF30-CS 2P 3A 2.5kA	2JA001A000008	796,000
2P	2.5	5	NF30-CS 2P 5A 2.5kA	2JA002A00000D	796,000
2P	2.5	10	NF30-CS 2P 10A 2.5kA	2JA003A00000K	796,000
2P	2.5	15	NF30-CS 2P 15A 2.5kA	2JA004A00000R	796,000
2P	2.5	20	NF30-CS 2P 20A 2.5kA	2JA005A00000W	796,000
2P	2.5	30	NF30-CS 2P 30A 2.5kA	2JA006A000013	796,000
2P	7.5	3	NF63-CV 2P 3A 7.5kA	2CE003A000002	1,078,000
2P	7.5	4	NF63-CV 2P 4A 7.5kA	2CE004A00004L	1,078,000
2P	7.5	5	NF63-CV 2P 5A 7.5kA	2CE005A000003	1,078,000
2P	7.5	6	NF63-CV 2P 6A 7.5kA	2CE006A00004P	1,078,000
2P	7.5	10	NF63-CV 2P 10A 7.5kA	2CE007A000006	1,078,000
2P	7.5	15	NF63-CV 2P 15A 7.5kA	2CE008A000008	1,078,000
2P	7.5	16	NF63-CV 2P 16A 7.5kA	2CE009A000009	1,078,000
2P	7.5	20	NF63-CV 2P 20A 7.5kA	2CE010A00000C	1,078,000
2P	7.5	25	NF63-CV 2P 25A 7.5kA	2CE011A00000D	1,078,000
2P	7.5	30	NF63-CV 2P 30A 7.5kA	2CE012A00004T	1,078,000
2P	7.5	32	NF63-CV 2P 32A 7.5kA	2CE013A00000F	1,078,000
2P	7.5	40	NF63-CV 2P 40A 7.5kA	2CE014A00000G	1,078,000
2P	7.5	50	NF63-CV 2P 50A 7.5kA	2CE015A00000J	1,078,000
2P	7.5	60	NF63-CV 2P 60A 7.5kA	2CE016A00004X	1,078,000
2P	7.5	63	NF63-CV 2P 63A 7.5kA	2CE017A00000K	1,078,000
2P	30	50	NF125-CV 2P 50A 30kA	2CH002A000001	1,914,000
2P	30	60	NF125-CV 2P 60A 30kA	2CH003A00004L	1,914,000
2P	30	63	NF125-CV 2P 63A 30kA	2CH004A000002	1,914,000
2P	30	75	NF125-CV 2P 75A 30kA	2CH005A00004N	1,914,000
2P	30	80	NF125-CV 2P 80A 30kA	2CH006A000004	1,914,000
2P	30	100	NF125-CV 2P 100A 30kA	2CH007A000006	1,914,000
2P	30	125	NF125-CV 2P 125A 30kA	2CH008A000007	1,914,000
2P	36	100	NF250-CV 2P 100A 36kA	2CL002A00003N	3,600,000
2P	36	125	NF250-CV 2P 125A 36kA	2CL003A000002	3,600,000
2P	36	150	NF250-CV 2P 150A 36kA	2CL004A000005	3,600,000
2P	36	175	NF250-CV 2P 175A 36kA	2CL005A000007	3,600,000
2P	36	200	NF250-CV 2P 200A 36kA	2CL006A00000A	3,600,000
2P	36	225	NF250-CV 2P 225A 36kA	2CL007A00000C	3,600,000
2P	36	250	NF250-CV 2P 250A 36kA	2CL008A00000E	3,600,000
2P	50	250	NF400-CW 2P 250A 50kA	2FK001A000001	9,953,000
2P	50	300	NF400-CW 2P 300A 50kA	2FK002A000002	9,953,000
2P	50	350	NF400-CW 2P 350A 50kA	2FK003A000004	9,953,000
2P	50	400	NF400-CW 2P 400A 50kA	2FK004A000007	9,953,000
2P	50	500	NF630-CW 2P 500A 50kA	2FL002A000001	17,961,000
2P	50	600	NF630-CW 2P 600A 50kA	2FL003A00003L	17,961,000
2P	50	630	NF630-CW 2P 630A 50kA	2FL004A000002	17,961,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 2P					
2P	7.5	3	NF32-SV 2P 3A 7.5kA	2CB002A000002	1,102,000
2P	7.5	4	NF32-SV 2P 4A 7.5kA	2CB003A00003F	1,102,000

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 230VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 230VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 2P					
2P	7.5	5	NF32-SV 2P 5A 7.5kA	2CB004A000005	1,102,000
2P	7.5	6	NF32-SV 2P 6A 7.5kA	2CB005A000007	1,102,000
2P	7.5	10	NF32-SV 2P 10A 7.5kA	2CB006A00000C	1,102,000
2P	7.5	15	NF32-SV 2P 15A 7.5kA	2CB007A00000E	1,102,000
2P	7.5	16	NF32-SV 2P 16A 7.5kA	2CB008A00000H	1,102,000
2P	7.5	20	NF32-SV 2P 20A 7.5kA	2CB009A00000L	1,102,000
2P	7.5	25	NF32-SV 2P 25A 7.5kA	2CB010A00000M	1,102,000
2P	7.5	30	NF32-SV 2P 30A 7.5kA	2CB011A00000P	1,102,000
2P	7.5	32	NF32-SV 2P 32A 7.5kA	2CB012A00000S	1,102,000
2P	15	3	NF63-SV 2P 3A 15kA	2CE103A00005T	1,227,000
2P	15	4	NF63-SV 2P 4A 15kA	2CE104A00005V	1,227,000
2P	15	5	NF63-SV 2P 5A 15kA	2CE105A00001G	1,227,000
2P	15	6	NF63-SV 2P 6A 15kA	2CE106A00001H	1,227,000
2P	15	10	NF63-SV 2P 10A 15kA	2CE107A00001K	1,227,000
2P	15	15	NF63-SV 2P 15A 15kA	2CE108A00001M	1,227,000
2P	15	16	NF63-SV 2P 16A 15kA	2CE109A00001P	1,227,000
2P	15	20	NF63-SV 2P 20A 15kA	2CE110A00001S	1,227,000
2P	15	25	NF63-SV 2P 25A 15kA	2CE111A00001T	1,227,000
2P	15	30	NF63-SV 2P 30A 15kA	2CE112A00001U	1,227,000
2P	15	32	NF63-SV 2P 32A 15kA	2CE113A00001V	1,227,000
2P	15	40	NF63-SV 2P 40A 15kA	2CE114A00001X	1,227,000
2P	15	50	NF63-SV 2P 50A 15kA	2CE115A00001Z	1,227,000
2P	15	60	NF63-SV 2P 60A 15kA	2CE116A000065	1,227,000
2P	15	63	NF63-SV 2P 63A 15kA	2CE117A000021	1,227,000
2P	50	15	NF125-SV 2P 15A 50kA	2CH102A00004T	2,702,000
2P	50	16	NF125-SV 2P 16A 50kA	2CH103A000013	2,702,000
2P	50	20	NF125-SV 2P 20A 50kA	2CH104A000014	2,702,000
2P	50	30	NF125-SV 2P 30A 50kA	2CH105A00004V	2,702,000
2P	50	32	NF125-SV 2P 32A 50kA	2CH106A000015	2,702,000
2P	50	40	NF125-SV 2P 40A 50kA	2CH107A000016	2,702,000
2P	50	50	NF125-SV 2P 50A 50kA	2CH108A000017	2,702,000
2P	50	60	NF125-SV 2P 60A 50kA	2CH109A000051	2,702,000
2P	50	63	NF125-SV 2P 63A 50kA	2CH110A000019	2,702,000
2P	50	75	NF125-SV 2P 75A 50kA	2CH111A00001B	2,702,000
2P	50	80	NF125-SV 2P 80A 50kA	2CH112A00001D	2,702,000
2P	50	100	NF125-SV 2P 100A 50kA	2CH113A00001F	2,702,000
2P	50	125	NF125-SV 2P 125A 50kA	2CH114A00001G	2,702,000
2P	85	16-20	NF125-SGV 2P 16-20A 85kA	2CJ301A000005	4,549,000
2P	85	20-25	NF125-SGV 2P 20-25A 85kA	2CJ302A000006	4,549,000
2P	85	25-32	NF125-SGV 2P 25-32A 85kA	2CJ303A000028	4,549,000
2P	85	32-40	NF125-SGV 2P 32-40A 85kA	2CJ304A000029	4,549,000
2P	85	35-50	NF125-SGV 2P 35-50A 85kA	2CJ331A00002D	4,549,000
2P	85	45-63	NF125-SGV 2P 45-63A 85kA	2CJ332A00002E	4,549,000
2P	85	56-80	NF125-SGV 2P 56-80A 85kA	2CJ333A00002F	4,549,000
2P	85	70-100	NF125-SGV 2P 70-100A 85kA	2CJ334A00000F	4,549,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 230VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 230VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 2P					
2P	85	35-50	NF125-SGV 2P 35-50A 85kA	2CJ331A00002D	4,549,000
2P	85	45-63	NF125-SGV 2P 45-63A 85kA	2CJ332A00002E	4,549,000
2P	85	56-80	NF125-SGV 2P 56-80A 85kA	2CJ333A00002F	4,549,000
2P	85	70-100	NF125-SGV 2P 70-100A 85kA	2CJ334A00000F	4,549,000
2P	85	90-125	NF125-SGV 2P 90-125A 85kA	2CJ335A00002K	4,549,000
2P	85	125-160	NF160-SGV 2P 125-160A 85kA	2CK301A00000B	5,918,000
2P	85	160	NF250-SV 2P 160A 85kA	2CL109A00001A	5,573,000
2P	85	200	NF250-SV 2P 200A 85kA	2CL106A000018	5,992,000
2P	85	250	NF250-SV 2P 250A 85kA	2CL108A000019	5,992,000
2P	85	125-160	NF250-SGV 2P 125-160A 85kA	2CM101A000016	7,690,000
2P	85	140-200	NF250-SGV 2P 140-200A 85kA	2CM103A000017	7,690,000
2P	85	175-250	NF250-SGV 2P 175-250A 85kA	2CM104A000018	7,690,000
2P	85	250	NF400-SW 2P 250A 85kA	2FK201A00007L	14,118,000
2P	85	300	NF400-SW 2P 300A 85kA	2FK202A00001R	14,118,000
2P	85	350	NF400-SW 2P 350A 85kA	2FK203A00001S	14,118,000
2P	85	400	NF400-SW 2P 400A 85kA	2FK204A00001T	14,118,000
2P	85	500	NF630-SW 2P 500A 85kA	2FL202A000045	19,141,000
2P	85	600	NF630-SW 2P 600A 85kA	2FL203A000015	19,141,000
2P	85	630	NF630-SW 2P 630A 85kA	2FL204A000016	19,141,000
Dòng cao cấp *(High Class)* - 2P					
2P	25	10	NF63-HV 2P 10A 25kA	2CE301A000038	1,353,000
2P	25	15	NF63-HV 2P 15A 25kA	2CE302A000039	1,314,000
2P	25	16	NF63-HV 2P 16A 25kA	2CE303A00003C	1,353,000
2P	25	20	NF63-HV 2P 20A 25kA	2CE304A00003E	1,353,000
2P	25	25	NF63-HV 2P 25A 25kA	2CE305A00003F	1,353,000
2P	25	30	NF63-HV 2P 30A 25kA	2CE306A00003G	1,353,000
2P	25	32	NF63-HV 2P 32A 25kA	2CE307A00003J	1,353,000
2P	25	40	NF63-HV 2P 40A 25kA	2CE308A00003L	1,353,000
2P	25	50	NF63-HV 2P 50A 25kA	2CE309A00003M	1,353,000
2P	25	60	NF63-HV 2P 60A 25kA	2CE310A000070	1,353,000
2P	25	63	NF63-HV 2P 63A 25kA	2CE311A00003N	1,353,000
2P	100	15	NF125-HV 2P 15A 100kA	2CH301A00006J	4,196,000
2P	100	16	NF125-HV 2P 16A 100kA	2CH302A00002R	4,196,000
2P	100	20	NF125-HV 2P 20A 100kA	2CH303A00002S	4,196,000
2P	100	30	NF125-HV 2P 30A 100kA	2CH304A00006K	4,196,000
2P	100	32	NF125-HV 2P 32A 100kA	2CH305A00002T	4,196,000
2P	100	40	NF125-HV 2P 40A 100kA	2CH306A00002U	4,196,000
2P	100	50	NF125-HV 2P 50A 100kA	2CH307A00002V	4,196,000
2P	100	60	NF125-HV 2P 60A 100kA	2CH308A00006L	4,196,000
2P	100	63	NF125-HV 2P 63A 100kA	2CH309A00006M	4,196,000
2P	100	75	NF125-HV 2P 75A 100kA	2CH310A00006N	4,196,000
2P	100	80	NF125-HV 2P 80A 100kA	2CH311A00006P	4,196,000
2P	100	100	NF125-HV 2P 100A 100kA	2CH312A00002W	4,196,000
2P	100	125	NF125-HV 2P 125A 100kA	2CH313A00006Q	4,196,000
2P	90	16-20	NF125-LGV 2P 16-20A 90kA	2CJ401A00002L	5,690,000

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 230VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 230VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng cao cấp *(High Class)* - 2P					
2P	100	80	NF125-HV 2P 80A 100kA	2CH311A00006P	4,196,000
2P	100	100	NF125-HV 2P 100A 100kA	2CH312A00002W	4,196,000
2P	100	125	NF125-HV 2P 125A 100kA	2CH313A00006Q	4,196,000
2P	90	16-20	NF125-LGV 2P 16-20A 90kA	2CJ401A00002L	5,690,000
2P	90	20-25	NF125-LGV 2P 20-25A 90kA	2CJ402A00002M	5,690,000
2P	90	25-32	NF125-LGV 2P 25-32A 90kA	2CJ403A00002N	5,690,000
2P	90	32-40	NF125-LGV 2P 32-40A 90kA	2CJ404A00002P	5,690,000
2P	90	35-50	NF125-LGV 2P 35-50A 90kA	2CJ431A00002U	5,690,000
2P	90	45-63	NF125-LGV 2P 45-63A 90kA	2CJ432A00002V	5,690,000
2P	90	56-80	NF125-LGV 2P 56-80A 90kA	2CJ433A00002W	5,690,000
2P	90	70-100	NF125-LGV 2P 70-100A 90kA	2CJ434A00002X	5,690,000
2P	90	90-125	NF125-LGV 2P 90-125A 90kA	2CJ435A00002Y	5,690,000
2P	100	16-20	NF125-HGV 2P 16-20A 100kA	2CJ501A000017	6,557,000
2P	100	20-25	NF125-HGV 2P 20-25A 100kA	2CJ502A000031	6,557,000
2P	100	25-32	NF125-HGV 2P 25-32A 100kA	2CJ503A000018	6,557,000
2P	100	32-40	NF125-HGV 2P 32-40A 100kA	2CJ504A000019	6,557,000
2P	100	35-50	NF125-HGV 2P 35-50A 100kA	2CJ531A000036	6,557,000
2P	100	45-63	NF125-HGV 2P 45-63A 100kA	2CJ532A000037	6,557,000
2P	100	56-80	NF125-HGV 2P 56-80A 100kA	2CJ533A000038	6,557,000
2P	100	70-100	NF125-HGV 2P 70-100A 100kA	2CJ534A000039	6,557,000
2P	100	90-125	NF125-HGV 2P 90-125A 100kA	2CJ535A00003A	6,557,000
2P	90	125-160	NF160-LGV 2P 125-160A 90kA	2CK401A00000E	7,098,000
2P	100	125-160	NF160-HGV 2P 125-160A 100kA	2CK501A00000F	8,525,000
2P	100	125	NF250-HV 2P 125A 100kA	2CL201A00004S	7,098,000
2P	100	150	NF250-HV 2P 150A 100kA	2CL202A00004T	7,098,000
2P	100	175	NF250-HV 2P 175A 100kA	2CL203A00004U	7,098,000
2P	100	200	NF250-HV 2P 200A 100kA	2CL204A00002C	7,098,000
2P	100	225	NF250-HV 2P 225A 100kA	2CL205A00002D	7,098,000
2P	100	250	NF250-HV 2P 250A 100kA	2CL206A00004V	7,098,000
2P	100	160	NF250-HV 2P 160A 100kA	2CL207A00004W	7,098,000
2P	90	125-160	NF250-LGV 2P 125-160A 90kA	2CM201A00001D	9,231,000
2P	90	140-200	NF250-LGV 2P 140-200A 90kA	2CM203A00001E	9,231,000
2P	90	175-250	NF250-LGV 2P 175-250A 90kA	2CM204A00001F	9,231,000
2P	100	125-160	NF250-HGV 2P 125-160A 100kA	2CM301A00001G	11,078,000
2P	100	140-200	NF250-HGV 2P 140-200A 100kA	2CM303A00001H	11,078,000
2P	100	175-250	NF250-HGV 2P 175-250A 100kA	2CM304A00001J	11,078,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực *Pole*	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit Price (VND)*
Dòng kinh tế *(Economy Class)* - 3P					
3P	1.5	3	NF30-CS 3P 3A 1.5kA	2JA011A000018	1,149,000
3P	1.5	5	NF30-CS 3P 5A 1.5kA	2JA012A00001F	1,149,000
3P	1.5	10	NF30-CS 3P 10A 1.5kA	2JA013A00001L	1,149,000
3P	1.5	15	NF30-CS 3P 15A 1.5kA	2JA014A00001U	1,149,000
3P	1.5	20	NF30-CS 3P 20A 1.5kA	2JA015A00001Z	1,149,000
3P	1.5	30	NF30-CS 3P 30A 1.5kA	2JA016A000025	1,149,000
3P	5	3	NF63-CV 3P 3A 5kA	2CE023A000050	1,451,000
3P	5	4	NF63-CV 3P 4A 5kA	2CE024A000052	1,451,000
3P	5	5	NF63-CV 3P 5A 5kA	2CE025A00000L	1,451,000
3P	5	6	NF63-CV 3P 6A 5kA	2CE026A000055	1,451,000
3P	5	10	NF63-CV 3P 10A 5kA	2CE027A00000N	1,451,000
3P	5	15	NF63-CV 3P 15A 5kA	2CE028A00000Q	1,451,000
3P	5	16	NF63-CV 3P 16A 5kA	2CE029A00000S	1,451,000
3P	5	20	NF63-CV 3P 20A 5kA	2CE030A00000W	1,451,000
3P	5	25	NF63-CV 3P 25A 5kA	2CE031A00000X	1,451,000
3P	5	30	NF63-CV 3P 30A 5kA	2CE032A00000Z	1,451,000
3P	5	32	NF63-CV 3P 32A 5kA	2CE033A000012	1,451,000
3P	5	40	NF63-CV 3P 40A 5kA	2CE034A000016	1,451,000
3P	5	50	NF63-CV 3P 50A 5kA	2CE035A000019	1,451,000
3P	5	60	NF63-CV 3P 60A 5kA	2CE036A00001B	1,451,000
3P	5	63	NF63-CV 3P 63A 5kA	2CE037A00001D	1,451,000
3P	10	50	NF125-CV 3P 50A 10kA	2CH012A00000D	2,553,000
3P	10	60	NF125-CV 3P 60A 10kA	2CH013A00000F	2,553,000
3P	10	63	NF125-CV 3P 63A 10kA	2CH014A00000L	2,553,000
3P	10	75	NF125-CV 3P 75A 10kA	2CH015A00000P	2,553,000
3P	10	80	NF125-CV 3P 80A 10kA	2CH016A00000U	2,553,000
3P	10	100	NF125-CV 3P 100A 10kA	2CH017A00000Z	2,553,000
3P	10	125	NF125-CV 3P 125A 10kA	2CH018A000012	2,553,000
3P	25	100	NF250-CV 3P 100A 25kA	2CL012A00003S	4,412,000
3P	25	125	NF250-CV 3P 125A 25kA	2CL013A00000K	4,412,000
3P	25	150	NF250-CV 3P 150A 25kA	2CL014A00000R	4,412,000
3P	25	175	NF250-CV 3P 175A 25kA	2CL015A00000T	4,412,000
3P	25	200	NF250-CV 3P 200A 25kA	2CL016A00000Y	4,412,000
3P	25	225	NF250-CV 3P 225A 25kA	2CL017A000011	4,412,000
3P	25	250	NF250-CV 3P 250A 25kA	2CL018A000016	4,412,000
3P	36	250	NF400-CW 3P 250A 36kA	2FK031A00000A	10,447,000
3P	36	300	NF400-CW 3P 300A 36kA	2FK032A00000Q	10,447,000
3P	36	350	NF400-CW 3P 350A 36kA	2FK033A00000X	10,447,000
3P	36	400	NF400-CW 3P 400A 36kA	2FK034A00001F	10,447,000
3P	36	300	NF400-CW 3P 300A 36kA	2FK032A00000Q	10,447,000
3P	36	350	NF400-CW 3P 350A 36kA	2FK033A00000X	10,447,000
3P	36	400	NF400-CW 3P 400A 36kA	2FK034A00001F	10,447,000
3P	36	500	NF630-CW 3P 500A 36kA	2FL032A00000G	18,784,000
3P	36	600	NF630-CW 3P 600A 36kA	2FL033A00000T	18,784,000
3P	36	630	NF630-CW 3P 630A 36kA	2FL034A00000Z	18,784,000
3P	36	800	NF800-CEW 3P 800A 36kA	2FM006A00000L	32,741,000

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực *Pole*	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit Price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 3P					
3P	5	3	NF32-SV 3P 3A 5kA	2CB022A00000U	1,506,000
3P	5	4	NF32-SV 3P 4A 5kA	2CB023A00000V	1,506,000
3P	5	5	NF32-SV 3P 5A 5kA	2CB024A00000Y	1,506,000
3P	5	6	NF32-SV 3P 6A 5kA	2CB025A000011	1,506,000
3P	5	10	NF32-SV 3P 10A 5kA	2CB026A000016	1,506,000
3P	5	15	NF32-SV 3P 15A 5kA	2CB027A000018	1,506,000
3P	5	16	NF32-SV 3P 16A 5kA	2CB028A00001A	1,506,000
3P	5	20	NF32-SV 3P 20A 5kA	2CB029A00001E	1,506,000
3P	5	25	NF32-SV 3P 25A 5kA	2CB030A00001F	1,506,000
3P	5	30	NF32-SV 3P 30A 5kA	2CB031A00001H	1,506,000
3P	5	32	NF32-SV 3P 32A 5kA	2CB032A00001L	1,506,000
3P	7.5	3	NF63-SV 3P 3A 7.5kA	2CE123A000023	1,624,000
3P	7.5	4	NF63-SV 3P 4A 7.5kA	2CE124A000024	1,624,000
3P	7.5	5	NF63-SV 3P 5A 7.5kA	2CE125A000025	1,624,000
3P	7.5	6	NF63-SV 3P 6A 7.5kA	2CE126A000026	1,624,000
3P	7.5	10	NF63-SV 3P 10A 7.5kA	2CE127A000027	1,624,000
3P	7.5	15	NF63-SV 3P 15A 7.5kA	2CE128A00002A	1,624,000
3P	7.5	16	NF63-SV 3P 16A 7.5kA	2CE129A00002B	1,624,000
3P	7.5	20	NF63-SV 3P 20A 7.5kA	2CE130A00002E	1,624,000
3P	7.5	25	NF63-SV 3P 25A 7.5kA	2CE131A00002F	1,624,000
3P	7.5	30	NF63-SV 3P 30A 7.5kA	2CE132A00002J	1,624,000
3P	7.5	32	NF63-SV 3P 32A 7.5kA	2CE133A00002K	1,624,000
3P	7.5	40	NF63-SV 3P 40A 7.5kA	2CE134A00002N	1,624,000
3P	7.5	50	NF63-SV 3P 50A 7.5kA	2CE135A00002Q	1,624,000
3P	7.5	60	NF63-SV 3P 60A 7.5kA	2CE136A00002S	1,624,000
3P	7.5	63	NF63-SV 3P 63A 7.5kA	2CE137A00002T	1,624,000
3P	30	15	NF125-SV 3P 15A 30kA	2CH122A000055	3,482,000
3P	30	16	NF125-SV 3P 16A 30kA	2CH123A00001K	3,482,000
3P	30	20	NF125-SV 3P 20A 30kA	2CH124A00001L	3,482,000
3P	30	30	NF125-SV 3P 30A 30kA	2CH125A00001N	3,482,000
3P	30	32	NF125-SV 3P 32A 30kA	2CH126A00001P	3,482,000
3P	30	40	NF125-SV 3P 40A 30kA	2CH127A00001S	3,482,000
3P	30	50	NF125-SV 3P 50A 30kA	2CH128A00001W	3,482,000
3P	30	60	NF125-SV 3P 60A 30kA	2CH129A00001Z	3,482,000
3P	30	63	NF125-SV 3P 63A 30kA	2CH130A000020	3,482,000
3P	30	75	NF125-SV 3P 75A 30kA	2CH131A000023	3,482,000
3P	30	80	NF125-SV 3P 80A 30kA	2CH132A000024	3,482,000
3P	30	100	NF125-SV 3P 100A 30kA	2CH133A00002A	3,482,000
3P	30	125	NF125-SV 3P 125A 30kA	2CH134A00002C	3,482,000
3P	36	16-20	NF125-SGV 3P 16-20A 36kA	2CJ311A000007	5,690,000
3P	36	20-25	NF125-SGV 3P 20-25A 36kA	2CJ312A000008	5,690,000
3P	36	25-32	NF125-SGV 3P 25-32A 36kA	2CJ313A000009	5,690,000
3P	36	32-40	NF125-SGV 3P 32-40A 36kA	2CJ314A00000A	5,690,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 3P					
3P	36	35-50	NF125-SGV 3P 35-50A 36kA	2CJ341A00000G	5,690,000
3P	36	45-63	NF125-SGV 3P 45-63A 36kA	2CJ342A00000H	5,690,000
3P	36	56-80	NF125-SGV 3P 56-80A 36kA	2CJ343A00000K	5,690,000
3P	36	70-100	NF125-SGV 3P 70-100A 36kA	2CJ344A00000M	5,690,000
3P	36	90-125	NF125-SGV 3P 90-125A 36kA	2CJ345A00000P	5,690,000
3P	36	125-160	NF160-SGV 3P 125-160A 36kA	2CK311A000005	7,396,000
3P	36	16-32	NF125-SEV 3P 16-32A 36kA	2CJ106A000001	17,078,000
3P	36	32-63	NF125-SEV 3P 32-63A 36kA	2CJ107A000002	17,078,000
3P	36	63-125	NF125-SEV 3P 63-125A 36kA	2CJ108A000003	17,078,000
3P	36	100	NF250-SV 3P 100A 36kA	2CL112A000043	6,035,000
3P	36	125	NF250-SV 3P 125A 36kA	2CL113A00001E	6,035,000
3P	36	150	NF250-SV 3P 150A 36kA	2CL114A00001J	6,035,000
3P	36	160	NF250-SV 3P 160A 36kA	2CL119A000022	6,035,000
3P	36	175	NF250-SV 3P 175A 36kA	2CL115A00001M	6,467,000
3P	36	200	NF250-SV 3P 200A 36kA	2CL116A00001R	6,467,000
3P	36	225	NF250-SV 3P 225A 36kA	2CL117A00001W	6,467,000
3P	36	250	NF250-SV 3P 250A 36kA	2CL118A00001Z	6,467,000
3P	36	125-160	NF250-SGV 3P 125-160A 36kA	2CM111A000004	9,463,000
3P	36	140-200	NF250-SGV 3P 140-200A 36kA	2CM113A000005	9,463,000
3P	36	175-250	NF250-SGV 3P 175-250A 36kA	2CM114A000006	9,463,000
3P	36	80-160	NF250-SEV 3P 80-160A 36kA	2CM008A000001	21,278,000
3P	36	125-250	NF250-SEV 3P 125-250A 36kA	2CM009A000002	21,278,000
3P	45	250	NF400-SW 3P 250A 45kA	2FK221A00001X	14,635,000
3P	45	300	NF400-SW 3P 300A 45kA	2FK222A000024	14,635,000
3P	45	350	NF400-SW 3P 350A 45kA	2FK223A000029	14,635,000
3P	45	400	NF400-SW 3P 400A 45kA	2FK224A00002L	14,635,000
3P	50	400	NF400-SEW 3P 400A 50kA	2FK306A000039	23,157,000
3P	50	500	NF630-SW 3P 500A 50kA	2FL222A00001G	19,612,000
3P	50	600	NF630-SW 3P 600A 50kA	2FL223A00001T	19,612,000
3P	50	630	NF630-SW 3P 630A 50kA	2FL224A00001Z	19,612,000
3P	50	630	NF630-SEW 3P 630A 50kA	2FL306A00002H	27,863,000
3P	50	800	NF800-SEW 3P 800A 50kA	2FM306A000015	33,090,000
3P	85	1000	NF1000-SEW 3P 1000A 85kA	2FN206A00000P	68,086,000
3P	85	1250	NF1250-SEW 3P 1250A 85kA	2FN407A00001D	73,137,000
3P	85	1600	NF1600-SEW 3P 1600A 85kA	2FN706A000026	96,604,000
Dòng cao cấp *(High Class)* - 3P					
3P	10	10	NF63-HV 3P 10A 10kA	2CE321A00003P	1,835,000
3P	10	15	NF63-HV 3P 15A 10kA	2CE322A00003Q	1,835,000
3P	10	16	NF63-HV 3P 16A 10kA	2CE323A00003R	1,835,000
3P	10	20	NF63-HV 3P 20A 10kA	2CE324A00003T	1,835,000
3P	10	25	NF63-HV 3P 25A 10kA	2CE325A00003U	1,835,000
3P	10	30	NF63-HV 3P 30A 10kA	2CE326A00003V	1,835,000
3P	10	32	NF63-HV 3P 32A 10kA	2CE327A00003W	1,835,000
3P	10	40	NF63-HV 3P 40A 10kA	2CE328A000040	1,835,000

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 3P					
3P	5	3	NF32-SV 3P 3A 5kA	2CB022A00000U	1,506,000
3P	5	4	NF32-SV 3P 4A 5kA	2CB023A00000V	1,506,000
3P	5	5	NF32-SV 3P 5A 5kA	2CB024A00000Y	1,506,000
3P	5	6	NF32-SV 3P 6A 5kA	2CB025A000011	1,506,000
3P	5	10	NF32-SV 3P 10A 5kA	2CB026A000016	1,506,000
3P	5	15	NF32-SV 3P 15A 5kA	2CB027A000018	1,506,000
3P	5	16	NF32-SV 3P 16A 5kA	2CB028A00001A	1,506,000
3P	5	20	NF32-SV 3P 20A 5kA	2CB029A00001E	1,506,000
3P	5	25	NF32-SV 3P 25A 5kA	2CB030A00001F	1,506,000
3P	5	30	NF32-SV 3P 30A 5kA	2CB031A00001H	1,506,000
3P	5	32	NF32-SV 3P 32A 5kA	2CB032A00001L	1,506,000
3P	7.5	3	NF63-SV 3P 3A 7.5kA	2CE123A000023	1,624,000
3P	7.5	4	NF63-SV 3P 4A 7.5kA	2CE124A000024	1,624,000
3P	7.5	5	NF63-SV 3P 5A 7.5kA	2CE125A000025	1,624,000
3P	7.5	6	NF63-SV 3P 6A 7.5kA	2CE126A000026	1,624,000
3P	7.5	10	NF63-SV 3P 10A 7.5kA	2CE127A000027	1,624,000
3P	7.5	15	NF63-SV 3P 15A 7.5kA	2CE128A00002A	1,624,000
3P	7.5	16	NF63-SV 3P 16A 7.5kA	2CE129A00002B	1,624,000
3P	7.5	20	NF63-SV 3P 20A 7.5kA	2CE130A00002E	1,624,000
3P	7.5	25	NF63-SV 3P 25A 7.5kA	2CE131A00002F	1,624,000
3P	7.5	30	NF63-SV 3P 30A 7.5kA	2CE132A00002J	1,624,000
3P	7.5	32	NF63-SV 3P 32A 7.5kA	2CE133A00002K	1,624,000
3P	7.5	40	NF63-SV 3P 40A 7.5kA	2CE134A00002N	1,624,000
3P	7.5	50	NF63-SV 3P 50A 7.5kA	2CE135A00002Q	1,624,000
3P	7.5	60	NF63-SV 3P 60A 7.5kA	2CE136A00002S	1,624,000
3P	7.5	63	NF63-SV 3P 63A 7.5kA	2CE137A00002T	1,624,000
3P	30	15	NF125-SV 3P 15A 30kA	2CH122A000055	3,482,000
3P	30	16	NF125-SV 3P 16A 30kA	2CH123A00001K	3,482,000
3P	30	20	NF125-SV 3P 20A 30kA	2CH124A00001L	3,482,000
3P	30	30	NF125-SV 3P 30A 30kA	2CH125A00001N	3,482,000
3P	30	32	NF125-SV 3P 32A 30kA	2CH126A00001P	3,482,000
3P	30	40	NF125-SV 3P 40A 30kA	2CH127A00001S	3,482,000
3P	30	50	NF125-SV 3P 50A 30kA	2CH128A00001W	3,482,000
3P	30	60	NF125-SV 3P 60A 30kA	2CH129A00001Z	3,482,000
3P	30	63	NF125-SV 3P 63A 30kA	2CH130A000020	3,482,000
3P	30	75	NF125-SV 3P 75A 30kA	2CH131A000023	3,482,000
3P	30	80	NF125-SV 3P 80A 30kA	2CH132A000024	3,482,000
3P	30	100	NF125-SV 3P 100A 30kA	2CH133A00002A	3,482,000
3P	30	125	NF125-SV 3P 125A 30kA	2CH134A00002C	3,482,000
3P	36	16-20	NF125-SGV 3P 16-20A 36kA	2CJ311A000007	5,690,000
3P	36	20-25	NF125-SGV 3P 20-25A 36kA	2CJ312A000008	5,690,000
3P	36	25-32	NF125-SGV 3P 25-32A 36kA	2CJ313A000009	5,690,000
3P	36	32-40	NF125-SGV 3P 32-40A 36kA	2CJ314A00000A	5,690,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực *Pole*	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit Price (VND)*
Dòng cao cấp *(High Class)* - 3P					
3P	75	160	NF250-HV 3P 160A 75kA	2CL217A00002X	7,098,000
3P	75	150	NF250-HV 3P 150A 75kA	2CL212A00002H	7,098,000
3P	75	160	NF250-HV 3P 160A 75kA	2CL217A00002X	7,098,000
3P	75	175	NF250-HV 3P 175A 75kA	2CL213A00002K	7,624,000
3P	75	200	NF250-HV 3P 200A 75kA	2CL214A00002P	7,624,000
3P	75	225	NF250-HV 3P 225A 75kA	2CL215A00002S	7,624,000
3P	75	250	NF250-HV 3P 250A 75kA	2CL216A00002V	7,624,000
3P	75	125-160	NF250-HGV 3P 125-160A 75kA	2CM311A00000F	16,059,000
3P	75	140-200	NF250-HGV 3P 140-200A 75kA	2CM313A00000G	16,059,000
3P	75	175-250	NF250-HGV 3P 175-250A 75kA	2CM314A00000J	16,059,000
3P	75	80-160	NF250-HEV 3P 80-160A 75kA	2CM028A000003	25,122,000
3P	75	125-250	NF250-HEV 3P 125-250A 75kA	2CM029A000012	25,122,000
3P	70	400	NF400-HEW 3P 400A 70kA	2FK406A00003P	25,506,000
3P	70	630	NF630-HEW 3P 630A 70kA	2FL406A00002X	30,588,000
3P	70	800	NF800-HEW 3P 800A 70kA	2FM506A00001S	39,776,000
3P	125	400	NF400-REW 3P 400A 125kA	2FK506A00003T	39,639,000
3P	125	630	NF630-REW 3P 630A 125kA	2FL506A000031	42,067,000
3P	125	800	NF800-REW 3P 800A 125kA	2FM606A00001U	55,357,000
3P	150	16-20	NF125-RGV 3P 16-20A 150kA	2CJ611A00003Q	24,859,000
3P	150	20-25	NF125-RGV 3P 20-25A 150kA	2CJ612A00003R	24,859,000
3P	150	25-32	NF125-RGV 3P 25-32A 150kA	2CJ613A00003S	24,859,000
3P	150	32-40	NF125-RGV 3P 32-40A 150kA	2CJ614A00003T	24,859,000
3P	150	40-50	NF125-RGV 3P 40-50A 150kA	2CJ619A00003X	24,859,000
3P	150	50-63	NF125-RGV 3P 50-63A 150kA	2CJ620A00003Y	24,859,000
3P	150	63-80	NF125-RGV 3P 63-80A 150kA	2CJ616A00003U	24,859,000
3P	150	80-100	NF125-RGV 3P 80-100A 150kA	2CJ617A00003V	24,859,000
3P	150	100-125	NF125-RGV 3P 100-125A 150kA	2CJ618A00003W	24,859,000
3P	150	125-160	NF250-RGV 3P 125-160A 150kA	2CM711A00000Y	34,388,000
3P	150	160-200	NF250-RGV 3P 160-200A 150kA	2CM712A00001R	34,388,000
3P	150	200-250	NF250-RGV 3P 200-250A 150kA	2CM713A00000Z	34,388,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 4P					
4P	7.5	3	NF63-SV 4P 3A 7.5kA	2CE143A00002U	2,176,000
4P	7.5	4	NF63-SV 4P 4A 7.5kA	2CE144A00002V	2,176,000
4P	7.5	5	NF63-SV 4P 5A 7.5kA	2CE145A00002W	2,176,000
4P	7.5	6	NF63-SV 4P 6A 7.5kA	2CE146A00002X	2,176,000
4P	7.5	10	NF63-SV 4P 10A 7.5kA	2CE147A00002Y	2,176,000
4P	7.5	15	NF63-SV 4P 15A 7.5kA	2CE148A00006K	2,176,000
4P	7.5	16	NF63-SV 4P 16A 7.5kA	2CE149A00002Z	2,176,000
4P	7.5	20	NF63-SV 4P 20A 7.5kA	2CE150A000030	2,176,000
4P	7.5	25	NF63-SV 4P 25A 7.5kA	2CE151A000031	2,176,000
4P	7.5	30	NF63-SV 4P 30A 7.5kA	2CE152A00006L	2,176,000
4P	7.5	32	NF63-SV 4P 32A 7.5kA	2CE153A000032	2,176,000
4P	7.5	40	NF63-SV 4P 40A 7.5kA	2CE154A000033	2,176,000
4P	7.5	50	NF63-SV 4P 50A 7.5kA	2CE155A000034	2,176,000

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực *Pole*	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit Price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 4P					
4P	7.5	60	NF63-SV 4P 60A 7.5kA	2CE156A00006M	2,176,000
4P	7.5	63	NF63-SV 4P 63A 7.5kA	2CE157A000035	2,176,000
4P	30	15	NF125-SV 4P 15A 30kA	2CH142A00005Z	4,902,000
4P	30	16	NF125-SV 4P 16A 30kA	2CH143A00002D	4,902,000
4P	30	20	NF125-SV 4P 20A 30kA	2CH144A000060	4,902,000
4P	30	30	NF125-SV 4P 30A 30kA	2CH145A000061	4,902,000
4P	30	32	NF125-SV 4P 32A 30kA	2CH146A00002E	4,902,000
4P	30	40	NF125-SV 4P 40A 30kA	2CH147A00002F	4,902,000
4P	30	50	NF125-SV 4P 50A 30kA	2CH148A00002G	4,902,000
4P	30	60	NF125-SV 4P 60A 30kA	2CH149A000063	4,902,000
4P	30	63	NF125-SV 4P 63A 30kA	2CH150A00002J	4,902,000
4P	30	75	NF125-SV 4P 75A 30kA	2CH151A000065	4,902,000
4P	30	80	NF125-SV 4P 80A 30kA	2CH152A00002K	4,902,000
4P	30	100	NF125-SV 4P 100A 30kA	2CH153A00002N	4,902,000
4P	30	125	NF125-SV 4P 125A 30kA	2CH154A00002P	4,902,000
4P	36	16-20	NF125-SGV 4P 16-20A 36kA	2CJ321A00000B	10,808,000
4P	36	20-25	NF125-SGV 4P 20-25A 36kA	2CJ322A00000C	10,808,000
4P	36	25-32	NF125-SGV 4P 25-32A 36kA	2CJ323A00000D	10,808,000
4P	36	32-40	NF125-SGV 4P 32-40A 36kA	2CJ324A00000E	10,808,000
4P	36	35-50	NF125-SGV 4P 35-50A 36kA	2CJ351A00000Q	10,808,000
4P	36	45-63	NF125-SGV 4P 45-63A 36kA	2CJ352A00000R	10,808,000
4P	36	56-80	NF125-SGV 4P 56-80A 36kA	2CJ353A00000S	10,808,000
4P	36	70-100	NF125-SGV 4P 70-100A 36kA	2CJ354A00000T	10,808,000
4P	36	90-125	NF125-SGV 4P 90-125A 36kA	2CJ355A00000U	10,808,000
4P	36	125-160	NF160-SGV 4P 125-160A 36kA	2CK321A000006	10,357,000
4P	36	16-32	NF125-SEV 4P 16-32A 36kA	2CJ116A00001Z	24,467,000
4P	36	32-63	NF125-SEV 4P 32-63A 36kA	2CJ117A000020	24,467,000
4P	36	63-125	NF125-SEV 4P 63-125A 36kA	2CJ118A000021	24,467,000
4P	36	100	NF250-SV 4P 100A 36kA	2CL122A00004J	9,635,000
4P	36	125	NF250-SV 4P 125A 36kA	2CL123A000023	9,635,000
4P	36	150	NF250-SV 4P 150A 36kA	2CL124A000024	9,635,000
4P	36	160	NF250-SV 4P 160A 36kA	2CL129A00002A	9,635,000
4P	36	175	NF250-SV 4P 175A 36kA	2CL125A000026	10,722,000
4P	36	200	NF250-SV 4P 200A 36kA	2CL126A000027	10,722,000
4P	36	225	NF250-SV 4P 225A 36kA	2CL127A000028	10,722,000
4P	36	250	NF250-SV 4P 250A 36kA	2CL128A000029	10,722,000
4P	36	125-160	NF250-SGV 4P 125-160A 36kA	2CM121A00001B	13,247,000
4P	36	140-200	NF250-SGV 4P 140-200A 36kA	2CM123A00001C	13,247,000
4P	36	175-250	NF250-SGV 4P 175-250A 36kA	2CM124A000007	13,247,000
4P	36	80-160	NF250-SEV 4P 80-160A 36kA	2CM018A000010	23,925,000
4P	36	125-250	NF250-SEV 4P 125-250A 36kA	2CM019A000011	23,925,000
4P	45	250	NF400-SW 4P 250A 45kA	2FK251A00002N	20,192,000
4P	45	300	NF400-SW 4P 300A 45kA	2FK252A00002S	20,192,000
4P	45	350	NF400-SW 4P 350A 45kA	2FK253A00002U	20,192,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* - 4P					
4P	45	400	NF400-SW 4P 400A 45kA	2FK254A00002Z	20,192,000
4P	50	400	NF400-SEW 4P 400A 50kA	2FK326A00003E	37,318,000
4P	50	500	NF630-SW 4P 500A 50kA	2FL252A000025	28,933,000
4P	50	600	NF630-SW 4P 600A 50kA	2FL253A000027	28,933,000
4P	50	630	NF630-SW 4P 630A 50kA	2FL254A000029	28,933,000
4P	50	630	NF630-SEW 4P 630A 50kA	2FL326A00002N	40,851,000
4P	50	800	NF800-SEW 4P 800A 50kA	2FM326A00001G	50,808,000
4P	85	1000	NF1000-SEW 4P 1000A 85kA	2FN226A00000X	85,082,000
4P	85	1250	NF1250-SEW 4P 1250A 85kA	2FN427A00001N	107,024,000
4P	85	1600	NF1600-SEW 4P 1600A 85kA	2FN726A00002D	135,337,000
Dòng cao cấp *(High Class)* - 4P					
4P	10	10	NF63-HV 4P 10A 10kA	2CE341A000044	2,365,000
4P	10	15	NF63-HV 4P 15A 10kA	2CE342A000045	2,365,000
4P	10	16	NF63-HV 4P 16A 10kA	2CE343A000046	2,365,000
4P	10	20	NF63-HV 4P 20A 10kA	2CE344A000047	2,365,000
4P	10	25	NF63-HV 4P 25A 10kA	2CE345A000048	2,365,000
4P	10	30	NF63-HV 4P 30A 10kA	2CE346A00007E	2,365,000
4P	10	32	NF63-HV 4P 32A 10kA	2CE347A00004A	2,365,000
4P	10	40	NF63-HV 4P 40A 10kA	2CE348A00004B	2,365,000
4P	10	50	NF63-HV 4P 50A 10kA	2CE349A00004E	2,365,000
4P	10	60	NF63-HV 4P 60A 10kA	2CE350A00007F	2,365,000
4P	10	63	NF63-HV 4P 63A 10kA	2CE351A00004H	2,365,000
4P	50	15	NF125-HV 4P 15A 50kA	2CH341A000074	7,980,000
4P	50	16	NF125-HV 4P 16A 50kA	2CH342A00003R	7,980,000
4P	50	20	NF125-HV 4P 20A 50kA	2CH343A000075	7,980,000
4P	50	30	NF125-HV 4P 30A 50kA	2CH344A000076	7,980,000
4P	50	32	NF125-HV 4P 32A 50kA	2CH345A00003T	7,980,000
4P	50	40	NF125-HV 4P 40A 50kA	2CH346A000077	7,980,000
4P	50	50	NF125-HV 4P 50A 50kA	2CH347A00003U	7,980,000
4P	50	60	NF125-HV 4P 60A 50kA	2CH348A000078	7,980,000
4P	50	63	NF125-HV 4P 63A 50kA	2CH349A00003W	7,980,000
4P	50	75	NF125-HV 4P 75A 50kA	2CH350A000079	7,980,000
4P	50	80	NF125-HV 4P 80A 50kA	2CH351A00003X	7,980,000
4P	50	100	NF125-HV 4P 100A 50kA	2CH352A00003Z	7,980,000
4P	50	125	NF125-HV 4P 125A 50kA	2CH353A000040	7,980,000
4P	50	16-20	NF125-LGV 4P 16-20A 50kA	2CJ421A00002Q	17,776,000
4P	50	20-25	NF125-LGV 4P 20-25A 50kA	2CJ422A00002R	17,776,000
4P	50	25-32	NF125-LGV 4P 25-32A 50kA	2CJ423A00002S	17,776,000
4P	50	32-40	NF125-LGV 4P 32-40A 50kA	2CJ424A00002T	17,776,000
4P	50	35-50	NF125-LGV 4P 35-50A 50kA	2CJ451A00002Z	17,776,000
4P	50	45-63	NF125-LGV 4P 45-63A 50kA	2CJ452A000030	17,776,000
4P	50	56-80	NF125-LGV 4P 56-80A 50kA	2CJ453A000014	17,776,000
4P	50	70-100	NF125-LGV 4P 70-100A 50kA	2CJ454A000015	17,776,000
4P	50	90-125	NF125-LGV 4P 90-125A 50kA	2CJ455A000016	17,776,000

MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI-DÒNG NF
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-NF SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức In tới 1600A

- Made in Japan
- IEC Standard 60947-1,2
- Rated current In up to 1600A

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
Dòng cao cấp *(High Class)* - 4P					
4P	50	125-160	NF160-LGV 4P 125-160A 50kA	2CK421A000008	15,224,000
4P	50	125-160	NF250-LGV 4P 125-160A 50kA	2CM221A00000B	17,776,000
4P	50	140-200	NF250-LGV 4P 140-200A 50kA	2CM223A00000C	17,776,000
4P	50	175-250	NF250-LGV 4P 175-250A 50kA	2CM224A00000D	17,776,000
4P	75	16-20	NF125-HGV 4P 16-20A 75kA	2CJ521A000032	17,596,000
4P	75	20-25	NF125-HGV 4P 20-25A 75kA	2CJ522A000033	17,596,000
4P	75	25-32	NF125-HGV 4P 25-32A 75kA	2CJ523A000034	17,596,000
4P	75	32-40	NF125-HGV 4P 32-40A 75kA	2CJ524A000035	17,596,000
4P	75	35-50	NF125-HGV 4P 35-50A 75kA	2CJ551A00003B	17,596,000
4P	75	45-63	NF125-HGV 4P 45-63A 75kA	2CJ552A00003C	17,596,000
4P	75	56-80	NF125-HGV 4P 56-80A 75kA	2CJ553A00003D	17,596,000
4P	75	70-100	NF125-HGV 4P 70-100A 75kA	2CJ554A00003E	17,596,000
4P	75	90-125	NF125-HGV 4P 90-125A 75kA	2CJ555A00001M	17,596,000
4P	75	125-160	NF160-HGV 4P 125-160A 75kA	2CK512A00000G	18,761,000
4P	75	16-32	NF125-HEV 4P 16-32A 75kA	2CJ216A000024	37,647,000
4P	75	32-63	NF125-HEV 4P 32-63A 75kA	2CJ217A000025	37,647,000
4P	75	63-125	NF125-HEV 4P 63-125A 75kA	2CJ218A000026	37,647,000
4P	75	125	NF250-HV 4P 125A 75kA	2CL221A00002Y	16,157,000
4P	75	150	NF250-HV 4P 150A 75kA	2CL222A00002Z	16,157,000
4P	75	160	NF250-HV 4P 160A 75kA	2CL227A000032	16,157,000
4P	75	175	NF250-HV 4P 175A 75kA	2CL223A000054	18,298,000
4P	75	200	NF250-HV 4P 200A 75kA	2CL224A000056	18,298,000
4P	75	225	NF250-HV 4P 225A 75kA	2CL225A000030	18,298,000
4P	75	250	NF250-HV 4P 250A 75kA	2CL226A000031	18,298,000
4P	75	125-160	NF250-HGV 4P 125-160A 75kA	2CM321A00001K	21,957,000
4P	75	140-200	NF250-HGV 4P 140-200A 75kA	2CM323A00001L	21,957,000
4P	75	175-250	NF250-HGV 4P 175-250A 75kA	2CM324A00000K	21,957,000
4P	75	80-160	NF250-HEV 4P 80-160A 75kA	2CM038A000013	42,173,000
4P	75	125-250	NF250-HEV 4P 125-250A 75kA	2CM039A000014	42,173,000
4P	70	400	NF400-HEW 4P 400A 70kA	2FK426A00003R	33,157,000
4P	70	630	NF630-HEW 4P 630A 70kA	2FL426A00002Z	42,267,000
4P	70	800	NF800-HEW 4P 800A 70kA	2FM526A00001T	57,945,000
4P	125	350	NF400-REW 3P 350A 125kA	2FK505A0000L8	38,604,000
4P	125	500	NF630-REW 3P 500A 125kA	2FL504A0000B9	40,969,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

THIẾT BỊ ĐÓNG NGẮT DÀNH CHO ĐỘNG CƠ-DÒNG MMP-T32
MOTOR CIRCUIT BREAKER-MMP-T32

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dùng bảo vệ quá tải và ngắn mạch
- Lắp trực tiếp vào công tắc tơ

- *Made in Japan*
- *Use for overload and short-circuit protection*
- *Install to contactor directly*

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Giá trị cài đặt (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Setting range (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard class)*						
3P	100	0.16	0.1-0.16	MMP-T32LF 0.16A	1GM101	1,961,000
3P	100	0.25	0.16-0.25	MMP-T32LF 0.25A	1GM102	1,961,000
3P	100	0.4	0.25-0.4	MMP-T32LF 0.4A	1GM103	1,961,000
3P	100	0.63	0.4-0.63	MMP-T32LF 0.63A	1GM104	1,961,000
3P	100	1	0.63-1.0	MMP-T32LF 1.0A	1GM105	1,961,000
3P	100	1.6	1.0-1.6	MMP-T32LF 1.6A	1GM106	1,961,000
3P	100	2.5	1.6-2.5	MMP-T32LF 2.5A	1GM107	1,961,000
3P	100	4	2.5-4.0	MMP-T32LF 4.0A	1GM108	1,961,000
3P	100	6.3	4.0-6.3	MMP-T32LF 6.3A	1GM109	1,965,000
3P	100	8	5.5-8.0	MMP-T32LF 8.0A	1GM110	1,961,000
3P	100	10	7-10	MMP-T32LF 10A	1GM111	1,961,000
3P	15	13	9-13	MMP-T32LF 13A	1GM112	1,965,000
3P	15	18	12-18	MMP-T32LF 18A	1GM113	1,961,000
3P	15	25	18-25	MMP-T32LF 25A	1GM114	1,961,000
3P	10	32	24-32	MMP-T32LF 32A	1GM115	1,961,000
Dòng tiêu chuẩn hỗ trợ đấu nối nhanh *(Standard class support fast wiring)*						
3P	100	0.16	0.1-0.16	MMP-T32BCLF 0.16A	1GM121	2,255,000
3P	100	0.25	0.16-0.25	MMP-T32BCLF 0.25A	1GM122	2,255,000
3P	100	0.4	0.25-0.4	MMP-T32BCLF 0.4A	1GM123	2,255,000
3P	100	0.63	0.4-0.63	MMP-T32BCLF 0.63A	1GM124	2,255,000
3P	100	1	0.63-1.0	MMP-T32BCLF 1.0A	1GM125	2,255,000
3P	100	1.6	1.0-1.6	MMP-T32BCLF 1.6A	1GM126	2,255,000
3P	100	2.5	1.6-2.5	MMP-T32BCLF 2.5A	1GM127	2,255,000
3P	100	4	2.5-4.0	MMP-T32BCLF 4.0A	1GM128	2,255,000
3P	100	6.3	4.0-6.3	MMP-T32BCLF 6.3A	1GM129	2,255,000
3P	100	8	5.5-8.0	MMP-T32BCLF 8.0A	1GM130	2,255,000
3P	100	10	7-10	MMP-T32BCLF 10A	1GM131	2,255,000
3P	15	13	9-13	MMP-T32BCLF 13A	1GM132	2,255,000
3P	15	18	12-18	MMP-T32BCLF 18A	1GM133	2,255,000
3P	15	25	18-25	MMP-T32BCLF 25A	1GM134	2,255,000
3P	10	32	24-32	MMP-T32BCLF 32A	1GM135	2,255,000

*Note: (*1): MMP-T32LF và MMP-T32BCLF đáp ứng tiêu chuẩn IEC (comply with IEC)*

*(*2): MMP-T32 và MMP-T32BC đáp ứng tiêu chuẩn IEC, JIS và UL (comply with IEC, JIS and UL)*

THIẾT BỊ ĐÓNG NGẮT DÀNH CHO ĐỘNG CƠ-DÒNG MMP-T32
MOTOR CIRCUIT BREAKER-MMP-T32

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dùng bảo vệ quá tải và ngắn mạch
- Lắp trực tiếp vào công tắc tơ

- *Made in Japan*
- *Use for overload and short-circuit protection*
- *Install to contactor directly*

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Giá trị cài đặt (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Setting range (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng cao cấp *(High class)*						
3P	100	0.16	0.1-0.16	MMP-T32 0.16A	1GM001	3,008,000
3P	100	0.25	0.16-0.25	MMP-T32 0.25A	1GM002	3,008,000
3P	100	0.4	0.25-0.4	MMP-T32 0.4A	1GM003	3,008,000
3P	100	0.63	0.4-0.63	MMP-T32 0.63A	1GM004	3,008,000
3P	100	1	0.63-1.0	MMP-T32 1.0A	1GM005	3,008,000
3P	100	1.6	1.0-1.6	MMP-T32 1.6A	1GM006	3,008,000
3P	100	2.5	1.6-2.5	MMP-T32 2.5A	1GM007	3,008,000
3P	100	4	2.5-4.0	MMP-T32 4.0A	1GM008	3,008,000
3P	100	6.3	4.0-6.3	MMP-T32 6.3A	1GM009	3,298,000
3P	100	8	5.5-8.0	MMP-T32 8.0A	1GM010	3,298,000
3P	100	10	7-10	MMP-T32 10A	1GM011	3,298,000
3P	100	13	9-13	MMP-T32 13A	1GM012	3,714,000
3P	50	18	12-18	MMP-T32 18A	1GM013	3,714,000
3P	50	25	18-25	MMP-T32 25A	1GM014	3,714,000
3P	50	32	24-32	MMP-T32 32A	1GM015	3,714,000
Dòng cao cấp hỗ trợ đấu nối nhanh *(High class support fast wiring)*						
3P	100	0.16	0.1-0.16	MMP-T32BC 0.16A	1GM021	3,075,000
3P	100	0.25	0.16-0.25	MMP-T32BC 0.25A	1GM022	3,075,000
3P	100	0.4	0.25-0.4	MMP-T32BC 0.4A	1GM023	3,075,000
3P	100	0.63	0.4-0.63	MMP-T32BC 0.63A	1GM024	3,075,000
3P	100	1	0.63-1.0	MMP-T32BC 1.0A	1GM025	3,075,000
3P	100	1.6	1.0-1.6	MMP-T32BC 1.6A	1GM026	3,075,000
3P	100	2.5	1.6-2.5	MMP-T32BC 2.5A	1GM027	3,075,000
3P	100	4	2.5-4.0	MMP-T32BC 4.0A	1GM028	3,075,000
3P	100	6.3	4.0-6.3	MMP-T32BC 6.3A	1GM029	3,204,000
3P	100	8	5.5-8.0	MMP-T32BC 8.0A	1GM030	3,204,000
3P	100	10	7-10	MMP-T32BC 10A	1GM031	3,204,000
3P	100	13	9-13	MMP-T32BC 13A	1GM032	3,204,000
3P	50	18	12-18	MMP-T32BC 18A	1GM033	3,204,000
3P	50	25	18-25	MMP-T32BC 25A	1GM034	3,204,000
3P	50	32	24-32	MMP-T32BC 32A	1GM035	3,204,000

*Note: (*1): MMP-T32LF và MMP-T32BCLF đáp ứng tiêu chuẩn IEC (comply with IEC)*

*(*2): MMP-T32 và MMP-T32BC đáp ứng tiêu chuẩn IEC, JIS và UL (comply with IEC, JIS and UL)*

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MDU MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CÓ BỘ HIỂN THỊ ĐO LƯỜNG-DÒNG MDU
MEASURING DISPLAY UNIT BREAKERS-MDU SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 800A

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 800A*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Đồng hồ gắn trên MCCB *(External mounting)* - MDU(MODBUS)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA EX MB	2CS201A00003C	78,008,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA EX MB	2JT081B0000C6	99,871,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX MB	2JT281B0000DL	143,149,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX MB	2JT481B0000F0	188,055,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA EX MB	2CS301A00003G	69,400,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA EX MB	2JT181B0000CW	114,910,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX MB	2JT381B0000EA	173,290,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX MB	2JT581B0000FQ	234,188,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA EX MB	2CS211A00003E	76,667,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA EX MB	2JT091B0000CJ	121,624,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX MB	2JT291B0000DY	185,596,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX MB	2JT491B0000FC	253,871,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA EX MB	2CS311A00003J	78,208,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA EX MB	2JT191B0000D8	124,263,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX MB	2JT391B0000EN	230,498,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX MB	2JT591B0000G2	323,376,000
Đồng hồ gắn trên tủ điện *(Panel mouting)* - MDU(MODBUS)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA PM MB	2CS201A00003B	92,188,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA PM MB	2CS301A00003F	72,729,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA PM MB	2JT081B0000C2	99,871,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA PM MB	2JT181B0000CS	114,910,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM MB	2JT281B0000DG	143,149,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM MB	2JT381B0000E6	173,290,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM MB	2JT481B0000EW	188,055,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM MB	2JT581B0000FL	234,188,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA PM MB	2CS211A00003D	101,573,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA PM MB	2CS311A00003H	82,486,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA PM MB	2JT091B0000CE	121,624,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA PM MB	2JT191B0000D4	144,380,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM MB	2JT291B0000DU	185,596,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM MB	2JT391B0000EJ	230,498,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM MB	2JT491B0000F8	253,871,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM MB	2JT591B0000FY	323,376,000
Đồng hồ gắn trên MCCB *(External mouting)* - MDU(PULSE)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA EX PU	2CS201A00003U	65,655,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA EX PU	2CS301A000040	67,173,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA EX PU	2JT081B0000C8	83,667,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA EX PU	2JT181B0000CY	108,694,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX PU	2JT281B0000DN	120,776,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX PU	2JT381B0000EC	158,749,000

MDU MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CÓ BỘ HIỂN THỊ ĐO LƯỜNG-DÒNG MDU
MEASURING DISPLAY UNIT BREAKERS-MDU SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 800A

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 800A*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX PU	2JT481B0000F2	159,275,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX PU	2JT581B0000FS	198,831,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA EX PU	2CS211A00003X	74,412,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA EX PU	2CS311A000043	76,039,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA EX PU	2JT091B0000CL	102,314,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA EX PU	2JT191B0000DA	121,827,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX PU	2JT291B0000E0	157,165,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX PU	2JT391B0000EQ	195,667,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX PU	2JT491B0000FE	215,706,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX PU	2JT591B0000G4	275,306,000
Đồng hồ gắn trên tủ điện *(Panel mouting)* - MDU(PULSE)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA PM PU	2CS201A000052	105,129,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA PM PU	2JT081B0000C4	98,416,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM PU	2JT281B0000DJ	139,235,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM PU	2JT481B0000EY	181,584,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA PM PU	2CS301A00004B	107,027,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA PM PU	2JT181B0000CU	96,565,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM PU	2JT381B0000E8	167,663,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM PU	2JT581B0000FN	225,094,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA PM PU	2CS211A000058	117,647,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA PM PU	2JT091B0000CG	118,929,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM PU	2JT291B0000DW	179,263,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM PU	2JT491B0000FA	243,663,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA PM PU	2CS311A00004H	120,039,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA PM PU	2JT191B0000D6	140,396,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM PU	2JT391B0000EL	221,616,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM PU	2JT591B0000G0	309,220,000
Đồng hồ tích hợp trong MCCB *(Breaker mouting)* - MDU(PULSE)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA BR PU	2CS201A00004M	87,839,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA BR PU	2JT081B0000C0	97,576,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA BR PU	2JT281B0000DE	140,859,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA BR PU	2JT481B0000EU	185,761,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA BR PU	2CS301A000048	89,565,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA BR PU	2JT181B0000CQ	112,624,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA BR PU	2JT381B0000E4	170,996,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA BR PU	2JT581B0000FJ	231,894,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA BR PU	2CS211A000055	99,216,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA BR PU	2JT091B0000CC	119,329,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA BR PU	2JT291B0000DS	183,302,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA BR PU	2JT491B0000F6	251,576,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA BR PU	2CS311A00004E	101,388,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MDU MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CÓ BỘ HIỂN THỊ ĐO LƯỜNG-DÒNG MDU
MEASURING DISPLAY UNIT BREAKERS-MDU SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 800A

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 800A*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA BR PU	2JT191B0000D2	142,086,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA BR PU	2JT391B0000EG	228,204,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA BR PU	2JT591B0000FW	321,086,000
Đồng hồ gắn trên MCCB *(External mouting)* - MDU(CCLINK)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA EX CC	2CS201A00003V	78,008,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA EX CC	2JT081B0000C5	95,792,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX CC	2JT281B0000DK	132,906,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX CC	2JT481B0000EZ	171,404,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA EX CC	2CS301A000041	79,302,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA EX CC	2JT181B0000CV	108,694,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX CC	2JT381B0000E9	158,749,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX CC	2JT581B0000FP	210,961,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA EX CC	2CS211A00003Y	86,541,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA EX CC	2JT091B0000CH	114,447,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX CC	2JT291B0000DX	169,298,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX CC	2JT491B0000FB	227,839,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA EX CC	2CS311A000044	88,173,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA EX CC	2JT191B0000D7	133,961,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX CC	2JT391B0000EM	207,796,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX CC	2JT591B0000G1	287,435,000
Đồng hồ gắn trên tủ điện *(Panel mounting)* - MDU(CCLINK)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA PM CC	2CS201A000050	122,922,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA PM CC	2JT081B0000C1	111,757,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM CC	2JT281B0000DF	152,580,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM CC	2JT481B0000EV	194,929,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA PM CC	2CS301A000049	124,820,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA PM CC	2JT181B0000CR	125,945,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM CC	2JT381B0000E5	181,004,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM CC	2JT581B0000FK	238,439,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA PM CC	2CS211A000056	135,439,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA PM CC	2JT091B0000CD	132,271,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM CC	2JT291B0000DT	192,608,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM CC	2JT491B0000F7	257,004,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA PM CC	2CS311A00004F	137,827,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA PM CC	2JT191B0000D3	153,737,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM CC	2JT391B0000EH	234,957,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM CC	2JT591B0000FX	322,561,000
Đồng hồ tích hợp trong MCCB *(Breaker mouting)* - MDU(CCLINK)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA BR CC	2CS201A00004K	104,012,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA BR CC	2JT081B0000BX	111,725,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA BR CC	2JT281B0000DB	155,004,000

MDU MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CÓ BỘ HIỂN THỊ ĐO LƯỜNG-DÒNG MDU
MEASURING DISPLAY UNIT BREAKERS-MDU SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 800A

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 800A*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA BR CC	2JT481B0000ER	199,906,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA BR CC	2CS301A000046	105,737,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA BR CC	2JT181B0000CM	126,765,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA BR CC	2JT381B0000E1	185,145,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA BR CC	2JT581B0000FF	246,043,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA BR CC	2CS211A000053	115,388,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA BR CC	2JT091B0000C9	133,478,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA BR CC	2JT291B0000DP	197,451,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA BR CC	2JT491B0000F3	265,725,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA BR CC	2CS311A00004C	117,565,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA BR CC	2JT191B0000CZ	156,235,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA BR CC	2JT391B0000ED	242,353,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA BR CC	2JT591B0000FT	335,231,000
Đồng hồ gắn trên MCCB *(External mounting)* - MDU(NO-TRANSMISSION)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA EX	2CS201A00003T	59,024,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA EX	2JT081B0000C7	76,812,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX	2JT281B0000DM	113,918,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA EX	2JT481B0000F1	152,420,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA EX	2CS301A00003Z	60,314,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA EX	2JT181B0000CX	89,706,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX	2JT381B0000EB	139,761,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA EX	2JT581B0000FR	191,976,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA EX	2CS211A00003W	67,553,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA EX	2JT091B0000CK	95,459,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX	2JT291B0000DZ	150,310,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA EX	2JT491B0000FD	208,851,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA EX	2CS311A000042	68,965,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA EX	2JT191B0000D9	114,973,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX	2JT391B0000EP	188,812,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA EX	2JT591B0000G3	268,451,000
Đồng hồ gắn trên tủ điện *(Panel mounting)* - MDU(NO-TRANSMISSION)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA PM	2CS201A000051	95,071,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA PM	2JT081B0000C3	90,871,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM	2JT281B0000DH	131,690,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA PM	2JT481B0000EX	174,039,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA PM	2CS301A00004A	96,973,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA PM	2JT181B0000CT	105,059,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM	2JT381B0000E7	160,118,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA PM	2JT581B0000FM	217,557,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA PM	2CS211A000057	107,588,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA PM	2JT091B0000CF	111,388,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MDU MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CÓ BỘ HIỂN THỊ ĐO LƯỜNG-DÒNG MDU
MEASURING DISPLAY UNIT BREAKERS-MDU SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 800A

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 800A*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
4P					
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM	2JT291B0000DV	171,722,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA PM	2JT491B0000F9	236,118,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA PM	2CS311A00004G	109,984,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA PM	2JT191B0000D5	132,851,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM	2JT391B0000EK	214,071,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA PM	2JT591B0000FZ	301,675,000
Đồng hồ tích hợp trong MCCB *(Breaker mounting)* - MDU(NO-TRANSMISSION)					
3P					
3P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 3P 36kA BR	2CS201A00004L	78,698,000
3P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 3P 50kA BR	2JT081B0000BZ	89,584,000
3P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 3P 50kA BR	2JT281B0000DD	132,859,000
3P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 3P 50kA BR	2JT481B0000ET	177,769,000
3P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 3P 70kA BR	2CS301A000047	80,424,000
3P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 3P 70kA BR	2JT181B0000CP	104,620,000
3P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 3P 70kA BR	2JT381B0000E3	163,000,000
3P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 3P 70kA BR	2JT581B0000FH	223,898,000
4P					
4P	36	125-250	MDU-NF250-SEV 4P 36kA BR	2CS211A000054	90,075,000
4P	50	200-400	MDU-NF400-SEW 4P 50kA BR	2JT091B0000CB	111,333,000
4P	50	300-630	MDU-NF800-SEW 4P 50kA BR	2JT291B0000DR	175,306,000
4P	50	400-800	MDU-NF800-SEW 4P 50kA BR	2JT491B0000F5	243,580,000
4P	70	125-250	MDU-NF250-HEV 4P 70kA BR	2CS311A00004D	92,247,000
4P	70	200-400	MDU-NF400-HEW 4P 70kA BR	2JT191B0000D1	134,090,000
4P	70	300-630	MDU-NF800-HEW 4P 70kA BR	2JT391B0000EF	220,208,000
4P	70	400-800	MDU-NF800-HEW 4P 70kA BR	2JT591B0000FV	313,086,000

MOTOR MCCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI CHO BẢO VỆ ĐỘNG CƠ-DÒNG MB
MOULDED CASE CIRCUIT BREAKER-MB SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 800A

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 800A*

Số cực	Dòng ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit Price (VND)*
3P					
3P	5	4	NF32-SV 3P 4A 5kA MB	2CB081A00001M	1,871,000
3P	5	5	NF32-SV 3P 5A 5kA MB	2CB082A00001N	1,871,000
3P	5	7.1	NF32-SV 3P 7.1A 5kA MB	2CB083A00004E	1,871,000
3P	5	8	NF32-SV 3P 8A 5kA MB	2CB084A00004F	1,871,000
3P	5	10	NF32-SV 3P 10A 5kA MB	2CB085A00001P	1,871,000
3P	5	12	NF32-SV 3P 12A 5kA MB	2CB086A00004G	1,871,000
3P	5	16	NF32-SV 3P 16A 5kA MB	2CB087A00001Q	1,871,000
3P	5	25	NF32-SV 3P 25A 5kA MB	2CB088A00001R	1,871,000
3P	5	32	NF32-SV 3P 32A 5kA MB	2CB089A00001S	1,871,000
3P	5	8	NF63-CV 3P 8A 5kA MB	2CE084A00005J	1,886,000
3P	5	10	NF63-CV 3P 10A 5kA MB	2CE085A00005K	1,886,000
3P	5	12	NF63-CV 3P 12A 5kA MB	2CE086A00005L	1,886,000
3P	5	16	NF63-CV 3P 16A 5kA MB	2CE087A00005M	1,886,000
3P	5	25	NF63-CV 3P 25A 5kA MB	2CE088A00005N	1,886,000
3P	5	32	NF63-CV 3P 32A 5kA MB	2CE089A00005P	1,886,000
3P	5	40	NF63-CV 3P 40A 5kA MB	2CE090A00005Q	1,886,000
3P	5	45	NF63-CV 3P 45A 5kA MB	2CE091A00005R	1,886,000
3P	5	4	NF63-CV 3P 4A 5kA MB	2CE081A00005F	1,886,000
3P	5	5	NF63-CV 3P 5A 5kA MB	2CE082A00005G	1,886,000
3P	5	7.1	NF63-CV 3P 7.1A 5kA MB	2CE083A00005H	1,886,000
3P	7.5	4	NF63-SV 3P 4A 7.5kA MB	2CE201A00006N	2,114,000
3P	7.5	5	NF63-SV 3P 5A 7.5kA MB	2CE202A00006P	2,114,000
3P	7.5	7.1	NF63-SV 3P 7.1A 7.5kA MB	2CE203A000036	2,114,000
3P	7.5	8	NF63-SV 3P 8A 7.5kA MB	2CE204A00006Q	1,624,000
3P	7.5	10	NF63-SV 3P 10A 7.5kA MB	2CE205A00006R	1,624,000
3P	7.5	12	NF63-SV 3P 12A 7.5kA MB	2CE206A00006S	1,624,000
3P	7.5	16	NF63-SV 3P 16A 7.5kA MB	2CE207A00006T	1,624,000
3P	7.5	25	NF63-SV 3P 25A 7.5kA MB	2CE208A00006U	1,624,000
3P	7.5	32	NF63-SV 3P 32A 7.5kA MB	2CE209A00006V	1,624,000
3P	7.5	40	NF63-SV 3P 40A 7.5kA MB	2CE210A00006W	1,624,000
3P	7.5	45	NF63-SV 3P 45A 7.5kA MB	2CE211A00006X	1,624,000
3P	30	12.5	NF125-SV 3P 12.5A 30kA MB	2CH201A000069	3,894,000
3P	30	16	NF125-SV 3P 16A 30kA MB	2CH202A00006A	3,894,000
3P	30	25	NF125-SV 3P 25A 30kA MB	2CH203A00006B	3,894,000
3P	30	32	NF125-SV 3P 32A 30kA MB	2CH204A00006C	3,894,000
3P	30	40	NF125-SV 3P 40A 30kA MB	2CH205A00006D	3,894,000
3P	30	45	NF125-SV 3P 45A 30kA MB	2CH206A00006E	3,894,000
3P	30	63	NF125-SV 3P 63A 30kA MB	2CH207A00002Q	3,894,000
3P	30	71	NF125-SV 3P 71A 30kA MB	2CH208A00006F	3,894,000
3P	30	90	NF125-SV 3P 90A 30kA MB	2CH209A00006G	3,894,000
3P	30	100	NF125-SV 3P 100A 30kA MB	2CH210A00006H	3,894,000
3P	36	200	NF250-SV 3P 200A 36kA MB	2CL164A00004Q	8,847,000
3P	36	125	NF250-SV 3P 125A 36kA MB	2CL161A00002B	8,843,000
3P	36	150	NF250-SV 3P 150A 36kA MB	2CL162A00004N	8,843,000
3P	36	175	NF250-SV 3P 175A 36kA MB	2CL163A00004P	8,843,000
3P	36	225	NF250-SV 3P 225A 36kA MB	2CL165A00004R	8,843,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 230VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 230VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
LOẠI TÁC ĐỘNG NHANH *(HIGH SPEED TYPE)*					
Dòng kinh tế *(Economy Class)* 2P 30mA					
2P	7.5	5	NV63-CV 2P 5A 7.5kA 30mA	2DD001A000001	3,259,000
2P	7.5	10	NV63-CV 2P 10A 7.5kA 30mA	2DD002A000002	3,259,000
2P	7.5	15	NV63-CV 2P 15A 7.5kA 30mA	2DD003A000004	3,259,000
2P	7.5	20	NV63-CV 2P 20A 7.5kA 30mA	2DD005A000006	3,259,000
2P	7.5	30	NV63-CV 2P 30A 7.5kA 30mA	2DD007A000008	3,259,000
2P	7.5	40	NV63-CV 2P 40A 7.5kA 30mA	2DD009A000009	3,259,000
2P	7.5	50	NV63-CV 2P 50A 7.5kA 30mA	2DD010A00000A	3,259,000
2P	7.5	60	NV63-CV 2P 60A 7.5kA 30mA	2DD011A00003N	3,259,000
2P	7.5	63	NV63-CV 2P 63A 7.5kA 30mA	2DD012A00000B	3,259,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 2P 30mA					
2P	15	5	NV63-SV 2P 5A 15kA 30mA	2DD221A00004Q	4,376,000
2P	15	10	NV63-SV 2P 10A 15kA 30mA	2DD222A00004S	4,376,000
2P	15	15	NV63-SV 2P 15A 15kA 30mA	2DD223A00004T	4,376,000
2P	15	20	NV63-SV 2P 20A 15kA 30mA	2DD225A00001S	4,376,000
2P	15	30	NV63-SV 2P 30A 15kA 30mA	2DD227A00004U	4,376,000
2P	15	40	NV63-SV 2P 40A 15kA 30mA	2DD229A00004V	4,376,000
2P	15	50	NV63-SV 2P 50A 15kA 30mA	2DD230A00001T	4,376,000
2P	15	60	NV63-SV 2P 60A 15kA 30mA	2DD231A00004W	4,247,000
2P	15	63	NV63-SV 2P 63A 15kA 30mA	2DD232A00001U	4,247,000

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng kinh tế *(Economy Class)* 3P 30mA					
3P	2.5	5	NV30-CS 3P 5A 2.5kA 30mA	2KA011A000005	2,765,000
3P	2.5	10	NV30-CS 3P 10A 2.5kA 30mA	2KA012A000007	2,765,000
3P	2.5	15	NV30-CS 3P 15A 2.5kA 30mA	2KA013A000009	2,765,000
3P	2.5	20	NV30-CS 3P 20A 2.5kA 30mA	2KA014A00000B	2,765,000
3P	2.5	30	NV30-CS 3P 30A 2.5kA 30mA	2KA015A00000D	2,765,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng kinh tế *(Economy Class)* 3P 30mA					
3P	5	5	NV63-CV 3P 5A 5kA 30mA	2DD041A00000D	3,482,000
3P	5	10	NV63-CV 3P 10A 5kA 30mA	2DD042A00000F	3,482,000
3P	5	15	NV63-CV 3P 15A 5kA 30mA	2DD043A00000G	3,482,000
3P	5	20	NV63-CV 3P 20A 5kA 30mA	2DD045A00000L	3,482,000
3P	5	30	NV63-CV 3P 30A 5kA 30mA	2DD047A00000P	3,482,000
3P	5	40	NV63-CV 3P 40A 5kA 30mA	2DD049A00000S	3,482,000
3P	5	50	NV63-CV 3P 50A 5kA 30mA	2DD050A00000V	3,482,000
3P	5	60	NV63-CV 3P 60A 5kA 30mA	2DD051A00000Y	3,482,000
3P	5	63	NV63-CV 3P 63A 5kA 30mA	2DD052A000010	3,482,000
3P	10	60	NV125-CV 3P 60A 10kA 30mA	2DG011A000001	5,686,000
3P	10	75	NV125-CV 3P 75A 10kA 30mA	2DG013A000004	5,686,000
3P	10	100	NV125-CV 3P 100A 10kA 30mA	2DG015A000007	5,686,000
3P	10	125	NV125-CV 3P 125A 10kA 30mA	2DG016A000009	5,686,000
3P	25	125	NV250-CV 3P 125A 25kA 30mA	2DJ001A000001	9,376,000
3P	25	150	NV250-CV 3P 150A 25kA 30mA	2DJ002A000003	9,376,000
3P	25	175	NV250-CV 3P 175A 25kA 30mA	2DJ003A000005	9,376,000
3P	25	200	NV250-CV 3P 200A 25kA 30mA	2DJ004A00002T	9,376,000
3P	25	225	NV250-CV 3P 225A 25kA 30mA	2DJ005A000007	9,376,000
3P	25	250	NV250-CV 3P 250A 25kA 30mA	2DJ006A000030	9,376,000
3P	36	250	NV400-CW 3P 250A 36kA 30mA	2GK031A000002	21,800,000
3P	36	300	NV400-CW 3P 300A 36kA 30mA	2GK032A000003	21,800,000
3P	36	350	NV400-CW 3P 350A 36kA 30mA	2GK033A000005	21,800,000
3P	36	400	NV400-CW 3P 400A 36kA 30mA	2GK034A000007	21,800,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 3P 30mA					
3P	5	5	NV32-SV 3P 5A 5kA 30mA	2DB022A000001	4,212,000
3P	5	10	NV32-SV 3P 10A 5kA 30mA	2DB024A000004	4,212,000
3P	5	15	NV32-SV 3P 15A 5kA 30mA	2DB025A000006	4,212,000
3P	5	20	NV32-SV 3P 20A 5kA 30mA	2DB027A00000A	4,212,000
3P	5	30	NV32-SV 3P 30A 5kA 30mA	2DB029A00000C	4,212,000
3P	5	32	NV32-SV 3P 32A 5kA 30mA	2DB030A00000E	4,212,000
3P	7.5	5	NV63-SV 3P 5A 7.5kA 30mA	2DD261A00007X	4,439,000
3P	7.5	10	NV63-SV 3P 10A 7.5kA 30mA	2DD262A00004Z	4,439,000
3P	7.5	15	NV63-SV 3P 15A 7.5kA 30mA	2DD263A00001W	4,439,000
3P	7.5	20	NV63-SV 3P 20A 7.5kA 30mA	2DD265A00001Z	4,439,000
3P	7.5	30	NV63-SV 3P 30A 7.5kA 30mA	2DD267A000021	4,439,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 3P 30mA					
3P	7.5	40	NV63-SV 3P 40A 7.5kA 30mA	2DD269A000024	4,439,000
3P	7.5	50	NV63-SV 3P 50A 7.5kA 30mA	2DD270A000026	4,439,000
3P	7.5	60	NV63-SV 3P 60A 7.5kA 30mA	2DD271A000059	4,439,000
3P	7.5	63	NV63-SV 3P 63A 7.5kA 30mA	2DD272A000029	4,439,000
3P	30	15	NV125-SV 3P 15A 30kA 30mA	2DG101A00000T	12,106,000
3P	30	20	NV125-SV 3P 20A 30kA 30mA	2DG103A00004D	12,106,000
3P	30	30	NV125-SV 3P 30A 30kA 30mA	2DG104A00004F	12,106,000
3P	30	40	NV125-SV 3P 40A 30kA 30mA	2DG106A00004J	12,106,000
3P	30	50	NV125-SV 3P 50A 30kA 30mA	2DG107A00004K	12,106,000
3P	30	60	NV125-SV 3P 60A 30kA 30mA	2DG108A00004L	12,106,000
3P	30	75	NV125-SV 3P 75A 30kA 30mA	2DG110A00004M	12,106,000
3P	30	100	NV125-SV 3P 100A 30kA 30mA	2DG112A00004P	12,106,000
3P	30	125	NV125-SV 3P 125A 30kA 30mA	2DG113A000010	12,106,000
3P	36	125	NV250-SV 3P 125A 36kA 30mA	2DJ101A00006U	14,620,000
3P	36	150	NV250-SV 3P 150A 36kA 30mA	2DJ102A00003N	14,620,000
3P	36	175	NV250-SV 3P 175A 36kA 30mA	2DJ103A00006V	15,863,000
3P	36	200	NV250-SV 3P 200A 36kA 30mA	2DJ104A00000T	14,620,000
3P	36	225	NV250-SV 3P 225A 36kA 30mA	2DJ105A00000U	14,620,000
3P	36	250	NV250-SV 3P 250A 36kA 30mA	2DJ106A00003T	14,620,000
3P	36	250	NV250-SEV 3P 250A 36kA 30mA	2DL007A000005	43,698,000
3P	45	250	NV400-SW 3P 250A 45kA 30mA	2GK101A00002Q	40,059,000
3P	45	300	NV400-SW 3P 300A 45kA 30mA	2GK102A000036	40,059,000
3P	45	350	NV400-SW 3P 350A 45kA 30mA	2GK103A000037	40,059,000
3P	45	400	NV400-SW 3P 400A 45kA 30mA	2GK104A000014	40,059,000
3P	50	400	NV400-SEW 3P 400A 50kA 30mA	2GK206A00001T	52,122,000
Dòng cao cấp *(High Class)* 3P 30mA					
3P	10	15	NV63-HV 3P 15A 10kA 30mA	2DD423A00002S	7,894,000
3P	10	20	NV63-HV 3P 20A 10kA 30mA	2DD425A00002U	7,894,000
3P	10	30	NV63-HV 3P 30A 10kA 30mA	2DD427A00002W	7,894,000
3P	10	40	NV63-HV 3P 40A 10kA 30mA	2DD429A000069	7,894,000
3P	10	50	NV63-HV 3P 50A 10kA 30mA	2DD430A00002X	7,894,000
3P	10	60	NV63-HV 3P 60A 10kA 30mA	2DD431A00006D	7,894,000
3P	10	63	NV63-HV 3P 63A 10kA 30mA	2DD432A00002Y	7,894,000
3P	50	15	NV125-HV 3P 15A 50kA 30mA	2DG201A00006G	20,596,000
3P	50	20	NV125-HV 3P 20A 50kA 30mA	2DG203A00006K	20,596,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng cao cấp *(High Class)* 3P 30mA					
3P	50	30	NV125-HV 3P 30A 50kA 30mA	2DG204A00006M	20,596,000
3P	50	40	NV125-HV 3P 40A 50kA 30mA	2DG206A00006Q	20,596,000
3P	50	50	NV125-HV 3P 50A 50kA 30mA	2DG207A00006T	20,596,000
3P	50	60	NV125-HV 3P 60A 50kA 30mA	2DG208A00006V	20,596,000
3P	50	75	NV125-HV 3P 75A 50kA 30mA	2DG210A00006X	20,596,000
3P	50	100	NV125-HV 3P 100A 50kA 30mA	2DG212A000030	20,596,000
3P	50	125	NV125-HV 3P 125A 50kA 30mA	2DG213A000071	20,596,000
3P	75	125	NV250-HV 3P 125A 75kA 30mA	2DJ201A00006X	27,125,000
3P	75	150	NV250-HV 3P 150A 75kA 30mA	2DJ202A000020	27,125,000
3P	75	175	NV250-HV 3P 175A 75kA 30mA	2DJ203A00006Y	27,125,000
3P	75	200	NV250-HV 3P 200A 75kA 30mA	2DJ204A00006Z	27,125,000
3P	75	225	NV250-HV 3P 225A 75kA 30mA	2DJ205A000070	27,125,000
3P	75	250	NV250-HV 3P 250A 75kA 30mA	2DJ206A000021	27,125,000
3P	75	75	NV125-HEV 3P 75A 75kA 30mA	2DH103A00000G	39,835,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 4P 30mA					
4P	30	15	NV125-SV 4P 15A 30kA 30mA	2DG138A00001J	22,271,000
4P	30	20	NV125-SV 4P 20A 30kA 30mA	2DG140A00001L	22,271,000
4P	30	30	NV125-SV 4P 30A 30kA 30mA	2DG141A00001N	22,271,000
4P	30	40	NV125-SV 4P 40A 30kA 30mA	2DG143A00001R	22,271,000
4P	30	50	NV125-SV 4P 50A 30kA 30mA	2DG144A00001S	22,271,000
4P	30	60	NV125-SV 4P 60A 30kA 30mA	2DG145A00001U	22,271,000
4P	30	75	NV125-SV 4P 75A 30kA 30mA	2DG147A00005V	22,271,000
4P	30	100	NV125-SV 4P 100A 30kA 30mA	2DG149A00005Y	22,271,000
4P	30	125	NV125-SV 4P 125A 30kA 30mA	2DG150A00001X	22,271,000
4P	36	125	NV250-SV 4P 125A 36kA 30mA	2DJ131A00001A	22,451,000
4P	36	150	NV250-SV 4P 150A 36kA 30mA	2DJ132A00004J	22,451,000
4P	36	175	NV250-SV 4P 175A 36kA 30mA	2DJ133A00001B	22,451,000
4P	36	200	NV250-SV 4P 200A 36kA 30mA	2DJ134A000076	22,451,000
4P	36	225	NV250-SV 4P 225A 36kA 30mA	2DJ135A000077	22,451,000
4P	36	250	NV250-SV 4P 250A 36kA 30mA	2DJ136A00001D	22,451,000
Dòng cao cấp *(High Class)* 4P 30mA					
4P	50	15	NV125-HV 4P 15A 50kA 30mA	2DG238A000087	29,839,000
4P	50	20	NV125-HV 4P 20A 50kA 30mA	2DG240A00008A	29,839,000
4P	50	30	NV125-HV 4P 30A 50kA 30mA	2DG241A00008C	29,839,000
4P	50	40	NV125-HV 4P 40A 50kA 30mA	2DG243A00008F	29,839,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng cao cấp *(High Class)* 4P 30mA					
4P	50	50	NV125-HV 4P 50A 50kA 30mA	2DG244A00008H	29,839,000
4P	50	60	NV125-HV 4P 60A 50kA 30mA	2DG245A00008K	29,839,000
4P	50	75	NV125-HV 4P 75A 50kA 30mA	2DG247A00008N	29,839,000
4P	50	100	NV125-HV 4P 100A 50kA 30mA	2DG249A00008R	29,839,000
4P	50	125	NV125-HV 4P 125A 50kA 30mA	2DG250A00008S	29,839,000
4P	70	400	NV400-HEW 4P 400A 70kA 30mA	2GK336A00003P	76,416,000
Dòng kinh tế *(Economy Class)* 3P 100mA					
3P	2.5	5	NV30-CS 3P 5A 2.5kA 100mA	2KA021A00000E	2,765,000
3P	2.5	10	NV30-CS 3P 10A 2.5kA 100mA	2KA022A00000F	2,765,000
3P	2.5	15	NV30-CS 3P 15A 2.5kA 100mA	2KA023A00000G	2,765,000
3P	2.5	20	NV30-CS 3P 20A 2.5kA 100mA	2KA024A00000H	2,765,000
3P	2.5	30	NV30-CS 3P 30A 2.5kA 100mA	2KA025A00000W	2,765,000
Dòng kinh tế *(Economy Class)* 3P 1.2.500mA					
3P	5	5	NV63-CV 3P 5A 5kA 1.2.500mA	2DD061A000013	3,482,000
3P	5	10	NV63-CV 3P 10A 5kA 1.2.500mA	2DD062A000016	3,482,000
3P	5	15	NV63-CV 3P 15A 5kA 1.2.500mA	2DD063A000018	3,482,000
3P	5	20	NV63-CV 3P 20A 5kA 1.2.500mA	2DD065A00001B	3,482,000
3P	5	30	NV63-CV 3P 30A 5kA 1.2.500mA	2DD067A00001F	3,482,000
3P	5	40	NV63-CV 3P 40A 5kA 1.2.500mA	2DD069A00001J	3,482,000
3P	5	50	NV63-CV 3P 50A 5kA 1.2.500mA	2DD070A00001M	3,482,000
3P	5	60	NV63-CV 3P 60A 5kA 1.2.500mA	2DD071A00001P	3,482,000
3P	5	63	NV63-CV 3P 63A 5kA 1.2.500mA	2DD072A00001Q	3,482,000
3P	5	40	NV63-CV 3P 40A 5kA 1.2.500mA	2DD069A00001J	3,482,000
3P	5	50	NV63-CV 3P 50A 5kA 1.2.500mA	2DD070A00001M	3,482,000
3P	5	60	NV63-CV 3P 60A 5kA 1.2.500mA	2DD071A00001P	3,482,000
3P	10	60	NV125-CV 3P 60A 10kA 1.2.500mA	2DG021A00000B	5,686,000
3P	10	75	NV125-CV 3P 75A 10kA 1.2.500mA	2DG023A00000E	5,686,000
3P	10	100	NV125-CV 3P 100A 10kA 1.2.500mA	2DG025A00000H	5,686,000
3P	10	125	NV125-CV 3P 125A 10kA 1.2.500mA	2DG026A00000L	5,686,000
3P	25	125	NV250-CV 3P 125A 25kA 1.2.500mA	2DJ011A000009	9,376,000
3P	25	150	NV250-CV 3P 150A 25kA 1.2.500mA	2DJ012A00000C	9,376,000
3P	25	175	NV250-CV 3P 175A 25kA 1.2.500mA	2DJ013A00000E	9,376,000
3P	25	200	NV250-CV 3P 200A 25kA 1.2.500mA	2DJ014A00000G	9,376,000
3P	25	225	NV250-CV 3P 225A 25kA 1.2.500mA	2DJ015A00000K	9,376,000
3P	25	250	NV250-CV 3P 250A 25kA 1.2.500mA	2DJ016A00000M	9,376,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng kinh tế *(Economy Class)* 3P 1.2.500mA					
3P	25	175	NV250-CV 3P 175A 25kA 1.2.500mA	2DJ013A00000E	9,376,000
3P	36	250	NV400-CW 3P 250A 36kA 1.2.500mA	2GK041A00000A	21,800,000
3P	36	300	NV400-CW 3P 300A 36kA 1.2.500mA	2GK042A00000G	21,800,000
3P	36	350	NV400-CW 3P 350A 36kA 1.2.500mA	2GK043A00000L	21,800,000
3P	36	400	NV400-CW 3P 400A 36kA 1.2.500mA	2GK044A00000S	21,800,000
3P	36	500	NV630-CW 3P 500A 36kA 1.2.500mA	2GL001A000002	54,604,000
3P	36	600	NV630-CW 3P 600A 36kA 1.2.500mA	2GL002A000004	54,604,000
3P	36	630	NV630-CW 3P 630A 36kA 1.2.500mA	2GL003A000005	54,604,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 3P 1.2.500mA					
3P	5	5	NV32-SV 3P 5A 5kA 1.2.500mA	2DB042A00000G	4,212,000
3P	5	10	NV32-SV 3P 10A 5kA 1.2.500mA	2DB044A00000K	4,212,000
3P	5	15	NV32-SV 3P 15A 5kA 1.2.500mA	2DB045A00000M	4,212,000
3P	5	20	NV32-SV 3P 20A 5kA 1.2.500mA	2DB047A00000Q	4,212,000
3P	5	30	NV32-SV 3P 30A 5kA 1.2.500mA	2DB049A00000T	4,212,000
3P	5	32	NV32-SV 3P 32A 5kA 1.2.500mA	2DB050A00000U	4,212,000
3P	7.5	5	NV63-SV 3P 5A 7.5kA 1.2.500mA	2DD281A00007Y	4,439,000
3P	7.5	10	NV63-SV 3P 10A 7.5kA 1.2.500mA	2DD282A00007Z	4,439,000
3P	7.5	15	NV63-SV 3P 15A 7.5kA 1.2.500mA	2DD283A00002C	4,439,000
3P	7.5	20	NV63-SV 3P 20A 7.5kA 1.2.500mA	2DD285A00002E	4,439,000
3P	7.5	30	NV63-SV 3P 30A 7.5kA 1.2.500mA	2DD287A00002G	4,439,000
3P	7.5	40	NV63-SV 3P 40A 7.5kA 1.2.500mA	2DD289A00002K	4,439,000
3P	7.5	50	NV63-SV 3P 50A 7.5kA 1.2.500mA	2DD290A00002M	4,439,000
3P	7.5	60	NV63-SV 3P 60A 7.5kA 1.2.500mA	2DD291A00005W	4,439,000
3P	7.5	63	NV63-SV 3P 63A 7.5kA 1.2.500mA	2DD292A00002Q	4,439,000
3P	30	15	NV125-SV 3P 15A 30kA 1.2.500mA	2DG114A000011	12,106,000
3P	30	20	NV125-SV 3P 20A 30kA 1.2.500mA	2DG116A000013	12,106,000
3P	30	30	NV125-SV 3P 30A 30kA 1.2.500mA	2DG117A000014	12,106,000
3P	30	40	NV125-SV 3P 40A 30kA 1.2.500mA	2DG119A00004X	12,106,000
3P	30	50	NV125-SV 3P 50A 30kA 1.2.500mA	2DG120A000015	12,106,000
3P	30	60	NV125-SV 3P 60A 30kA 1.2.500mA	2DG121A000054	12,106,000
3P	30	75	NV125-SV 3P 75A 30kA 1.2.500mA	2DG123A000018	12,106,000
3P	30	100	NV125-SV 3P 100A 30kA 1.2.500mA	2DG125A00001A	12,106,000
3P	30	125	NV125-SV 3P 125A 30kA 1.2.500mA	2DG126A00001C	12,106,000
3P	36	125	NV250-SV 3P 125A 36kA 1.2.500mA	2DJ111A00000W	14,620,000
3P	36	150	NV250-SV 3P 150A 36kA 1.2.500mA	2DJ112A00000Y	14,620,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 3P 1.2.500mA					
3P	36	175	NV250-SV 3P 175A 36kA 1.2.500mA	2DJ113A000010	14,620,000
3P	36	200	NV250-SV 3P 200A 36kA 1.2.500mA	2DJ114A000012	14,620,000
3P	36	225	NV250-SV 3P 225A 36kA 1.2.500mA	2DJ115A000014	14,620,000
3P	36	250	NV250-SV 3P 250A 36kA 1.2.500mA	2DJ116A000016	14,620,000
3P	45	250	NV400-SW 3P 250A 45kA 1.2.500mA	2GK111A000016	40,059,000
3P	45	300	NV400-SW 3P 300A 45kA 1.2.500mA	2GK112A000019	40,059,000
3P	45	350	NV400-SW 3P 350A 45kA 1.2.500mA	2GK113A00001B	40,059,000
3P	45	400	NV400-SW 3P 400A 45kA 1.2.500mA	2GK114A00001F	40,059,000
3P	50	400	NV400-SEW 3P 400A 50kA 1.2.500mA	2GK216A00001V	52,122,000
3P	50	500	NV630-SW 3P 500A 50kA 1.2.500mA	2GL101A00000C	74,820,000
3P	50	600	NV630-SW 3P 600A 50kA 1.2.500mA	2GL102A00000D	74,820,000
3P	50	630	NV630-SW 3P 630A 50kA 1.2.500mA	2GL103A00000E	74,820,000
3P	50	630	NV630-SEW 3P 630A 50kA 1.2.500mA	2GL206A00000Q	70,757,000
Dòng cao cấp *(High Class)* 3P 1.2.500mA					
3P	10	15	NV63-HV 3P 15A 10kA 1.2.500mA	2DD443A00002Z	7,894,000
3P	10	20	NV63-HV 3P 20A 10kA 1.2.500mA	2DD445A000031	7,894,000
3P	10	30	NV63-HV 3P 30A 10kA 1.2.500mA	2DD447A000033	7,894,000
3P	10	40	NV63-HV 3P 40A 10kA 1.2.500mA	2DD449A000037	7,894,000
3P	10	50	NV63-HV 3P 50A 10kA 1.2.500mA	2DD450A000039	7,894,000
3P	10	60	NV63-HV 3P 60A 10kA 1.2.500mA	2DD451A00006U	7,894,000
3P	10	63	NV63-HV 3P 63A 10kA 1.2.500mA	2DD452A00003B	7,894,000
3P	50	15	NV125-HV 3P 15A 50kA 1.2.500mA	2DG214A000073	20,596,000
3P	50	20	NV125-HV 3P 20A 50kA 1.2.500mA	2DG216A000031	20,596,000
3P	50	30	NV125-HV 3P 30A 50kA 1.2.500mA	2DG217A000032	20,596,000
3P	50	40	NV125-HV 3P 40A 50kA 1.2.500mA	2DG219A000034	20,596,000
3P	50	50	NV125-HV 3P 50A 50kA 1.2.500mA	2DG220A000035	20,596,000
3P	50	60	NV125-HV 3P 60A 50kA 1.2.500mA	2DG221A000036	20,596,000
3P	50	75	NV125-HV 3P 75A 50kA 1.2.500mA	2DG223A00007M	20,596,000
3P	50	100	NV125-HV 3P 100A 50kA 1.2.500mA	2DG225A000037	20,596,000
3P	50	125	NV125-HV 3P 125A 50kA 1.2.500mA	2DG226A000039	20,596,000
3P	75	125	NV125-HEV 3P 125A 75kA 1.2.500mA	2DH115B00001G	39,835,000
3P	75	125	NV250-HV 3P 125A 75kA 1.2.500mA	2DJ211A000024	27,125,000
3P	75	150	NV250-HV 3P 150A 75kA 1.2.500mA	2DJ212A000025	27,125,000
3P	75	175	NV250-HV 3P 175A 75kA 1.2.500mA	2DJ213A00005D	27,125,000
3P	75	200	NV250-HV 3P 200A 75kA 1.2.500mA	2DJ214A000026	27,125,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng cao cấp *(High Class)* 3P 1.2.500mA					
3P	75	225	NV250-HV 3P 225A 75kA 1.2.500mA	2DJ215A000027	27,125,000
3P	75	250	NV250-HV 3P 250A 75kA 1.2.500mA	2DJ216A000071	27,125,000
3P	75	125-250	NV250-HEV 3P 125-250A 75kA 1.2.500mA	2DL117A00000K	70,761,000
3P	70	400	NV400-HEW 3P 400A 70kA 1.2.500mA	2GK316A00002A	64,655,000
3P	70	630	NV630-HEW 3P 630A 70kA 1.2.500mA	2GL306A00000Y	84,969,000
3P	70	800	NV800-HEW 3P 800A 70kA 1.2.500mA	2GM306A000008	114,906,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 4P 1.2.500mA					
4P	30	15	NV125-SV 4P 15A 30kA 1.2.500mA	2DG151A00001Z	22,271,000
4P	30	20	NV125-SV 4P 20A 30kA 1.2.500mA	2DG153A000021	22,271,000
4P	30	30	NV125-SV 4P 30A 30kA 1.2.500mA	2DG154A000023	22,271,000
4P	30	40	NV125-SV 4P 40A 30kA 1.2.500mA	2DG156A000026	22,271,000
4P	30	50	NV125-SV 4P 50A 30kA 1.2.500mA	2DG157A000027	22,271,000
4P	30	60	NV125-SV 4P 60A 30kA 1.2.500mA	2DG158A000029	22,271,000
4P	30	75	NV125-SV 4P 75A 30kA 1.2.500mA	2DG160A00002B	22,271,000
4P	30	100	NV125-SV 4P 100A 30kA 1.2.500mA	2DG162A00002D	22,271,000
4P	30	125	NV125-SV 4P 125A 30kA 1.2.500mA	2DG163A00002F	22,271,000
4P	36	125	NV250-SV 4P 125A 36kA 1.2.500mA	2DJ141A00001E	22,451,000
4P	36	125	NV125-SEV 4P 125A 36kA 1.2.500mA	2DH045B00001F	62,082,000
4P	36	150	NV250-SV 4P 150A 36kA 1.2.500mA	2DJ142A00001G	22,451,000
4P	36	175	NV250-SV 4P 175A 36kA 1.2.500mA	2DJ143A00004S	22,451,000
4P	36	200	NV250-SV 4P 200A 36kA 1.2.500mA	2DJ144A00001K	22,451,000
4P	36	225	NV250-SV 4P 225A 36kA 1.2.500mA	2DJ145A00001M	22,451,000
4P	36	250	NV250-SV 4P 250A 36kA 1.2.500mA	2DJ146A00001P	22,451,000
4P	50	400	NV400-SEW 4P 400A 50kA 1.2.500mA	2GK246A000023	65,059,000
Dòng cao cấp *(High Class)* 4P 1.2.500mA					
4P	50	15	NV125-HV 4P 15A 50kA 1.2.500mA	2DG251A0000AH	29,839,000
4P	50	20	NV125-HV 4P 20A 50kA 1.2.500mA	2DG253A0000AJ	29,839,000
4P	50	30	NV125-HV 4P 30A 50kA 1.2.500mA	2DG254A00003B	29,839,000
4P	50	40	NV125-HV 4P 40A 50kA 1.2.500mA	2DG256A00008Z	29,839,000
4P	50	50	NV125-HV 4P 50A 50kA 1.2.500mA	2DG257A000091	29,839,000
4P	50	60	NV125-HV 4P 60A 50kA 1.2.500mA	2DG258A000093	29,839,000
4P	50	75	NV125-HV 4P 75A 50kA 1.2.500mA	2DG260A000096	29,839,000
4P	50	100	NV125-HV 4P 100A 50kA 1.2.500mA	2DG262A000099	29,839,000
4P	50	125	NV125-HV 4P 125A 50kA 1.2.500mA	2DG263A0000AK	29,839,000
4P	75	125	NV125-HEV 4P 125A 75kA 1.2.500mA	2DH145B00001H	80,706,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng cao cấp *(High Class)* 4P 1.2.500mA					
4P	75	150	NV250-HV 4P 150A 75kA 1.2.500mA	2DJ242A000064	30,894,000
4P	75	175	NV250-HV 4P 175A 75kA 1.2.500mA	2DJ243A0000C0	32,329,000
4P	75	175	NV250-HV 4P 175A 75kA 1.2.500mA	2DJ243D0000C3	30,894,000
4P	75	200	NV250-HV 4P 200A 75kA 1.2.500mA	2DJ244A000066	30,894,000
4P	75	225	NV250-HV 4P 225A 75kA 1.2.500mA	2DJ245A000068	30,894,000
4P	75	250	NV250-HV 4P 250A 75kA 1.2.500mA	2DJ246A00002G	30,894,000
4P	70	400	NV400-HEW 4P 400A 70kA 1.2.500mA	2GK346A00002E	76,416,000
LOẠI THỜI GIAN TRỄ *(TIME DELAY TYPE)*					
Dòng kinh tế *(Economy Class)* 3P 1.2.500mA TIME DELAY					
3P	10	60	NV125-CV 3P 60A 10kA 1.2.500mA TD	2DG031A00000N	6,294,000
3P	10	75	NV125-CV 3P 75A 10kA 1.2.500mA TD	2DG033A00000P	6,294,000
3P	10	100	NV125-CV 3P 100A 10kA 1.2.500mA TD	2DG035A00000Q	6,294,000
3P	10	125	NV125-CV 3P 125A 10kA 1.2.500mA TD	2DG036A00000R	6,294,000
3P	25	125	NV250-CV 3P 125A 25kA 1.2.500mA TD	2DJ021A00006R	9,984,000
3P	25	150	NV250-CV 3P 150A 25kA 1.2.500mA TD	2DJ022A00000P	9,984,000
3P	25	175	NV250-CV 3P 175A 25kA 1.2.500mA TD	2DJ023A00006S	9,984,000
3P	25	200	NV250-CV 3P 200A 25kA 1.2.500mA TD	2DJ024A00000R	9,984,000
3P	25	225	NV250-CV 3P 225A 25kA 1.2.500mA TD	2DJ025A00006T	9,984,000
3P	25	250	NV250-CV 3P 250A 25kA 1.2.500mA TD	2DJ026A00000S	9,984,000
3P	36	250	NV400-CW 3P 250A 36kA 1.2.500mA TD	2GK051A000038	22,408,000
3P	36	300	NV400-CW 3P 300A 36kA 1.2.500mA TD	2GK052A00000W	22,408,000
3P	36	350	NV400-CW 3P 350A 36kA 1.2.500mA TD	2GK053A00000Y	22,408,000
3P	36	400	NV400-CW 3P 400A 36kA 1.2.500mA TD	2GK054A000010	22,408,000
3P	36	500	NV630-CW 3P 500A 36kA 1.2.500mA TD	2GL011A000006	55,212,000
3P	36	600	NV630-CW 3P 600A 36kA 1.2.500mA TD	2GL012A000008	55,212,000
3P	36	630	NV630-CW 3P 630A 36kA 1.2.500mA TD	2GL013A00000A	55,212,000
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 3P 1.2.500mA TIME DELAY					
3P	30	20	NV125-SV 3P 20A 30kA 1.2.500mA TD	2DG127A00005G	12,922,000
3P	30	30	NV125-SV 3P 30A 30kA 1.2.500mA TD	2DG128A00001D	12,922,000
3P	30	40	NV125-SV 3P 40A 30kA 1.2.500mA TD	2DG130A0000A5	12,922,000
3P	30	50	NV125-SV 3P 50A 30kA 1.2.500mA TD	2DG131A0000A6	12,922,000
3P	30	60	NV125-SV 3P 60A 30kA 1.2.500mA TD	2DG132A0000A7	12,922,000
3P	30	75	NV125-SV 3P 75A 30kA 1.2.500mA TD	2DG134A00001E	12,922,000
3P	30	100	NV125-SV 3P 100A 30kA 1.2.500mA TD	2DG136A00001F	12,922,000
3P	30	125	NV125-SV 3P 125A 30kA 1.2.500mA TD	2DG137A0000A8	12,922,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 3P 1.2.500mA TIME DELAY					
3P	36	125	NV250-SV 3P 125A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ121A000017	15,227,000
3P	36	150	NV250-SV 3P 150A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ122A000018	15,227,000
3P	36	175	NV250-SV 3P 175A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ123A00006W	15,227,000
3P	36	200	NV250-SV 3P 200A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ124A00004D	15,227,000
3P	36	225	NV250-SV 3P 225A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ125A000019	15,227,000
3P	36	250	NV250-SV 3P 250A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ126A00008S	15,227,000
3P	45	250	NV400-SW 3P 250A 45kA 1.2.500mA TD	2GK121A00001H	40,651,000
3P	45	300	NV400-SW 3P 300A 45kA 1.2.500mA TD	2GK122A00001J	40,651,000
3P	45	350	NV400-SW 3P 350A 45kA 1.2.500mA TD	2GK123A00001L	40,651,000
3P	45	400	NV400-SW 3P 400A 45kA 1.2.500mA TD	2GK124A00001M	40,651,000
3P	50	400	NV400-SEW 3P 400A 50kA 1.2.500mA TD	2GK226A00001X	52,714,000
3P	50	630	NV630-SEW 3P 630A 50kA 1.2.500mA TD	2GL216A00000R	73,471,000
3P	50	500	NV630-SW 3P 500A 50kA 1.2.500mA TD	2GL111A00000F	74,820,000
3P	50	600	NV630-SW 3P 600A 50kA 1.2.500mA TD	2GL112A00000H	73,471,000
3P	50	630	NV630-SW 3P 630A 50kA 1.2.500mA TD	2GL113A00000K	73,471,000
3P	50	800	NV800-SEW 3P 800A 50kA 1.2.500mA TD	2GM216A000004	94,243,000
Dòng cao cấp *(High Class)* 3P 1.2.500mA TIME DELAY					
3P	50	20	NV125-HV 3P 20A 50kA 1.2.500mA TD	2DG227A0000AA	21,208,000
3P	50	30	NV125-HV 3P 30A 50kA 1.2.500mA TD	2DG228A0000AB	21,208,000
3P	50	40	NV125-HV 3P 40A 50kA 1.2.500mA TD	2DG230A0000AC	21,208,000
3P	50	50	NV125-HV 3P 50A 50kA 1.2.500mA TD	2DG231A0000AD	21,208,000
3P	50	60	NV125-HV 3P 60A 50kA 1.2.500mA TD	2DG232A000080	21,208,000
3P	50	75	NV125-HV 3P 75A 50kA 1.2.500mA TD	2DG234A0000AE	21,208,000
3P	50	100	NV125-HV 3P 100A 50kA 1.2.500mA TD	2DG236A0000AF	21,208,000
3P	50	125	NV125-HV 3P 125A 50kA 1.2.500mA TD	2DG237A0000AG	21,208,000
3P	75	150	NV250-HV 3P 150A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ222A000073	27,737,000
3P	75	175	NV250-HV 3P 175A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ223A000074	27,737,000
3P	75	200	NV250-HV 3P 200A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ224A00005T	27,125,000
3P	75	225	NV250-HV 3P 225A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ225A000075	27,737,000
3P	75	250	NV250-HV 3P 250A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ226A000029	27,737,000
3P	75	125	NV250-HV 3P 125A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ221A000072	27,737,000
3P	70	800	NV800-HEW 3P 800A 70kA 1.2.500mA TD	2GM316A000009	115,518,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn *(Standard Class)* 4P 1.2.500mA TIME DELAY					
4P	30	20	NV125-SV 4P 20A 30kA 1.2.500mA TD	2DG164A00002H	22,882,000
4P	30	40	NV125-SV 4P 40A 30kA 1.2.500mA TD	2DG167A0000A9	22,882,000
4P	30	50	NV125-SV 4P 50A 30kA 1.2.500mA TD	2DG168A000069	22,882,000
4P	30	60	NV125-SV 4P 60A 30kA 1.2.500mA TD	2DG169A00002R	22,882,000
4P	30	75	NV125-SV 4P 75A 30kA 1.2.500mA TD	2DG171A0000A0	22,882,000
4P	30	125	NV125-SV 4P 125A 30kA 1.2.500mA TD	2DG174A00006D	22,882,000
4P	36	125	NV250-SV 4P 125A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ151A00001S	23,059,000
4P	36	150	NV250-SV 4P 150A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ152A00001T	22,863,000
4P	36	175	NV250-SV 4P 175A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ153A00001V	23,059,000
4P	36	200	NV250-SV 4P 200A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ154A00001W	22,863,000
4P	36	225	NV250-SV 4P 225A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ155A00001X	23,059,000
4P	36	250	NV250-SV 4P 250A 36kA 1.2.500mA TD	2DJ156A00001Z	22,863,000
4P	50	400	NV400-SEW 4P 400A 50kA 1.2.500mA TD	2GK256A000025	65,561,000
4P	50	630	NV630-SEW 4P 630A 50kA 1.2.500mA TD	2GL236A00000V	99,518,000
Dòng cao cấp *(High Class)* 4P 1.2.500mA TIME DELAY					
4P	50	20	NV125-HV 4P 20A 50kA 1.2.500mA TD	2DG264A0000AL	30,451,000
4P	50	30	NV125-HV 4P 30A 50kA 1.2.500mA TD	2DG265A00009C	30,451,000
4P	50	40	NV125-HV 4P 40A 50kA 1.2.500mA TD	2DG267A0000AM	30,451,000
4P	50	50	NV125-HV 4P 50A 50kA 1.2.500mA TD	2DG268A0000AN	30,451,000
4P	50	60	NV125-HV 4P 60A 50kA 1.2.500mA TD	2DG269A00003J	30,451,000
4P	50	75	NV125-HV 4P 75A 50kA 1.2.500mA TD	2DG271A00003K	30,451,000
4P	50	100	NV125-HV 4P 100A 50kA 1.2.500mA TD	2DG273A0000AP	30,451,000
4P	50	125	NV125-HV 4P 125A 50kA 1.2.500mA TD	2DG274A0000AQ	30,451,000
4P	75	200	NV250-HV 4P 200A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ254A00008M	31,506,000
4P	75	250	NV250-HV 4P 250A 75kA 1.2.500mA TD	2DJ256A00006F	31,506,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI-DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA

- *Made in Japan*
- *IEC 60947-1,2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 230VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 230VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 2P 30mA					
2P	7.5	5	NV63-CV 2P 5A 7.5kA 30mA CE	2DD001C00003C	3,906,000
2P	7.5	10	NV63-CV 2P 10A 7.5kA 30mA CE	2DD002C00003D	3,906,000
2P	7.5	15	NV63-CV 2P 15A 7.5kA 30mA CE	2DD003C00003E	3,906,000
2P	7.5	16	NV63-CV 2P 16A 7.5kA 30mA CE	2DD004C00003F	3,906,000
2P	7.5	20	NV63-CV 2P 20A 7.5kA 30mA CE	2DD005C00003G	3,906,000
2P	7.5	25	NV63-CV 2P 25A 7.5kA 30mA CE	2DD006C00003H	3,906,000
2P	7.5	30	NV63-CV 2P 30A 7.5kA 30mA CE	2DD007C00003J	3,906,000
2P	7.5	32	NV63-CV 2P 32A 7.5kA 30mA CE	2DD008C00003K	3,906,000
2P	7.5	40	NV63-CV 2P 40A 7.5kA 30mA CE	2DD009C00003L	3,906,000
2P	7.5	50	NV63-CV 2P 50A 7.5kA 30mA CE	2DD010C00003M	3,906,000
2P	7.5	60	NV63-CV 2P 60A 7.5kA 30mA CE	2DD011C00003P	3,906,000
2P	7.5	63	NV63-CV 2P 63A 7.5kA 30mA CE	2DD012C00003Q	3,906,000
Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 3P 30mA					
3P	5	5	NV63-CV 3P 5A 5kA 30mA CE	2DD041C00003R	4,431,000
3P	5	10	NV63-CV 3P 10A 5kA 30mA CE	2DD042C00003S	4,431,000
3P	5	15	NV63-CV 3P 15A 5kA 30mA CE	2DD043C00000H	4,431,000
3P	5	16	NV63-CV 3P 16A 5kA 30mA CE	2DD044C00000J	4,431,000
3P	5	20	NV63-CV 3P 20A 5kA 30mA CE	2DD045C00000M	4,431,000
3P	5	25	NV63-CV 3P 25A 5kA 30mA CE	2DD046C00003X	4,431,000
3P	5	30	NV63-CV 3P 30A 5kA 30mA CE	2DD047C00000Q	4,431,000
3P	5	32	NV63-CV 3P 32A 5kA 30mA CE	2DD048C00000R	4,431,000
3P	5	40	NV63-CV 3P 40A 5kA 30mA CE	2DD049C00000T	4,431,000
3P	5	50	NV63-CV 3P 50A 5kA 30mA CE	2DD050C00000W	4,431,000
3P	5	60	NV63-CV 3P 60A 5kA 30mA CE	2DD051C00000Z	4,431,000
3P	5	63	NV63-CV 3P 63A 5kA 30mA CE	2DD052C000011	4,431,000
3P	10	60	NV125-CV 3P 60A 10kA 30mA CE	2DG011C000002	7,200,000
3P	10	63	NV125-CV 3P 63A 10kA 30mA CE	2DG012C00003P	7,200,000
3P	10	75	NV125-CV 3P 75A 10kA 30mA CE	2DG013C000005	7,200,000
3P	10	80	NV125-CV 3P 80A 10kA 30mA CE	2DG014C00003T	7,200,000
3P	10	100	NV125-CV 3P 100A 10kA 30mA CE	2DG015C000008	7,200,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 3P 30mA					
3P	10	125	NV125-CV 3P 125A 10kA 30mA CE	2DG016C00000A	7,200,000
3P	25	125	NV250-CV 3P 125A 25kA 30mA CE	2DJ001C00002M	13,137,000
3P	25	150	NV250-CV 3P 150A 25kA 30mA CE	2DJ002C000004	13,137,000
3P	25	175	NV250-CV 3P 175A 25kA 30mA CE	2DJ003C000006	13,137,000
3P	25	200	NV250-CV 3P 200A 25kA 30mA CE	2DJ004C00002V	13,137,000
3P	25	225	NV250-CV 3P 225A 25kA 30mA CE	2DJ005C00002Y	13,137,000
3P	25	250	NV250-CV 3P 250A 25kA 30mA CE	2DJ006C000008	13,137,000
3P	36	250	NV400-CW 3P 250A 36kA 30mA CE	2GK031B00002W	28,341,000
3P	36	300	NV400-CW 3P 300A 36kA 30mA CE	2GK032B000004	28,341,000
3P	36	350	NV400-CW 3P 350A 36kA 30mA CE	2GK033B000006	28,341,000
3P	36	400	NV400-CW 3P 400A 36kA 30mA CE	2GK034B000008	28,341,000
3P	5	5	NV32-SV 3P 5A 5kA 30mA CE	2DB022C000002	5,380,000
3P	5	6	NV32-SV 3P 6A 5kA 30mA CE	2DB023C000003	5,380,000
3P	5	10	NV32-SV 3P 10A 5kA 30mA CE	2DB024C000005	5,380,000
3P	5	15	NV32-SV 3P 15A 5kA 30mA CE	2DB025C000008	5,380,000
3P	5	16	NV32-SV 3P 16A 5kA 30mA CE	2DB026C000009	5,380,000
3P	5	20	NV32-SV 3P 20A 5kA 30mA CE	2DB027C00000B	5,380,000
3P	5	25	NV32-SV 3P 25A 5kA 30mA CE	2DB028C00001C	5,380,000
3P	5	30	NV32-SV 3P 30A 5kA 30mA CE	2DB029C00000D	5,380,000
3P	5	32	NV32-SV 3P 32A 5kA 30mA CE	2DB030C00000F	5,380,000
3P	7.5	5	NV63-SV 3P 5A 7.5kA 30mA CE	2DD261C00004Y	5,773,000
3P	7.5	10	NV63-SV 3P 10A 7.5kA 30mA CE	2DD262C00001V	5,773,000
3P	7.5	15	NV63-SV 3P 15A 7.5kA 30mA CE	2DD263C00001X	5,773,000
3P	7.5	16	NV63-SV 3P 16A 7.5kA 30mA CE	2DD264C000050	5,773,000
3P	7.5	20	NV63-SV 3P 20A 7.5kA 30mA CE	2DD265C000020	5,773,000
3P	7.5	25	NV63-SV 3P 25A 7.5kA 30mA CE	2DD266C000051	5,773,000
3P	7.5	30	NV63-SV 3P 30A 7.5kA 30mA CE	2DD267C000022	5,773,000
3P	7.5	32	NV63-SV 3P 32A 7.5kA 30mA CE	2DD268C000023	5,773,000
3P	7.5	40	NV63-SV 3P 40A 7.5kA 30mA CE	2DD269C000025	5,773,000
3P	7.5	50	NV63-SV 3P 50A 7.5kA 30mA CE	2DD270C000027	5,773,000
3P	7.5	60	NV63-SV 3P 60A 7.5kA 30mA CE	2DD271C000028	5,773,000
3P	7.5	63	NV63-SV 3P 63A 7.5kA 30mA CE	2DD272C00002A	5,773,000
3P	30	15	NV125-SV 3P 15A 30kA 30mA CE	2DG101C00004B	18,161,000
3P	30	16	NV125-SV 3P 16A 30kA 30mA CE	2DG102C00004C	18,161,000
3P	30	20	NV125-SV 3P 20A 30kA 30mA CE	2DG103C00004E	18,161,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 3P 30mA					
3P	30	30	NV125-SV 3P 30A 30kA 30mA CE	2DG104C00004G	18,161,000
3P	30	32	NV125-SV 3P 32A 30kA 30mA CE	2DG105C00004H	18,161,000
3P	30	40	NV125-SV 3P 40A 30kA 30mA CE	2DG106C00000U	18,161,000
3P	30	50	NV125-SV 3P 50A 30kA 30mA CE	2DG107C00000V	18,161,000
3P	30	60	NV125-SV 3P 60A 30kA 30mA CE	2DG108C00000W	18,161,000
3P	30	63	NV125-SV 3P 63A 30kA 30mA CE	2DG109C00000X	18,161,000
3P	30	75	NV125-SV 3P 75A 30kA 30mA CE	2DG110C00004N	18,161,000
3P	30	80	NV125-SV 3P 80A 30kA 30mA CE	2DG111C00000Y	18,161,000
3P	30	100	NV125-SV 3P 100A 30kA 30mA CE	2DG112C00000Z	18,161,000
3P	30	125	NV125-SV 3P 125A 30kA 30mA CE	2DG113C00004Q	18,161,000
3P	36	63-125	NV125-SEV 3P 63-125A 36kA 30mA CE	2DH006C000005	34,839,000
3P	36	125	NV250-SV 3P 125A 36kA 30mA CE	2DJ101C00003M	19,004,000
3P	36	150	NV250-SV 3P 150A 36kA 30mA CE	2DJ102C00003P	19,004,000
3P	36	175	NV250-SV 3P 175A 36kA 30mA CE	2DJ103C00003Q	27,984,000
3P	36	200	NV250-SV 3P 200A 36kA 30mA CE	2DJ104C00003R	19,004,000
3P	36	225	NV250-SV 3P 225A 36kA 30mA CE	2DJ105C00003S	19,004,000
3P	36	250	NV250-SV 3P 250A 36kA 30mA CE	2DJ106C00000V	19,004,000
3P	45	250	NV400-SW 3P 250A 45kA 30mA CE	2GK101B000011	48,055,000
3P	45	300	NV400-SW 3P 300A 45kA 30mA CE	2GK102B000012	48,055,000
3P	45	350	NV400-SW 3P 350A 45kA 30mA CE	2GK103B000013	48,055,000
3P	45	400	NV400-SW 3P 400A 45kA 30mA CE	2GK104B000015	48,055,000
3P	50	400	NV400-SEW 3P 400A 50kA 30mA CE	2GK206B00001U	62,549,000
3P	36	125-250	NV250-SEV 3P 125-250A 36kA 30mA CE	2DL008C000006	51,408,000
3P	10	15	NV63-HV 3P 15A 10kA 30mA CE	2DD423C000063	9,475,000
3P	10	16	NV63-HV 3P 16A 10kA 30mA CE	2DD424C000064	9,475,000
3P	10	20	NV63-HV 3P 20A 10kA 30mA CE	2DD425C000065	9,475,000
3P	10	30	NV63-HV 3P 30A 10kA 30mA CE	2DD427C000067	9,475,000
3P	10	32	NV63-HV 3P 32A 10kA 30mA CE	2DD428C000068	9,475,000
3P	10	40	NV63-HV 3P 40A 10kA 30mA CE	2DD429C00006A	9,475,000
3P	10	50	NV63-HV 3P 50A 10kA 30mA CE	2DD430C00006B	9,475,000
3P	10	60	NV63-HV 3P 60A 10kA 30mA CE	2DD431C00006F	9,475,000
3P	10	63	NV63-HV 3P 63A 10kA 30mA CE	2DD432C00006J	9,475,000
3P	50	15	NV125-HV 3P 15A 50kA 30mA CE	2DG201C00006H	24,718,000
3P	50	16	NV125-HV 3P 16A 50kA 30mA CE	2DG202C00006J	24,718,000
3P	50	20	NV125-HV 3P 20A 50kA 30mA CE	2DG203C00002X	24,718,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 3P 30mA					
3P	50	30	NV125-HV 3P 30A 50kA 30mA CE	2DG204C00006N	24,718,000
3P	50	32	NV125-HV 3P 32A 50kA 30mA CE	2DG205C00006P	24,718,000
3P	50	40	NV125-HV 3P 40A 50kA 30mA CE	2DG206C00006R	24,718,000
3P	50	50	NV125-HV 3P 50A 50kA 30mA CE	2DG207C00002Y	24,718,000
3P	50	60	NV125-HV 3P 60A 50kA 30mA CE	2DG208C00006W	24,718,000
3P	50	63	NV125-HV 3P 63A 50kA 30mA CE	2DG209C00002Z	24,718,000
3P	50	75	NV125-HV 3P 75A 50kA 30mA CE	2DG210C00006Y	24,718,000
3P	50	80	NV125-HV 3P 80A 50kA 30mA CE	2DG211C00006Z	24,718,000
3P	50	100	NV125-HV 3P 100A 50kA 30mA CE	2DG212C000070	24,718,000
3P	50	125	NV125-HV 3P 125A 50kA 30mA CE	2DG213C000072	24,718,000
3P	75	63-125	NV125-HEV 3P 63-125A 75kA 30mA CE	2DH106C000002	47,796,000
3P	75	125	NV250-HV 3P 125A 75kA 30mA CE	2DJ201C000051	32,553,000
3P	75	150	NV250-HV 3P 150A 75kA 30mA CE	2DJ202C000052	32,553,000
3P	75	175	NV250-HV 3P 175A 75kA 30mA CE	2DJ203C000053	32,553,000
3P	75	200	NV250-HV 3P 200A 75kA 30mA CE	2DJ204C000054	32,553,000
3P	75	225	NV250-HV 3P 225A 75kA 30mA CE	2DJ205C000055	32,553,000
3P	75	250	NV250-HV 3P 250A 75kA 30mA CE	2DJ206C000022	32,553,000
3P	70	400	NV400-HEW 3P 400A 70kA 30mA CE	2GK306B000030	70,376,000
3P	125	400	NV400-REW 3P 400A 125kA 30mA CE	2GK406B00003S	78,176,000
Loại CE *(Type CE)* 3P 1.2.500mA					
3P	5	5	NV63-CV 3P 5A 5kA 1.2.500mA CE	2DD061C000014	4,431,000
3P	5	10	NV63-CV 3P 10A 5kA 1.2.500mA CE	2DD062C000017	4,431,000
3P	5	15	NV63-CV 3P 15A 5kA 1.2.500mA CE	2DD063C000019	4,431,000
3P	5	16	NV63-CV 3P 16A 5kA 1.2.500mA CE	2DD064C00001A	4,431,000
3P	5	20	NV63-CV 3P 20A 5kA 1.2.500mA CE	2DD065C00001C	4,431,000
3P	5	25	NV63-CV 3P 25A 5kA 1.2.500mA CE	2DD066C00004B	4,431,000
3P	5	30	NV63-CV 3P 30A 5kA 1.2.500mA CE	2DD067C00001G	4,431,000
3P	5	32	NV63-CV 3P 32A 5kA 1.2.500mA CE	2DD068C00001H	4,431,000
3P	5	40	NV63-CV 3P 40A 5kA 1.2.500mA CE	2DD069C00001K	4,431,000
3P	5	50	NV63-CV 3P 50A 5kA 1.2.500mA CE	2DD070C00001N	4,431,000
3P	5	60	NV63-CV 3P 60A 5kA 1.2.500mA CE	2DD071C00004C	4,431,000
3P	5	63	NV63-CV 3P 63A 5kA 1.2.500mA CE	2DD072C00001R	4,431,000
3P	10	60	NV125-CV 3P 60A 10kA 1.2.500mA CE	2DG021C00000C	7,200,000
3P	10	63	NV125-CV 3P 63A 10kA 1.2.500mA CE	2DG022C00000D	7,200,000
3P	10	75	NV125-CV 3P 75A 10kA 1.2.500mA CE	2DG023C00000F	7,200,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 3P 1.2.500mA					
3P	10	80	NV125-CV 3P 80A 10kA 1.2.500mA CE	2DG024C00000G	7,200,000
3P	10	100	NV125-CV 3P 100A 10kA 1.2.500mA CE	2DG025C00000J	7,200,000
3P	10	125	NV125-CV 3P 125A 10kA 1.2.500mA CE	2DG026C00000M	7,200,000
3P	25	125	NV250-CV 3P 125A 25kA 1.2.500mA CE	2DJ011C00000A	13,137,000
3P	25	150	NV250-CV 3P 150A 25kA 1.2.500mA CE	2DJ012C00000D	13,137,000
3P	25	175	NV250-CV 3P 175A 25kA 1.2.500mA CE	2DJ013C00000F	13,137,000
3P	25	200	NV250-CV 3P 200A 25kA 1.2.500mA CE	2DJ014C00000H	13,137,000
3P	25	225	NV250-CV 3P 225A 25kA 1.2.500mA CE	2DJ015C00000L	13,137,000
3P	25	250	NV250-CV 3P 250A 25kA 1.2.500mA CE	2DJ016C00000N	13,137,000
3P	36	250	NV400-CW 3P 250A 36kA 1.2.500mA CE	2GK041B00000D	28,341,000
3P	36	300	NV400-CW 3P 300A 36kA 1.2.500mA CE	2GK042B00000H	28,341,000
3P	36	350	NV400-CW 3P 350A 36kA 1.2.500mA CE	2GK043B00000P	28,341,000
3P	36	400	NV400-CW 3P 400A 36kA 1.2.500mA CE	2GK044B00000U	28,341,000
3P	5	5	NV32-SV 3P 5A 5kA 1.2.500mA CE	2DB042C00001J	5,380,000
3P	5	6	NV32-SV 3P 6A 5kA 1.2.500mA CE	2DB043C00000H	5,380,000
3P	5	10	NV32-SV 3P 10A 5kA 1.2.500mA CE	2DB044C00000L	5,380,000
3P	5	15	NV32-SV 3P 15A 5kA 1.2.500mA CE	2DB045C00000N	5,380,000
3P	5	16	NV32-SV 3P 16A 5kA 1.2.500mA CE	2DB046C00000P	5,380,000
3P	5	20	NV32-SV 3P 20A 5kA 1.2.500mA CE	2DB047C00000R	5,380,000
3P	5	25	NV32-SV 3P 25A 5kA 1.2.500mA CE	2DB048C00001Z	5,380,000
3P	5	30	NV32-SV 3P 30A 5kA 1.2.500mA CE	2DB049C000022	5,380,000
3P	5	32	NV32-SV 3P 32A 5kA 1.2.500mA CE	2DB050C00000V	5,380,000
3P	7.5	5	NV63-SV 3P 5A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD281C00005D	5,773,000
3P	7.5	10	NV63-SV 3P 10A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD282C00005E	5,773,000
3P	7.5	15	NV63-SV 3P 15A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD283C00005F	5,773,000
3P	7.5	16	NV63-SV 3P 16A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD284C00005G	5,773,000
3P	7.5	20	NV63-SV 3P 20A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD285C00005H	5,773,000
3P	7.5	25	NV63-SV 3P 25A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD286C00005J	5,773,000
3P	7.5	30	NV63-SV 3P 30A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD287C00005K	5,773,000
3P	7.5	32	NV63-SV 3P 32A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD288C00002H	5,773,000
3P	7.5	40	NV63-SV 3P 40A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD289C00005Q	5,773,000
3P	7.5	50	NV63-SV 3P 50A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD290C00002N	5,773,000
3P	7.5	60	NV63-SV 3P 60A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD291C00002P	5,773,000
3P	7.5	63	NV63-SV 3P 63A 7.5kA 1.2.500mA CE	2DD292C000061	5,773,000
3P	30	15	NV125-SV 3P 15A 30kA 1.2.500mA CE	2DG114C00004R	18,161,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 3P 1.2.500mA					
3P	30	16	NV125-SV 3P 16A 30kA 1.2.500mA CE	2DG115C000012	18,161,000
3P	30	20	NV125-SV 3P 20A 30kA 1.2.500mA CE	2DG116C00004S	18,161,000
3P	30	30	NV125-SV 3P 30A 30kA 1.2.500mA CE	2DG117C00004T	18,161,000
3P	30	32	NV125-SV 3P 32A 30kA 1.2.500mA CE	2DG118C00004V	18,161,000
3P	30	40	NV125-SV 3P 40A 30kA 1.2.500mA CE	2DG119C00004Z	18,161,000
3P	30	50	NV125-SV 3P 50A 30kA 1.2.500mA CE	2DG120C000016	18,161,000
3P	30	60	NV125-SV 3P 60A 30kA 1.2.500mA CE	2DG121C000017	18,161,000
3P	30	63	NV125-SV 3P 63A 30kA 1.2.500mA CE	2DG122C000057	18,161,000
3P	30	75	NV125-SV 3P 75A 30kA 1.2.500mA CE	2DG123C000019	18,161,000
3P	30	80	NV125-SV 3P 80A 30kA 1.2.500mA CE	2DG124C00005C	18,161,000
3P	30	100	NV125-SV 3P 100A 30kA 1.2.500mA CE	2DG125C00001B	18,161,000
3P	30	125	NV125-SV 3P 125A 30kA 1.2.500mA CE	2DG126C00005F	18,161,000
3P	36	63-125	NV125-SEV 3P 63-125A 36kA 1.2.500mA CE	2DH016C000006	34,839,000
3P	36	125	NV250-SV 3P 125A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ111C00000X	19,004,000
3P	36	150	NV250-SV 3P 150A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ112C00000Z	19,004,000
3P	36	175	NV250-SV 3P 175A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ113C000011	27,984,000
3P	36	200	NV250-SV 3P 200A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ114C000013	19,004,000
3P	36	225	NV250-SV 3P 225A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ115C000015	19,004,000
3P	36	250	NV250-SV 3P 250A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ116C000049	19,004,000
3P	45	250	NV400-SW 3P 250A 45kA 1.2.500mA CE	2GK111B000018	48,055,000
3P	45	300	NV400-SW 3P 300A 45kA 1.2.500mA CE	2GK112B00001A	48,055,000
3P	45	350	NV400-SW 3P 350A 45kA 1.2.500mA CE	2GK113B00001C	48,055,000
3P	45	400	NV400-SW 3P 400A 45kA 1.2.500mA CE	2GK114B00001G	48,055,000
3P	50	400	NV400-SEW 3P 400A 50kA 1.2.500mA CE	2GK216B00001W	62,549,000
3P	10	15	NV63-HV 3P 15A 10kA 1.2.500mA CE	2DD443C000030	9,475,000
3P	10	16	NV63-HV 3P 16A 10kA 1.2.500mA CE	2DD444C00006K	9,475,000
3P	10	20	NV63-HV 3P 20A 10kA 1.2.500mA CE	2DD445C000032	9,475,000
3P	10	30	NV63-HV 3P 30A 10kA 1.2.500mA CE	2DD447C000034	9,475,000
3P	10	32	NV63-HV 3P 32A 10kA 1.2.500mA CE	2DD448C000035	9,475,000
3P	10	40	NV63-HV 3P 40A 10kA 1.2.500mA CE	2DD449C00006Q	9,475,000
3P	10	50	NV63-HV 3P 50A 10kA 1.2.500mA CE	2DD450C00003A	9,475,000
3P	10	60	NV63-HV 3P 60A 10kA 1.2.500mA CE	2DD451C00006W	9,475,000
3P	10	63	NV63-HV 3P 63A 10kA 1.2.500mA CE	2DD452C00006Z	9,475,000
3P	50	15	NV125-HV 3P 15A 50kA 1.2.500mA CE	2DG214C000074	24,718,000
3P	50	16	NV125-HV 3P 16A 50kA 1.2.500mA CE	2DG215C000075	24,718,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 3P 1.2.500mA					
3P	50	20	NV125-HV 3P 20A 50kA 1.2.500mA CE	2DG216C000076	24,718,000
3P	50	30	NV125-HV 3P 30A 50kA 1.2.500mA CE	2DG217C000077	24,718,000
3P	50	32	NV125-HV 3P 32A 50kA 1.2.500mA CE	2DG218C000033	24,718,000
3P	50	40	NV125-HV 3P 40A 50kA 1.2.500mA CE	2DG219C00007B	24,718,000
3P	50	50	NV125-HV 3P 50A 50kA 1.2.500mA CE	2DG220C00007E	24,718,000
3P	50	60	NV125-HV 3P 60A 50kA 1.2.500mA CE	2DG221C00007H	24,718,000
3P	50	63	NV125-HV 3P 63A 50kA 1.2.500mA CE	2DG222C00007K	24,718,000
3P	50	75	NV125-HV 3P 75A 50kA 1.2.500mA CE	2DG223C00007P	24,718,000
3P	50	80	NV125-HV 3P 80A 50kA 1.2.500mA CE	2DG224C00007R	24,718,000
3P	50	100	NV125-HV 3P 100A 50kA 1.2.500mA CE	2DG225C000038	24,718,000
3P	50	125	NV125-HV 3P 125A 50kA 1.2.500mA CE	2DG226C00007U	24,718,000
3P	75	63-125	NV125-HEV 3P 63-125A 75kA 1.2.500mA CE	2DH116C000003	47,796,000
3P	75	125	NV250-HV 3P 125A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ211C000058	32,553,000
3P	75	150	NV250-HV 3P 150A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ212C00005B	32,553,000
3P	75	175	NV250-HV 3P 175A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ213C00005F	32,553,000
3P	75	200	NV250-HV 3P 200A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ214C00005J	32,553,000
3P	75	225	NV250-HV 3P 225A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ215C000028	32,553,000
3P	75	250	NV250-HV 3P 250A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ216C00005P	32,553,000
3P	70	400	NV400-HEW 3P 400A 70kA 1.2.500mA CE	2GK316B00002B	70,376,000
3P	125	400	NV400-REW 3P 400A 125kA 1.2.500mA CE	2GK416B00003T	78,176,000
Loại CE *(Type CE)* 4P 30mA					
4P	30	15	NV125-SV 4P 15A 30kA 30mA CE	2DG138C00005S	32,749,000
4P	30	16	NV125-SV 4P 16A 30kA 30mA CE	2DG139C00001K	32,749,000
4P	30	20	NV125-SV 4P 20A 30kA 30mA CE	2DG140C00001M	32,749,000
4P	30	30	NV125-SV 4P 30A 30kA 30mA CE	2DG141C00005T	32,749,000
4P	30	32	NV125-SV 4P 32A 30kA 30mA CE	2DG142C00001Q	32,749,000
4P	30	40	NV125-SV 4P 40A 30kA 30mA CE	2DG143C00005U	32,749,000
4P	30	50	NV125-SV 4P 50A 30kA 30mA CE	2DG144C00001T	32,749,000
4P	30	60	NV125-SV 4P 60A 30kA 30mA CE	2DG145C00001V	32,749,000
4P	30	63	NV125-SV 4P 63A 30kA 30mA CE	2DG146C00001W	32,749,000
4P	30	75	NV125-SV 4P 75A 30kA 30mA CE	2DG147C00005W	32,749,000
4P	30	80	NV125-SV 4P 80A 30kA 30mA CE	2DG148C00005X	32,749,000
4P	30	100	NV125-SV 4P 100A 30kA 30mA CE	2DG149C00005Z	32,749,000
4P	30	125	NV125-SV 4P 125A 30kA 30mA CE	2DG150C00001Y	32,749,000
4P	36	63-125	NV125-SEV 4P 63-125A 36kA 30mA CE	2DH036C000008	74,498,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 4P 30mA					
4P	36	125	NV250-SV 4P 125A 36kA 30mA CE	2DJ131C00004H	33,675,000
4P	36	150	NV250-SV 4P 150A 36kA 30mA CE	2DJ132C00004K	33,675,000
4P	36	175	NV250-SV 4P 175A 36kA 30mA CE	2DJ133C00004L	33,675,000
4P	36	200	NV250-SV 4P 200A 36kA 30mA CE	2DJ134C00004P	33,675,000
4P	36	225	NV250-SV 4P 225A 36kA 30mA CE	2DJ135C00001C	33,675,000
4P	36	250	NV250-SV 4P 250A 36kA 30mA CE	2DJ136C00004Q	33,675,000
4P	50	400	NV400-SEW 4P 400A 50kA 30mA CE	2GK236B000020	78,071,000
4P	50	15	NV125-HV 4P 15A 50kA 30mA CE	2DG238C000088	35,812,000
4P	50	16	NV125-HV 4P 16A 50kA 30mA CE	2DG239C000089	35,812,000
4P	50	20	NV125-HV 4P 20A 50kA 30mA CE	2DG240C00008B	35,812,000
4P	50	30	NV125-HV 4P 30A 50kA 30mA CE	2DG241C00008D	35,812,000
4P	50	32	NV125-HV 4P 32A 50kA 30mA CE	2DG242C00008E	35,812,000
4P	50	40	NV125-HV 4P 40A 50kA 30mA CE	2DG243C00008G	35,812,000
4P	50	50	NV125-HV 4P 50A 50kA 30mA CE	2DG244C00008J	35,812,000
4P	50	60	NV125-HV 4P 60A 50kA 30mA CE	2DG245C00008L	35,812,000
4P	50	63	NV125-HV 4P 63A 50kA 30mA CE	2DG246C00008M	35,812,000
4P	50	75	NV125-HV 4P 75A 50kA 30mA CE	2DG247C00008P	35,812,000
4P	50	80	NV125-HV 4P 80A 50kA 30mA CE	2DG248C00008Q	35,812,000
4P	50	100	NV125-HV 4P 100A 50kA 30mA CE	2DG249C00003A	35,812,000
4P	50	125	NV125-HV 4P 125A 50kA 30mA CE	2DG250C00008T	35,812,000
4P	75	63-125	NV125-HEV 4P 63-125A 75kA 30mA CE	2DH136C00000C	96,847,000
4P	75	125	NV250-HV 4P 125A 75kA 30mA CE	2DJ231C00005X	38,792,000
4P	75	150	NV250-HV 4P 150A 75kA 30mA CE	2DJ232C00005Y	38,792,000
4P	75	175	NV250-HV 4P 175A 75kA 30mA CE	2DJ233C00005Z	38,792,000
4P	75	200	NV250-HV 4P 200A 75kA 30mA CE	2DJ234C000060	38,792,000
4P	75	225	NV250-HV 4P 225A 75kA 30mA CE	2DJ235C000061	38,792,000
4P	75	250	NV250-HV 4P 250A 75kA 30mA CE	2DJ236C000062	38,792,000
4P	70	400	NV400-HEW 4P 400A 70kA 30mA CE	2GK336B000031	80,235,000
Loại CE *(Type CE)* 4P 1.2.500mA					
4P	30	15	NV125-SV 4P 15A 30kA 1.2.500mA CE	2DG151C000060	32,749,000
4P	30	16	NV125-SV 4P 16A 30kA 1.2.500mA CE	2DG152C000020	32,749,000
4P	30	20	NV125-SV 4P 20A 30kA 1.2.500mA CE	2DG153C000022	32,749,000
4P	30	30	NV125-SV 4P 30A 30kA 1.2.500mA CE	2DG154C000024	32,749,000
4P	30	32	NV125-SV 4P 32A 30kA 1.2.500mA CE	2DG155C000025	32,749,000
4P	30	40	NV125-SV 4P 40A 30kA 1.2.500mA CE	2DG156C000061	32,749,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Loại CE *(Type CE)* 4P 1.2.500mA					
4P	30	50	NV125-SV 4P 50A 30kA 1.2.500mA CE	2DG157C000028	32,749,000
4P	30	60	NV125-SV 4P 60A 30kA 1.2.500mA CE	2DG158C000062	32,749,000
4P	30	63	NV125-SV 4P 63A 30kA 1.2.500mA CE	2DG159C00002A	32,749,000
4P	30	75	NV125-SV 4P 75A 30kA 1.2.500mA CE	2DG160C000063	32,749,000
4P	30	80	NV125-SV 4P 80A 30kA 1.2.500mA CE	2DG161C00002C	32,749,000
4P	30	100	NV125-SV 4P 100A 30kA 1.2.500mA CE	2DG162C00002E	32,749,000
4P	30	125	NV125-SV 4P 125A 30kA 1.2.500mA CE	2DG163C000065	32,749,000
4P	36	63-125	NV125-SEV 4P 63-125A 36kA 1.2.500mA CE	2DH046C000009	74,498,000
4P	36	125	NV250-SV 4P 125A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ141C00001F	33,675,000
4P	36	150	NV250-SV 4P 150A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ142C00001H	33,675,000
4P	36	175	NV250-SV 4P 175A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ143C00001J	33,675,000
4P	36	200	NV250-SV 4P 200A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ144C00001L	33,675,000
4P	36	225	NV250-SV 4P 225A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ145C00001N	33,675,000
4P	36	250	NV250-SV 4P 250A 36kA 1.2.500mA CE	2DJ146C00001Q	33,675,000
4P	50	400	NV400-SEW 4P 400A 50kA 1.2.500mA CE	2GK246B000024	78,071,000
4P	50	15	NV125-HV 4P 15A 50kA 1.2.500mA CE	2DG251C00008U	35,812,000
4P	50	16	NV125-HV 4P 16A 50kA 1.2.500mA CE	2DG252C00008V	35,812,000
4P	50	20	NV125-HV 4P 20A 50kA 1.2.500mA CE	2DG253C00008W	35,812,000
4P	50	30	NV125-HV 4P 30A 50kA 1.2.500mA CE	2DG254C00008X	35,812,000
4P	50	32	NV125-HV 4P 32A 50kA 1.2.500mA CE	2DG255C00008Y	35,812,000
4P	50	40	NV125-HV 4P 40A 50kA 1.2.500mA CE	2DG256C000090	35,812,000
4P	50	50	NV125-HV 4P 50A 50kA 1.2.500mA CE	2DG257C000092	35,812,000
4P	50	60	NV125-HV 4P 60A 50kA 1.2.500mA CE	2DG258C000094	35,812,000
4P	50	63	NV125-HV 4P 63A 50kA 1.2.500mA CE	2DG259C000095	35,812,000
4P	50	75	NV125-HV 4P 75A 50kA 1.2.500mA CE	2DG260C000097	35,812,000
4P	50	80	NV125-HV 4P 80A 50kA 1.2.500mA CE	2DG261C000098	35,812,000
4P	50	100	NV125-HV 4P 100A 50kA 1.2.500mA CE	2DG262C00009A	35,812,000
4P	50	125	NV125-HV 4P 125A 50kA 1.2.500mA CE	2DG263C00003G	35,812,000
4P	75	63-125	NV125-HEV 4P 63-125A 75kA 1.2.500mA CE	2DH146C000004	96,847,000
4P	75	125	NV250-HV 4P 125A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ241C000063	38,792,000
4P	75	150	NV250-HV 4P 150A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ242C000065	38,792,000
4P	75	175	NV250-HV 4P 175A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ243C00002C	38,792,000
4P	75	200	NV250-HV 4P 200A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ244C000067	38,792,000
4P	75	225	NV250-HV 4P 225A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ245C000069	38,792,000
4P	75	250	NV250-HV 4P 250A 75kA 1.2.500mA CE	2DJ246C00002H	38,792,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
4P	70	400	NV400-HEW 4P 400A 70kA 1.2.500mA CE	2GK346B00002F	80,235,000
Loại CE thời gian trễ *(Type CE Time Delay)*					
Loại CE thời gian trễ *(Type CE Time Delay)* 3P 1.2.500mA					
3P	10	60	NV125-CV 3P 60A 10kA 1.2.500mA TD CE	2DG031C000046	7,812,000
3P	10	63	NV125-CV 3P 63A 10kA 1.2.500mA TD CE	2DG032C000047	7,812,000
3P	10	75	NV125-CV 3P 75A 10kA 1.2.500mA TD CE	2DG033C000048	7,812,000
3P	10	80	NV125-CV 3P 80A 10kA 1.2.500mA TD CE	2DG034C000049	7,812,000
3P	10	100	NV125-CV 3P 100A 10kA 1.2.500mA TD CE	2DG035C00004A	7,812,000
3P	10	125	NV125-CV 3P 125A 10kA 1.2.500mA TD CE	2DG036C00000S	7,812,000
3P	25	125	NV250-CV 3P 125A 25kA 1.2.500mA TD CE	2DJ021C00003G	13,725,000
3P	25	150	NV250-CV 3P 150A 25kA 1.2.500mA TD CE	2DJ022C00000Q	13,725,000
3P	25	175	NV250-CV 3P 175A 25kA 1.2.500mA TD CE	2DJ023C00003H	13,725,000
3P	25	200	NV250-CV 3P 200A 25kA 1.2.500mA TD CE	2DJ024C00003J	13,725,000
3P	25	225	NV250-CV 3P 225A 25kA 1.2.500mA TD CE	2DJ025C00003K	13,725,000
3P	25	250	NV250-CV 3P 250A 25kA 1.2.500mA TD CE	2DJ026C00003L	13,725,000
3P	36	250	NV400-CW 3P 250A 36kA 1.2.500mA TD CE	2GK051B00002X	28,929,000
3P	36	300	NV400-CW 3P 300A 36kA 1.2.500mA TD CE	2GK052B00000X	28,929,000
3P	36	350	NV400-CW 3P 350A 36kA 1.2.500mA TD CE	2GK053B00002Y	28,929,000
3P	36	400	NV400-CW 3P 400A 36kA 1.2.500mA TD CE	2GK054B00002Z	28,929,000
3P	36	500	NV630-CW 3P 500A 36kA 1.2.500mA TD CE	2GL011B000007	82,820,000
3P	36	600	NV630-CW 3P 600A 36kA 1.2.500mA TD CE	2GL012B000009	82,820,000
3P	36	630	NV630-CW 3P 630A 36kA 1.2.500mA TD CE	2GL013B00000B	82,820,000
3P	30	20	NV125-SV 3P 20A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG127C00005H	18,769,000
3P	30	30	NV125-SV 3P 30A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG128C00005J	18,769,000
3P	30	32	NV125-SV 3P 32A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG129C00005K	18,769,000
3P	30	40	NV125-SV 3P 40A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG130C00005L	18,769,000
3P	30	50	NV125-SV 3P 50A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG131C00005M	18,769,000
3P	30	60	NV125-SV 3P 60A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG132C00005N	18,769,000
3P	30	63	NV125-SV 3P 63A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG133C00005P	18,769,000
3P	30	75	NV125-SV 3P 75A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG134C00005Q	18,769,000
3P	30	80	NV125-SV 3P 80A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG135C00005R	18,769,000
3P	30	100	NV125-SV 3P 100A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG136C00001G	18,769,000
3P	30	125	NV125-SV 3P 125A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG137C00001H	18,769,000
3P	36	63-125	NV125-SEV 3P 63-125A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DH026C000001	34,839,000
3P	36	125	NV250-SV 3P 125A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ121C00004A	19,612,000
3P	36	150	NV250-SV 3P 150A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ122C00004B	19,612,000

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Loại CE thời gian trễ *(Type CE Time Delay)* 3P 1.2.500mA					
3P	36	175	NV250-SV 3P 175A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ123C00004C	19,612,000
3P	36	200	NV250-SV 3P 200A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ124C00004E	19,612,000
3P	36	225	NV250-SV 3P 225A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ125C00004F	19,612,000
3P	36	250	NV250-SV 3P 250A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ126C00004G	19,612,000
3P	45	250	NV400-SW 3P 250A 45kA 1.2.500mA TD CE	2GK121B000033	48,663,000
3P	45	300	NV400-SW 3P 300A 45kA 1.2.500mA TD CE	2GK122B00001K	48,663,000
3P	45	350	NV400-SW 3P 350A 45kA 1.2.500mA TD CE	2GK123B00002S	48,663,000
3P	45	400	NV400-SW 3P 400A 45kA 1.2.500mA TD CE	2GK124B00001N	48,663,000
3P	50	400	NV400-SEW 3P 400A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GK226B00001Y	63,141,000
3P	50	500	NV630-SW 3P 500A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GL111B00000G	99,761,000
3P	50	600	NV630-SW 3P 600A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GL112B00000J	99,761,000
3P	50	630	NV630-SW 3P 630A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GL113B00000L	99,761,000
3P	50	630	NV630-SEW 3P 630A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GL216B00000S	113,141,000
3P	50	800	NV800-SEW 3P 800A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GM216B000005	128,267,000
3P	50	20	NV125-HV 3P 20A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG227C00007V	25,329,000
3P	50	30	NV125-HV 3P 30A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG228C00007W	25,329,000
3P	50	32	NV125-HV 3P 32A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG229C00007X	25,329,000
3P	50	40	NV125-HV 3P 40A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG230C00007Y	25,329,000
3P	50	50	NV125-HV 3P 50A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG231C00007Z	25,329,000
3P	50	60	NV125-HV 3P 60A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG232C000081	25,329,000
3P	50	63	NV125-HV 3P 63A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG233C000082	25,329,000
3P	50	75	NV125-HV 3P 75A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG234C000083	25,329,000
3P	50	80	NV125-HV 3P 80A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG235C000084	25,329,000
3P	50	100	NV125-HV 3P 100A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG236C000085	25,329,000
3P	50	125	NV125-HV 3P 125A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG237C000086	25,329,000
3P	75	63-125	NV125-HEV 3P 63-125A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DH126C00000B	48,408,000
3P	75	125	NV250-HV 3P 125A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ221C00005Q	33,165,000
3P	75	150	NV250-HV 3P 150A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ222C00005R	33,165,000
3P	75	175	NV250-HV 3P 175A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ223C00005S	33,165,000
3P	75	200	NV250-HV 3P 200A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ224C00005U	33,165,000
3P	75	225	NV250-HV 3P 225A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ225C00005V	33,165,000
3P	75	250	NV250-HV 3P 250A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ226C00005W	33,165,000
3P	70	400	NV400-HEW 3P 400A 70kA 1.2.500mA TD CE	2GK326B00002D	70,984,000
3P	125	400	NV400-REW 3P 400A 125kA 1.2.500mA TD CE	2GK426B00003U	79,471,000
3P	70	630	NV630-HEW 3P 630A 70kA 1.2.500mA TD CE	2GL316B000018	113,576,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

ELCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG CHỐNG DÒNG RÒ DẠNG KHỐI DÒNG NV
EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER - NV SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức tới 630A
- Dòng rò định mức: 15,30,100,200,500mA
- Loại CE và CE trễ thời gian

- *Made in Japan*
- *Comply with IEC 60947-2 Standard*
- *Rated current up to 630A*
- *Rated sensitivity current: 15, 30, 100,200, 500mA*
- *Type CE and CE Time Delay*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu tại 415VAC (kA) *Breaking capacity Icu at 415VAC (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
3P	70	800	NV800-HEW 3P 800A 70kA 1.2.500mA TD CE	2GM316B00000A	138,620,000
Loại CE thời gian trễ *(Type CE Time Delay)* 4P 1.2.500mA					
4P	30	20	NV125-SV 4P 20A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG164C000066	33,353,000
4P	30	30	NV125-SV 4P 30A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG165C000067	33,353,000
4P	30	32	NV125-SV 4P 32A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG166C000068	33,353,000
4P	30	40	NV125-SV 4P 40A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG167C00002N	33,353,000
4P	30	50	NV125-SV 4P 50A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG168C00002Q	33,353,000
4P	30	60	NV125-SV 4P 60A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG169C00006A	33,353,000
4P	30	63	NV125-SV 4P 63A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG170C00006B	33,353,000
4P	30	75	NV125-SV 4P 75A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG171C00002T	33,353,000
4P	30	80	NV125-SV 4P 80A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG172C00002U	33,353,000
4P	30	100	NV125-SV 4P 100A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG173C00006C	33,353,000
4P	30	125	NV125-SV 4P 125A 30kA 1.2.500mA TD CE	2DG174C00006E	33,353,000
4P	36	63-125	NV125-SEV 4P 63-125A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DH056C00000A	75,086,000
4P	36	125	NV250-SV 4P 125A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ151C00004V	34,282,000
4P	36	150	NV250-SV 4P 150A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ152C00001U	34,282,000
4P	36	175	NV250-SV 4P 175A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ153C00004W	34,282,000
4P	36	200	NV250-SV 4P 200A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ154C00004Y	34,282,000
4P	36	225	NV250-SV 4P 225A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ155C00001Y	34,282,000
4P	36	250	NV250-SV 4P 250A 36kA 1.2.500mA TD CE	2DJ156C000050	34,282,000
4P	50	32	NV125-HV 4P 32A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG266C00009E	30,380,000
4P	50	63	NV125-HV 4P 63A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG270C00009J	30,380,000
4P	50	80	NV125-HV 4P 80A 50kA 1.2.500mA TD CE	2DG272C00009L	30,380,000
4P	75	63-125	NV125-HEV 4P 63-125A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DH156C00000D	97,455,000
4P	50	400	NV400-SEW 4P 400A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GK256B000026	78,659,000
4P	50	630	NV630-SEW 4P 630A 50kA 1.2.500mA TD CE	2GL236B00000W	119,306,000
4P	75	125	NV250-HV 4P 125A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ251C00006A	39,400,000
4P	75	150	NV250-HV 4P 150A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ252C00006B	39,400,000
4P	75	175	NV250-HV 4P 175A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ253C00006C	39,400,000
4P	75	200	NV250-HV 4P 200A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ254C00006D	39,400,000
4P	75	225	NV250-HV 4P 225A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ255C00006E	39,400,000
4P	75	250	NV250-HV 4P 250A 75kA 1.2.500mA TD CE	2DJ256C00006G	39,400,000
4P	70	400	NV400-HEW 4P 400A 70kA 1.2.500mA TD CE	2GK356B000032	80,235,000

PHỤ KIỆN DÙNG CHO MCCB VÀ ELCB
ACCESSORIES FOR MCCB AND ELCB

Sản phẩm *Product*	Thông số kỹ thuật *Specification*	Tương thích với MCCB và ELCB *Compatible with MCCB and ELCB*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	Cuộn ngắt *(Shunt trip device)*				
	100-240 VAC, Lắp phải	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	SHTA240-05SVR	2CBS01A00006K	2,388,000
	100-240 VAC, Lắp trái	**NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	SHTA240-05SVL	2DBS01A000024	2,388,000
	380-550 VAC, Lắp phải	**NF**32-SV, 63-CV/SV/HV,160SGV/LGV/HGV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	SHTA550-05SVR	2CBS03A00006M	2,388,000
	380-550 VAC, Lắp trái	**NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	SHTA550-05SVL	2DBS03A000026	2,271,000
	100-450 VAC	TRÁI/PHẢI **NF**400/630/800CW/SW/HW /SEW/HEW	SHT-4SW	2FKS01A00004R	2,035,000
		TRÁI/**NV**400/630/800CW/SW/HW/SEW/HEW			
	200-240 VAC	PHẢI **NF**1000/1250/1600SEW/HEW(3 cực)	SHTA240-10SWR	2FNS11A000030	4,090,000
	200-240 VAC	PHẢI **NF**1000/1250/1600SEW/HEW (4 cực)	SHTA240-10SWRF	2FNS12A000031	5,698,000
	Tiếp điểm phụ và tiếp điểm cảnh báo *(Auxiliary and alarm contacts)*				
	NF3P/4P, NV3P/trái, phải	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV. **NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	AX-05SV	2CBX01A0000AE	1,325,000
	NF2P/3P/4P/ lắp phải, kèm SLT	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.	AX-05SVRS	2CBX04A0000AG	1,941,000
	NF2P/3P/4P/lắp trái, kèm SLT	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV. **NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	AX-05SVLS	2CBX02A0000AF	1,941,000
	NF3P/4P, NV3P/trái, phải	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV. **NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	AL-05SV	2CBL01A00005R	1,173,000
	NF2P/3P/4P/ lắp phải, kèm SLT	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.	AL-05SVRS	2CBL04A00005T	1,447,000
	NF2P/3P/4P/lắp trái, kèm SLT	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV **NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	AL-05SVLS	2CBL02A00005S	1,447,000
	NF2P/3P/4P lắp trái	**NF/NV**400,630,800-CW/SW/HW/CEW/SEW/HEW	AL-4SWL	2FKL01A000049	808,000
	NF2P/3P/4P lắp trái, 2/3P phải	**NF**400,630,800-CW/SW/HW/SEW/HEW	AX-4SW	2FKX01A000067	808,000
	NV2/3/4P lắp trái	**NV**400,630,800-CW/SW/HW/SEW/HEW			
	NF 3P/4P lắp trái	**NF**1000,1250,1600SEW	AL-10SWL	2FNL01A00002M	4,302,000
	NF3P/4P lắp trái	**NF**1000,1250,1600SEW	AX-10SWL	2FNX01A000048	3,510,000
	NF3P lắp phải	**NF**1000,1250,1600SEW	AX-10SWR	2FNX02A000049	3,510,000
	NF 4P lắp phải	**NF**1000,1250,1600SEW	AX-10SWRFS	2FNX16A00004G	4,282,000
	Khối kết hợp tiếp điểm phụ và tiếp điểm cảnh báo *(Auxiliary and alarm contacts unit)*				
	NF2P/3P/4P lắp trái/phải, NVtrái	**NF**32-SV, 63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, **NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	ALAX-05SV	2CBL05A00005U	2,773,000
	NV2P/3P/4P lắp trái	**NF/NV**400,630,800-CW/SW/HW/SEW/HEW	ALAX-4SWL	2FKL04A00004C	1,796,000
	Liên động cơ khí *(Mechanical interlock)*				
	2P/3P	**NF**32SV,63CV/SV/HV, 125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, **NV**32SV/63SV/125CV/SV/HV/SEV/HEV, 250CV/SV/HV/SEV/HEV	MI-05SV3	2CBM01A000067	3,780,000
	4P	**NF**63SW/HW	MI-05SV4	2CBM02A000068	5,592,000
	4P	**NF/NV**125SV/HV	MI-1SV4	2CHM02A000048	5,314,000

Sản phẩm *Product*	Thông số kỹ thuật *Specification*	Tương thích với MCCB và ELCB *Compatible with MCCB and ELCB*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	Liên động cơ khí *(Mechanical interlock)*				
	4P	**NF**125SEV/HEV/SGV/LGV/HGV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEVRGV,NV125SEV/HEV, 250CV/SV/HV/SEV/HEV	MI-2SV4	2CLM02A00006N	5,675,000
	2/3P	**NF/NV**400/630CW/SW/SEW/HEW	MI-4SW3	2FKM01A00004F	4,059,000
	2/3P	**NF**800CEW/SDW/SEW/HEW, **NV**800SEW/HEW	MI-8SW3	2FMM01A000026	4,310,000
	3P	**NF**1000,1250SEW	MI-10SW3	2FNM01A00002T	7,278,000
	3P	**NF**1600SEW	MI-16W3	2FNM05A00002V	11,800,000
	4P	NF/NV400/630CW/SW/SEW/HEW	MI-4SW4	2FKM02A00004G	6,153,000
	4P	**NF**800CEW/SDW/SEW/HEW/**NV**800SEW/HEW	MI-8SW4	2FMM02A000027	6,471,000
	4P	**NF**1000,1250SEW	MI-10SW4	2FNM02A00002U	6,671,000
	4P	**NF**1600SEW	MI-16SW4	2FNM06A00002W	17,741,000
	Cuộn bảo vệ thấp áp *(Under voltage trip device)*				
	AC 100-250V lắp phải-reset	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTSA250-05SVR	2CBU23A00007N	6,494,000
	AC 380-480V lắp phải-reset	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTSA480-05SVR	2CBU25A00007Q	6,494,000
	AC 100-250V lắp trái-reset	**NV**32-SV, 63-CV/SV/HV,125-CV/SV/HV/SEV/HEV,250-CV/SV/HV/SEV/HEV.**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTSA250-05SVLS	2CBU34A00007Y	7,110,000
	AC 380-480V lắp trái -reset	**NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV. **NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTSA480-05SVLS	2CBU36A000080	7,110,000
	AC 100-250V lắp phải-non reset	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTNA250-05SVR	2CBU03A000078	6,494,000
	AC 380-480V lắp phải -non reset	**NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTNA480-05SVR	2CBU05A00007A	6,494,000
	AC 100-250V lắp trái-non reset	**NV**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV. **NF**32-SV,63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTNA250-05SVL	2CBU13A00007G	6,494,000
	AC 380-480V lắp trái -non reset	**NV**32-SV,63-CV/SV/HV,125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV. **NF**32-SV, 63-CV/SV/HV, 125-CV/SV/HV/SGV/ LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV,250CV/SV/ HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	UVTNA480-05SVL	2CBU15A00007J	6,494,000
	100-110/120-130VAC. NFphải+trái. NVtrái	**NF**2P/3P/4P. NV3P/4P,NF400CW/SW/SEW/HEW,630CW/SW/SEW/HEW,800CEW/SEW/HEW.**NV**400CW/SW/SEW, 630CW/SW/SEW/HEW,NV800SEW/HEW	UVTSA130-4SW	2FKU24B000058	8,380,000
	200-220/230-250VAC. NF2P/3P/4P phải+trái. NV2P/3P/4P trái	**NF**400CW/SW/SEW/HEW,630CW/SW/SEW/HEW,800CEW/SEW/HEW. **NV**400CW/SW/SEW, 630CW/SW/SEW/HEW, **NV**800SEW/HEW	UVTSA250-4SW	2FKU33B00005A	7,718,000
	380-415/440-480VAC. NF2P/3P/4P phải+trái. NV2P/3P/4P trái	**NF**400CW/SW/SEW/HEW, 630CW/SW/SEW/HEW, 800CEW/SEW/HEW. **NV**400CW/SW/SEW, 630CW/SW/SEW/HEW, **NV**800SEW/HEW	UVTSA480-4SW	2FKU60B00005F	7,741,000
	200-220/230-250VAC. NF3P phải	**NF**1000/1250/1600 3P	UVTSA250-10SWRS	2FNU03C00003D	11,945,000
	200-220/230-250VAC. NF4P phải	**NF**1000/1250/1600 4P	UVTNA250-10SWRF	2FNU24C00003U	11,996,000
	Tay xoay kiểu V *(Handle V-type)*				
	NF2P	**NF**32SV, **NF**63CV/SV/HV	V-05SV2	2CBV51A000032	2,365,000
	NF3P/4P, NV2P/3P	**NF**32SV, **NF**63CV/SV/HV, **NV**32SV, **NV**63CV/SV/HV	V-05SV	2CBV52A000033	2,365,000
	NF2P	**NF**125CV/SV	V-1SV2	2CHV51A00004E	2,365,000
	NF2P/3P/4P, NV3P/4P	**NF**125CV/SV/HV, **NV**125CV/SV/HV	V-1SV*	2CHV52A00004F	2,365,000
	NF2P/3P/4P, NV3P/4P	**NF**125SEV/HEV/SGV/LGV/HGV, 160SGV/LGV/HGV, /250CV/SV/HV/SGV/HGV/LGV/SEV/HEV, NV125SEV/HEV/,250CV/SV/HV/SEV/HE	V-2SV*	2CLV31A00003H	2,918,000

Sản phẩm *Product*	Thông số kỹ thuật *Specification*	Tương thích với MCCB và ELCB *Compatible with MCCB and ELCB*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	Tay xoay kiểu V *(Handle V-type)*				
	NF2/3/4P, NV3/4P	**NF**400/630C/S/SEW/HEW, **NV**400/630CW/SW/SEW/HEW	V-4S*	2KY500A00001P	2,522,000
	NF2/3/4P, NV3P	**NF**CEW/SDW/SEW/HEW/REW,**NV**800SEW/HEW	V-8S*	2KY560A000020	2,522,000
	Adjustment unit	phần nối dài cho **NF**32/63/125/250	V-AD3S	2KY900A00002C	424,000
	Adjustment unit	phần nối dài cho **NF**400/800	V-AD3L	2KY902A00002D	1,420,000
	(*) Phần nối dài (adjustment unit) là phần chọn thêm				
	Tay xoay kiểu F *(Handle F-type)* (*)				
	NF2P	**NF**32SV,**NF**63CV/SV/HV	F-05SV2		2,224,000
	NF3/4P, NV2/3P	**NF**32SV, **NF**63CV/SV/HV, **NV**32SV, **NV**63CV/SV/HV	F-05SV		2,224,000
	NF2P	**NF**125 CV/SV	F-1SV2		2,224,000
	NF3/4P, NV3/4P	**NF**125CV/SV/HV, **NV**125CV/SV/HV	F-1SV		2,224,000
	NF2/3/4P, NV3/4P	**NF**125SEV/HEV/LGV/SGV/HGV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SEV/HEV/SGV/LGV/HGV, **NV**125SEV/HEV, 250CV/SV/HV/SEV/HEV	F-2SV		2,718,000
	NF2/3/4P, NV3/4P	**NF,NV**400/630CW/SW/SEW/HEWREW	F-4S		2,647,000
	NF2/3/4P, NV3P	**NF**800CEW/SDW/SEW/HEW/REW, **NV**800SEW/HEW	F-8S		2,647,000
	2P/3P	**NF**1000,1250,1600SEW	F10SW	2FNV05A000043	6,690,000
	4P	**NF**1000,1250,1600SEW	F10SW4P	2FNV06A00004Y	8,145,000
	(*) Với MCCB dòng khung 800A và nhỏ hơn, khi đặt hàng tay xoay kiểu F cần ghi cụ thể thêm các yêu cầu sau cùng với mã hàng: ● Operation lock: LF — Khóa tại vị trí OFF ● Operation lock: LN — Khóa tại vị trí ON hay OFF ● Door opening: DR — Cài đặt lại để mở (Reset to open) ● Operation lock: DF — Mở tại vị trí OFF ● Installation direction: Blank — Nguồn cấp ở phía trên ● Installation direction: Y — Nguồn cấp ở bên trái ● Installation direction: Z — Nguồn cấp ở bên phải (*) Với MCCB dòng khung 1000A và lớn hơn, đặt hàng theo mã ở phía trên. Nếu yêu chỉ khóa tại vị trí OFF, khi đặt hàng cần ghi rõ "only lock in OFF position" cùng với mã hàng				
	Motor nạp vận hành điện cho MCCB *(Electrical operation devices)*				
	AC100-240V/ DC100-250V	**NF**125CV(3P), SV(3P,4P),125HV	MDSAD240-NF1SVE	2CHW05A0000AT	30,478,000
	AC100-240V/ DC100-250V	**NF**125SEV/HEV, SGV/LGV/HGV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	MDSAD240-NF2SVE	2CLW05A00007G	38,627,000
	AC100-240V/ DC100-250V	**NV**125CV/SV/HV	MDSAD240-NV1SVE	2DGW05A00009P	30,478,000
	AC100-240V/ DC100-250V	**NV**125SEV/HEV, NV250CV/SV/HV, **NV**250SEV/HEV	MDSAD240-NV2SVE	2DJW05A00006H	38,627,000
	200-220VAC 50/60HZ	3P+4P NF400/630	MDS-4SWA220	2FKW07A000062	102,408,000
	200-220VAC 50/60HZ	3P+4P NF400/630	MD-4SWA220	2FKW02A00005Y	70,376,000
	200-220VAC 50/60HZ	3P+4P NF800	MDS-8SWA220	2FMW12A00002M	107,796,000
	200-220VAC 50/60HZ	3P+4P NF800	MD-8SWA220	2FMW02A00002K	82,204,000

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG-DÒNG BH-D
MCB BH-D SERIES

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng định mức đến 63A
- Điện áp làm việc 230/400VAC

- *Made in China*
- *Rated current up to 63A*
- *Working voltage 230/400VAC*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
1P					
1P	6	0.5	BH-D6 1P 0.5A 6kA C N	D1P-0.5C6M	391,000
1P	6	1	BH-D6 1P 1A 6kA C N	D1P-001C6M	391,000
1P	6	1.6	BH-D6 1P 1.6A 6kA C N	D1P-1.6C6M	391,000
1P	6	2	BH-D6 1P 2A 6kA C N	D1P-002C6M	391,000
1P	6	3	BH-D6 1P 3A 6kA C N	D1P-003C6M	229,000
1P	6	4	BH-D6 1P 4A 6kA C N	D1P-004C6M	229,000
1P	6	6	BH-D6 1P 6A 6kA C N	D1P-006C6M	229,000
1P	6	10	BH-D6 1P 10A 6kA C N	D1P-010C6M	162,000
1P	6	13	BH-D6 1P 13A 6kA C N	D1P-013C6M	162,000
1P	6	16	BH-D6 1P 16A 6kA C N	D1P-016C6M	162,000
1P	6	20	BH-D6 1P 20A 6kA C N	D1P-020C6M	162,000
1P	6	25	BH-D6 1P 25A 6kA C N	D1P-025C6M	182,000
1P	6	32	BH-D6 1P 32A 6kA C N	D1P-032C6M	182,000
1P	6	40	BH-D6 1P 40A 6kA C N	D1P-040C6M	209,000
1P	6	50	BH-D6 1P 50A 6kA C N	D1P-050C6M	273,000
1P	6	63	BH-D6 1P 63A 6kA C N	D1P-063C6M	306,000
1P+N					
1P+N	6	0.5	BH-D6 1PN 0.5A 6kA C N	D1P-0.5C6NM	721,000
1P+N	6	1	BH-D6 1PN 1A 6kA C N	D1P-001C6NM	721,000
1P+N	6	1.6	BH-D6 1PN 1.6A 6kA C N	D1P-1.6C6NM	721,000
1P+N	6	2	BH-D6 1PN 2A 6kA C N	D1P-002C6NM	721,000
1P+N	6	3	BH-D6 1PN 3A 6kA C N	D1P-003C6NM	515,000
1P+N	6	4	BH-D6 1PN 4A 6kA C N	D1P-004C6NM	515,000
1P+N	6	6	BH-D6 1PN 6A 6kA C N	D1P-006C6NM	515,000
1P+N	6	10	BH-D6 1PN 10A 6kA C N	D1P-010C6NM	370,000
1P+N	6	13	BH-D6 1PN 13A 6kA C N	D1P-013C6NM	370,000
1P+N	6	16	BH-D6 1PN 16A 6kA C N	D1P-016C6NM	370,000
1P+N	6	20	BH-D6 1PN 20A 6kA C N	D1P-020C6NM	370,000
1P+N	6	25	BH-D6 1PN 25A 6kA C N	D1P-025C6NM	414,000
1P+N	6	32	BH-D6 1PN 32A 6kA C N	D1P-032C6NM	414,000
1P+N	6	40	BH-D6 1PN 40A 6kA C N	D1P-040C6NM	505,000
2P					
2P	6	0.5	BH-D6 2P 0.5A 6kA C N	D2P-0.5C6M	758,000
2P	6	1	BH-D6 2P 1A 6kA C N	D2P-001C6M	758,000
2P	6	1.6	BH-D6 2P 1.6A 6kA C N	D2P-1.6C6M	758,000
2P	6	2	BH-D6 2P 2A 6kA C N	D2P-002C6M	758,000
2P	6	3	BH-D6 2P 3A 6kA C N	D2P-003C6M	545,000
2P	6	4	BH-D6 2P 4A 6kA C N	D2P-004C6M	545,000

- Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi
- *For Type B/D please contact us*

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG-DÒNG BH-D
MCB BH-D SERIES

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng định mức đến 63A
- Điện áp làm việc 230/400VAC

- *Made in China*
- *Rated current up to 63A*
- *Working voltage 230/400VAC*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
2P	6	6	BH-D6 2P 6A 6kA C N	D2P-006C6M	545,000
2P	6	10	BH-D6 2P 10A 6kA C N	D2P-010C6M	391,000
2P	6	13	BH-D6 2P 13A 6kA C N	D2P-013C6M	391,000
2P	6	16	BH-D6 2P 16A 6kA C N	D2P-016C6M	391,000
2P	6	20	BH-D6 2P 20A 6kA C N	D2P-020C6M	391,000
2P	6	25	BH-D6 2P 25A 6kA C N	D2P-025C6M	441,000
2P	6	32	BH-D6 2P 32A 6kA C N	D2P-032C6M	441,000
2P	6	40	BH-D6 2P 40A 6kA C N	D2P-040C6M	535,000
2P	6	50	BH-D6 2P 50A 6kA C N	D2P-050C6M	636,000
2P	6	63	BH-D6 2P 63A 6kA C N	D2P-063C6M	680,000
3P					
3P	6	0.5	BH-D6 3P 0.5A 6kA C N	D3P-0.5C6M	1,162,000
3P	6	1	BH-D6 3P 1A 6kA C N	D3P-001C6M	1,162,000
3P	6	1.6	BH-D6 3P 1.6A 6kA C N	D3P-1.6C6M	1,162,000
3P	6	2	BH-D6 3P 2A 6kA C N	D3P-002C6M	1,162,000
3P	6	3	BH-D6 3P 3A 6kA C N	D3P-003C6M	838,000
3P	6	4	BH-D6 3P 4A 6kA C N	D3P-004C6M	838,000
3P	6	6	BH-D6 3P 6A 6kA C N	D3P-006C6M	838,000
3P	6	10	BH-D6 3P 10A 6kA C N	D3P-010C6M	690,000
3P	6	13	BH-D6 3P 13A 6kA C N	D3P-013C6M	690,000
3P	6	16	BH-D6 3P 16A 6kA C N	D3P-016C6M	690,000
3P	6	20	BH-D6 3P 20A 6kA C N	D3P-020C6M	690,000
3P	6	25	BH-D6 3P 25A 6kA C N	D3P-025C6M	758,000
3P	6	32	BH-D6 3P 32A 6kA C N	D3P-032C6M	758,000
3P	6	40	BH-D6 3P 40A 6kA C N	D3P-040C6M	852,000
3P	6	50	BH-D6 3P 50A 6kA C N	D3P-050C6M	953,000
3P	6	63	BH-D6 3P 63A 6kA C N	D3P-063C6M	1,017,000
4P					
4P	6	0.5	BH-D6 4P 0.5A 6kA C N	D4P-0.5C6M	1,586,000
4P	6	1	BH-D6 4P 1A 6kA C N	D4P-001C6M	1,586,000
4P	6	1.6	BH-D6 4P 1.6A 6kA C N	D4P-1.6C6M	1,586,000
4P	6	2	BH-D6 4P 2A 6kA C N	D4P-002C6M	1,586,000
4P	6	3	BH-D6 4P 3A 6kA C N	D4P-003C6M	1,185,000
4P	6	4	BH-D6 4P 4A 6kA C N	D4P-004C6M	1,185,000
4P	6	6	BH-D6 4P 6A 6kA C N	D4P-006C6M	1,185,000
4P	6	10	BH-D6 4P 10A 6kA C N	D4P-010C6M	946,000
4P	6	13	BH-D6 4P 13A 6kA C N	D4P-013C6M	946,000
4P	6	16	BH-D6 4P 16A 6kA C N	D4P-016C6M	946,000
4P	6	20	BH-D6 4P 20A 6kA C N	D4P-020C6M	946,000

- Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi
- *For Type B/D please contact us*

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG-DÒNG BH-D
MCB BH-D SERIES

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng định mức đến 63A
- Điện áp làm việc 230/400VAC

- *Made in China*
- *Rated current up to 63A*
- *Working voltage 230/400VAC*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
4P	6	25	BH-D6 4P 25A 6kA C N	D4P-025C6M	1,027,000
4P	6	32	BH-D6 4P 32A 6kA C N	D4P-032C6M	1,027,000
4P	6	40	BH-D6 4P 40A 6kA C N	D4P-040C6M	1,178,000
4P	6	50	BH-D6 4P 50A 6kA C N	D4P-050C6M	1,327,000
4P	6	63	BH-D6 4P 63A 6kA C N	D4P-063C6M	1,327,000
1P					
1P	10	0.5	BH-D10 1P 0.5A 10kA C N	D1P-0.5C10N	414,000
1P	10	1	BH-D10 1P 1A 10kA C N	D1P-001C10N	414,000
1P	10	1.6	BH-D10 1P 1.6A 10kA C N	D1P-1.6C10N	414,000
1P	10	2	BH-D10 1P 2A 10kA C N	D1P-002C10N	374,000
1P	10	3	BH-D10 1P 3A 10kA C N	D1P-003C10N	374,000
1P	10	4	BH-D10 1P 4A 10kA C N	D1P-004C10N	374,000
1P	10	6	BH-D10 1P 6A 10kA C N	D1P-006C10N	310,000
1P	10	10	BH-D10 1P 10A 10kA C N	D1P-010C10N	226,000
1P	10	13	BH-D10 1P 13A 10kA C N	D1P-013C10N	226,000
1P	10	16	BH-D10 1P 16A 10kA C N	D1P-016C10N	226,000
1P	10	20	BH-D10 1P 20A 10kA C N	D1P-020C10N	226,000
1P	10	25	BH-D10 1P 25A 10kA C N	D1P-025C10N	263,000
1P	10	32	BH-D10 1P 32A 10kA C N	D1P-032C10N	263,000
1P	10	40	BH-D10 1P 40A 10kA C N	D1P-040C10N	300,000
1P	10	50	BH-D10 1P 50A 10kA C N	D1P-050C10N	360,000
1P	10	63	BH-D10 1P 63A 10kA C N	D1P-063C10N	401,000
2P					
2P	10	0.5	BH-D10 2P 0.5A 10kA C N	D2P-0.5C10N	899,000
2P	10	1	BH-D10 2P 1A 10kA C N	D2P-001C10N	899,000
2P	10	1.6	BH-D10 2P 1.6A 10kA C N	D2P-1.6C10N	899,000
2P	10	2	BH-D10 2P 2A 10kA C N	D2P-002C10N	855,000
2P	10	3	BH-D10 2P 3A 10kA C N	D2P-003C10N	855,000
2P	10	4	BH-D10 2P 4A 10kA C N	D2P-004C10N	855,000
2P	10	6	BH-D10 2P 6A 10kA C N	D2P-006C10N	754,000
2P	10	10	BH-D10 2P 10A 10kA C N	D2P-010C10N	562,000
2P	10	13	BH-D10 2P 13A 10kA C N	D2P-013C10N	562,000
2P	10	16	BH-D10 2P 16A 10kA C N	D2P-016C10N	562,000
2P	10	20	BH-D10 2P 20A 10kA C N	D2P-020C10N	562,000
2P	10	25	BH-D10 2P 25A 10kA C N	D2P-025C10N	620,000
2P	10	32	BH-D10 2P 32A 10kA C N	D2P-032C10N	620,000
2P	10	40	BH-D10 2P 40A 10kA C N	D2P-040C10N	727,000
2P	10	50	BH-D10 2P 50A 10kA C N	D2P-050C10N	818,000
2P	10	63	BH-D10 2P 63A 10kA C N	D2P-063C10N	859,000

- Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi
- *For Type B/D please contact us*

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG-DÒNG BH-D
MCB BH-D SERIES

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng định mức đến 63A
- Điện áp làm việc 230/400VAC

- *Made in China*
- *Rated current up to 63A*
- *Working voltage 230/400VAC*

	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
3P					
3P	10	0.5	BH-D10 3P 0.5A 10kA C N	D3P-0.5C10N	1,384,000
3P	10	1	BH-D10 3P 1A 10kA C N	D3P-001C10N	1,384,000
3P	10	1.6	BH-D10 3P 1.6A 10kA C N	D3P-1.6C10N	1,384,000
3P	10	2	BH-D10 3P 2A 10kA C N	D3P-002C10N	1,306,000
3P	10	3	BH-D10 3P 3A 10kA C N	D3P-003C10N	1,306,000
3P	10	4	BH-D10 3P 4A 10kA C N	D3P-004C10N	1,306,000
3P	10	6	BH-D10 3P 6A 10kA C N	D3P-006C10N	1,101,000
3P	10	10	BH-D10 3P 10A 10kA C N	D3P-010C10N	899,000
3P	10	13	BH-D10 3P 13A 10kA C N	D3P-013C10N	899,000
3P	10	16	BH-D10 3P 16A 10kA C N	D3P-016C10N	899,000
3P	10	20	BH-D10 3P 20A 10kA C N	D3P-020C10N	899,000
3P	10	25	BH-D10 3P 25A 10kA C N	D3P-025C10N	980,000
3P	10	32	BH-D10 3P 32A 10kA C N	D3P-032C10N	980,000
3P	10	40	BH-D10 3P 40A 10kA C N	D3P-040C10N	1,094,000
3P	10	50	BH-D10 3P 50A 10kA C N	D3P-050C10N	1,253,000
3P	10	63	BH-D10 3P 63A 10kA C N	D3P-063C10N	1,327,000
4P					
4P	10	0.5	BH-D10 4P 0.5A 10kA C N	D4P-0.5C10N	1,832,000
4P	10	1	BH-D10 4P 1A 10kA C N	D4P-001C10N	1,832,000
4P	10	1.6	BH-D10 4P 1.6A 10kA C N	D4P-1.6C10N	1,832,000
4P	10	2	BH-D10 4P 2A 10kA C N	D4P-002C10N	1,714,000
4P	10	3	BH-D10 4P 3A 10kA C N	D4P-003C10N	1,714,000
4P	10	4	BH-D10 4P 4A 10kA C N	D4P-004C10N	1,714,000
4P	10	6	BH-D10 4P 6A 10kA C N	D4P-006C10N	1,465,000
4P	10	10	BH-D10 4P 10A 10kA C N	D4P-010C10N	1,182,000
4P	10	13	BH-D10 4P 13A 10kA C N	D4P-013C10N	1,182,000
4P	10	16	BH-D10 4P 16A 10kA C N	D4P-016C10N	1,182,000
4P	10	20	BH-D10 4P 20A 10kA C N	D4P-020C10N	1,182,000
4P	10	25	BH-D10 4P 25A 10kA C N	D4P-025C10N	1,306,000
4P	10	32	BH-D10 4P 32A 10kA C N	D4P-032C10N	1,306,000
4P	10	40	BH-D10 4P 40A 10kA C N	D4P-040C10N	1,444,000
4P	10	50	BH-D10 4P 50A 10kA C N	D4P-050C10N	1,640,000
4P	10	63	BH-D10 4P 63A 10kA C N	D4P-063C10N	1,758,000
1P+N					
1P+N	4.5	6	BH-DN 1PN 6A 4.5kA C	DN006CN	576,000
1P+N	4.5	10	BH-DN 1PN 10A 4.5kA C	DN010CN	519,000
1P+N	4.5	16	BH-DN 1PN 16A 4.5kA C	DN016CN	519,000
1P+N	4.5	20	BH-DN 1PN 20A 4.5kA C	DN020CN	519,000

- Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi
- *For Type B/D please contact us*

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG MỘT CHIỀU-DÒNG BH-D
MCB BH-D SERIES (FOR DC TYPE)

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng định mức đến 63A
- Điện áp làm việc 125/250VDC

- *Made in China*
- *Rated current up to 63A*
- *Working voltage 125/250VDC*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
1P					
1P	10	1	BH-D10 1P 0.5A 10kA C DC	D1P-0.5C10DN	542,000
1P	10	1	BH-D10 1P 1A 10kA C DC	D1P-001C10DN	542,000
1P	10	1.6	BH-D10 1P 1.6A 10kA C DC	D1P-1.6C10DN	542,000
1P	10	2	BH-D10 1P 2A 10kA C DC	D1P-002C10DN	488,000
1P	10	3	BH-D10 1P 3A 10kA C DC	D1P-003C10DN	488,000
1P	10	4	BH-D10 1P 4A 10kA C DC	D1P-004C10DN	488,000
1P	10	6	BH-D10 1P 6A 10kA C DC	D1P-006C10DN	404,000
1P	10	10	BH-D10 1P 10A 10kA C DC	D1P-010C10DN	293,000
1P	10	13	BH-D10 1P 13A 10kA C DC	D1P-013C10DN	293,000
1P	10	16	BH-D10 1P 16A 10kA C DC	D1P-016C10DN	293,000
1P	10	20	BH-D10 1P 20A 10kA C DC	D1P-020C10DN	293,000
1P	10	25	BH-D10 1P 25A 10kA C DC	D1P-025C10DN	337,000
1P	10	32	BH-D10 1P 32A 10kA C DC	D1P-032C10DN	337,000
1P	10	40	BH-D10 1P 40A 10kA C DC	D1P-040C10DN	384,000
1P	10	50	BH-D10 1P 50A 10kA C DC	D1P-050C10DN	465,000
1P	10	63	BH-D10 1P 63A 10kA C DC	D1P-063C10DN	515,000
2P					
2P	10	0.5	BH-D10 2P 0.5A 10kA C DC	D2P-0.5C10DN	1,168,000
2P	10	1	BH-D10 2P 1A 10kA C DC	D2P-001C10DN	1,168,000
2P	10	1.6	BH-D10 2P 1.6A 10kA C DC	D2P-1.6C10DN	1,168,000
2P	10	2	BH-D10 2P 2A 10kA C DC	D2P-002C10DN	1,111,000
2P	10	3	BH-D10 2P 3A 10kA C DC	D2P-003C10DN	1,111,000
2P	10	4	BH-D10 2P 4A 10kA C DC	D2P-004C10DN	1,111,000
2P	10	6	BH-D10 2P 6A 10kA C DC	D2P-006C10DN	973,000
2P	10	10	BH-D10 2P 10A 10kA C DC	D2P-010C10DN	731,000
2P	10	13	BH-D10 2P 13A 10kA C DC	D2P-013C10DN	731,000
2P	10	16	BH-D10 2P 16A 10kA C DC	D2P-016C10DN	731,000
2P	10	20	BH-D10 2P 20A 10kA C DC	D2P-020C10DN	731,000
2P	10	25	BH-D10 2P 25A 10kA C DC	D2P-025C10DN	808,000
2P	10	32	BH-D10 2P 32A 10kA C DC	D2P-032C10DN	808,000
2P	10	40	BH-D10 2P 40A 10kA C DC	D2P-040C10DN	943,000
2P	10	50	BH-D10 2P 50A 10kA C DC	D2P-050C10DN	1,064,000
2P	10	63	BH-D10 2P 63A 10kA C DC	D2P-063C10DN	1,118,000

- Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi
- *For Type B/D please contact us*

RCCB-CẦU DAO CHỐNG DÒNG RÒ DÒNG BV-D
RCCB BV-D SERIES

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng rò định mức: 30, 300mA
- Điện áp làm việc 230/400VAC

- *Made in China*
- *Rated sensitivity current: 30, 300mA*
- *Working voltage 230/400VAC*

Số cực	Dòng rò định mức (mA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Rated sensitivity current (mA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
2P					
2P	30	25	BV-D 2P 25A 30mA	BV2P25030N	2,071,000
2P	30	40	BV-D 2P 40A 30mA	BV2P40030N	2,098,000
2P	30	63	BV-D 2P 63A 30mA	BV2P63030N	2,529,000
2P	300	25	BV-D 2P 25A 300mA	BV2P25300N	2,071,000
2P	300	40	BV-D 2P 40A 300mA	BV2P40300N	2,098,000
2P	300	63	BV-D 2P 63A 300mA	BV2P63300N	2,529,000
4P					
4P	30	25	BV-D 4P 25A 30mA	BV4P25030N	3,350,000
4P	30	40	BV-D 4P 40A 30mA	BV4P40030N	3,397,000
4P	30	63	BV-D 4P 63A 30mA	BV4P63030N	4,404,000
4P	300	25	BV-D 4P 25A 300mA	BV4P25300N	3,350,000
4P	300	40	BV-D 4P 40A 300mA	BV4P40300N	3,397,000
4P	300	63	BV-D 4P 63A 300mA	BV4P63300N	4,404,000

RCBO-CẦU DAO CHỐNG DÒNG RÒ CÓ CHỨC NĂNG CHỐNG QUÁ TẢI DÒNG BV-DN
RCBO BV-DN SERIES

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng rò định mức: 30, 300mA
- Điện áp làm việc 230/400VAC

- *Made in China*
- *Rated sensitivity current: 30, 300mA*
- *Working voltage 230/400VAC*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Dòng rò 30mA *(Residual Current 30mA)*					
1P+N	4.5	6	BV-DN 1PN 6A 30mA 4.5kA	VN06C030N	1,657,000
1P+N	4.5	10	BV-DN 1PN 10A 30mA 4.5kA	VN10C030N	1,515,000
1P+N	4.5	16	BV-DN 1PN 16A 30mA 4.5kA	VN16C030N	1,515,000
1P+N	4.5	20	BV-DN 1PN 20A 30mA 4.5kA	VN20C030N	1,515,000
1P+N	4.5	25	BV-DN 1PN 25A 30mA 4.5kA	VN25C030N	1,818,000
1P+N	4.5	32	BV-DN 1PN 32A 30mA 4.5kA	VN32C030N	1,818,000
1P+N	4.5	40	BV-DN 1PN 40A 30mA 4.5kA	VN40C030N	2,088,000
Dòng rò 100mA *(Residual Current 100mA)*					
1P+N	4.5	6	BV-DN 1PN 6A 100mA 4.5kA	VN06C100N	1,657,000
1P+N	4.5	10	BV-DN 1PN 10A 100mA 4.5kA	VN10C100N	1,515,000
1P+N	4.5	16	BV-DN 1PN 16A 100mA 4.5kA	VN16C100N	1,515,000
1P+N	4.5	20	BV-DN 1PN 20A 100mA 4.5kA	VN20C100N	1,515,000
1P+N	4.5	25	BV-DN 1PN 25A 100mA 4.5kA	VN25C100N	1,818,000
1P+N	4.5	32	BV-DN 1PN 32A 100mA 4.5kA	VN32C100N	1,818,000
1P+N	4.5	40	BV-DN 1PN 40A 100mA 4.5kA	VN40C100N	2,088,000

RCBO-CẦU DAO CHỐNG DÒNG RÒ VÀ QUÁ TẢI-DÒNG BV-DN
RCBO BV-DN SERIES

- Sản xuất tại Trung Quốc
- Dòng rò định mức: 30, 100, 300mA
- Điện áp làm việc 230VAC

- *Made in China*
- *Rated sensitivity current: 30, 100, 300mA*
- *Working voltage 230VAC*

Số cực *Pole*	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA) *Breaking capacity Icu (kA)*	Dòng định mức In (A) *Rated current In (A)*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng rò 300mA *(Residual Current 300mA)*					
1P+N	4.5	6	BV-DN 1PN 6A 300mA 4.5kA	VN06C300N	1,657,000
1P+N	4.5	10	BV-DN 1PN 10A 300mA 4.5kA	VN10C300N	1,515,000
1P+N	4.5	16	BV-DN 1PN 16A 300mA 4.5kA	VN16C300N	1,515,000
1P+N	4.5	20	BV-DN 1PN 20A 300mA 4.5kA	VN20C300N	1,515,000
1P+N	4.5	25	BV-DN 1PN 25A 300mA 4.5kA	VN25C300N	1,818,000
1P+N	4.5	32	BV-DN 1PN 32A 300mA 4.5kA	VN32C300N	1,818,000
1P+N	4.5	40	BV-DN 1PN 40A 300mA 4.5kA	VN40C300N	2,088,000
Dòng rò 30mA *(Residual Current 30mA)*					
1P+N	6	3	BV-DN6 1PN 3A 30MA 6kA	VN603C030N	2,552,000
1P+N	6	6	BV-DN6 1PN 6A 30MA 6kA	VN606C030N	2,552,000
1P+N	6	10	BV-DN6 1PN 10A 30MA 6kA	VN610C030N	2,330,000
1P+N	6	16	BV-DN6 1PN 16A 30MA 6kA	VN616C030N	2,330,000
1P+N	6	20	BV-DN6 1PN 20A 30MA 6kA	VN620C030N	2,330,000
1P+N	6	25	BV-DN6 1PN 25A 30MA 6kA	VN625C030N	2,798,000
1P+N	6	32	BV-DN6 1PN 32A 30MA 6kA	VN632C030N	2,798,000
1P+N	6	40	BV-DN6 1PN 40A 30MA 6kA	VN640C030N	3,357,000
Dòng rò 100mA *(Residual Current 100mA)*					
1P+N	6	3	BV-DN6 1PN 3A 100MA 6kA	VN603C100N	2,552,000
1P+N	6	6	BV-DN6 1PN 6A 100MA 6kA	VN606C100N	2,552,000
1P+N	6	10	BV-DN6 1PN 10A 100MA 6kA	VN610C100N	2,330,000
1P+N	6	16	BV-DN6 1PN 16A 100MA 6kA	VN616C100N	2,330,000
1P+N	6	20	BV-DN6 1PN 20A 100MA 6kA	VN620C100N	2,330,000
1P+N	6	25	BV-DN6 1PN 25A 100MA 6kA	VN625C100N	2,798,000
1P+N	6	32	BV-DN6 1PN 32A 100MA 6kA	VN632C100N	2,798,000
1P+N	6	40	BV-DN6 1PN 40A 100MA 6kA	VN640C100N	3,357,000
Dòng rò 300mA *(Residual Current 300mA)*					
1P+N	6	3	BV-DN6 1PN 3A 300MA 6kA	VN603C300N	2,552,000
1P+N	6	6	BV-DN6 1PN 6A 300MA 6kA	VN606C300N	2,552,000
1P+N	6	10	BV-DN6 1PN 10A 300MA 6kA	VN610C300N	2,330,000
1P+N	6	16	BV-DN6 1PN 16A 300MA 6kA	VN616C300N	2,330,000
1P+N	6	20	BV-DN6 1PN 20A 300MA 6kA	VN620C300N	2,330,000
1P+N	6	25	BV-DN6 1PN 25A 300MA 6kA	VN625C300N	2,798,000
1P+N	6	32	BV-DN6 1PN 32A 300MA 6kA	VN632C300N	2,798,000
1P+N	6	40	BV-DN6 1PN 40A 300MA 6kA	VN640C300N	3,357,000

- **Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi**
- ***For Type B/D please contact us***

PHỤ KIỆN DÙNG CHO MCB
ACCESSORIES FOR MCB

Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Tiếp điểm phụ AX *(Auxiliary switch)*			
230-400VAC	AX-05DLS	DFS-AXN	956,000
Tiếp điểm cảnh báo AL *(Alarm switch)*			
230-400VAC	AL-05DLS	DFS-ALN	1,131,000
Kết hợp AX+AX			
230-400VAC	AX2-05DLS	DFS-2AXN	2,007,000
Kết hợp AL+AX			
230-400VAC	ALAX-05DLS	DFS-ALAXN	2,192,000
Cuộn cắt SHT *(Shunt trip)*			
110-400VAC	SHTA400-05DLS	DST-AC400N	2,670,000
24-48VDC	SHTD048-05DLS	DST-DC048N	2,670,000

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG-DÒNG BHW-T
MCB BHW-T SERIES

- Sản xuất tại Ấn Độ
- Dòng định mức tới 100A
- Điện áp làm việc 240/415VAC

- *Made in India*
- *Rated current up to 100A*
- *Working voltage 240/415VAC*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
1P					
1P	4.5	3	BHW-T4 1P C3 4.5kA	BHW-T4 1P C3	141,000
1P	4.5	4	BHW-T4 1P C4 4.5kA	BHW-T4 1P C4	141,000
1P	4.5	6	BHW-T4 1P C6 4.5kA	BHW-T4 1P C6	131,000
1P	4.5	10	BHW-T4 1P C10 4.5kA	BHW-T4 1P C10	131,000
1P	4.5	16	BHW-T4 1P C16 4.5kA	BHW-T4 1P C16	131,000
1P	4.5	20	BHW-T4 1P C20 4.5kA	BHW-T4 1P C20	131,000
1P	4.5	25	BHW-T4 1P C25 4.5kA	BHW-T4 1P C25	131,000
1P	4.5	32	BHW-T4 1P C32 4.5kA	BHW-T4 1P C32	131,000
1P	4.5	40	BHW-T4 1P C40 4.5kA	BHW-T4 1P C40	178,000
1P	4.5	50	BHW-T4 1P C50 4.5kA	BHW-T4 1P C50	178,000
1P	4.5	63	BHW-T4 1P C63 4.5kA	BHW-T4 1P C63	178,000
1P+N					
1P+N	4.5	3	BHW-T4 1PN C3 4.5kA	BHW-T4 1PN C3	350,000
1P+N	4.5	4	BHW-T4 1PN C4 4.5kA	BHW-T4 1PN C4	350,000
1P+N	4.5	6	BHW-T4 1PN C6 4.5kA	BHW-T4 1PN C6	310,000
1P+N	4.5	10	BHW-T4 1PN C10 4.5kA	BHW-T4 1PN C10	310,000
1P+N	4.5	16	BHW-T4 1PN C16 4.5kA	BHW-T4 1PN C16	310,000
1P+N	4.5	20	BHW-T4 1PN C20 4.5kA	BHW-T4 1PN C20	310,000
1P+N	4.5	25	BHW-T4 1PN C25 4.5kA	BHW-T4 1PN C25	310,000
1P+N	4.5	32	BHW-T4 1PN C32 4.5kA	BHW-T4 1PN C32	310,000
1P+N	4.5	40	BHW-T4 1PN C40 4.5kA	BHW-T4 1PN C40	397,000
1P+N	4.5	50	BHW-T4 1PN C50 4.5kA	BHW-T4 1PN C50	397,000
1P+N	4.5	63	BHW-T4 1PN C63 4.5kA	BHW-T4 1PN C63	397,000
2P					
2P	4.5	3	BHW-T4 2P C3 4.5kA	BHW-T4 2P C3	350,000
2P	4.5	4	BHW-T4 2P C4 4.5kA	BHW-T4 2P C4	350,000
2P	4.5	6	BHW-T4 2P C6 4.5kA	BHW-T4 2P C6	310,000
2P	4.5	10	BHW-T4 2P C10 4.5kA	BHW-T4 2P C10	310,000
2P	4.5	16	BHW-T4 2P C16 4.5kA	BHW-T4 2P C16	310,000
2P	4.5	20	BHW-T4 2P C20 4.5kA	BHW-T4 2P C20	310,000
2P	4.5	25	BHW-T4 2P C25 4.5kA	BHW-T4 2P C25	310,000
2P	4.5	32	BHW-T4 2P C32 4.5kA	BHW-T4 2P C32	310,000
2P	4.5	40	BHW-T4 2P C40 4.5kA	BHW-T4 2P C40	397,000
2P	4.5	50	BHW-T4 2P C50 4.5kA	BHW-T4 2P C50	397,000
2P	4.5	63	BHW-T4 2P C63 4.5kA	BHW-T4 2P C63	397,000
3P					
3P	4.5	6	BHW-T4 3P C6 4.5kA	BHW-T4 3P C6	461,000
3P	4.5	10	BHW-T4 3P C10 4.5kA	BHW-T4 3P C10	461,000
3P	4.5	16	BHW-T4 3P C16 4.5kA	BHW-T4 3P C16	461,000
3P	4.5	20	BHW-T4 3P C20 4.5kA	BHW-T4 3P C20	461,000
3P	4.5	25	BHW-T4 3P C25 4.5kA	BHW-T4 3P C25	461,000

- Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi
- *For Type B/D please contact us*

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DÒNG BHW-T
MCB BHW-T SERIES

- Sản xuất tại Ấn Độ
- Dòng định mức tới 100A
- Điện áp làm việc 240/415VAC

- *Made in India*
- *Rated current up to 100A*
- *Working voltage 240/415VAC*

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
3P	4.5	32	BHW-T4 3P C32 4.5kA	BHW-T4 3P C32	461,000
3P	4.5	40	BHW-T4 3P C40 4.5kA	BHW-T4 3P C40	582,000
3P	4.5	50	BHW-T4 3P C50 4.5kA	BHW-T4 3P C50	582,000
3P	4.5	63	BHW-T4 3P C63 4.5kA	BHW-T4 3P C63	582,000
4P					
4P	4.5	6	BHW-T4 4P C6 4.5kA	BHW-T4 4P C6	606,000
4P	4.5	10	BHW-T4 4P C10 4.5kA	BHW-T4 4P C10	606,000
4P	4.5	16	BHW-T4 4P C16 4.5kA	BHW-T4 4P C16	606,000
4P	4.5	20	BHW-T4 4P C20 4.5kA	BHW-T4 4P C20	606,000
4P	4.5	25	BHW-T4 4P C25 4.5kA	BHW-T4 4P C25	606,000
4P	4.5	32	BHW-T4 4P C32 4.5kA	BHW-T4 4P C32	606,000
4P	4.5	40	BHW-T4 4P C40 4.5kA	BHW-T4 4P C40	771,000
4P	4.5	50	BHW-T4 4P C50 4.5kA	BHW-T4 4P C50	771,000
4P	4.5	63	BHW-T4 4P C63 4.5kA	BHW-T4 4P C63	771,000
1P					
1P	10	3	BHW-T10 1P C3 F 10kA	BHW-T10 1P C3 F	192,000
1P	10	4	BHW-T10 1P C4 F 10kA	BHW-T10 1P C4 F	192,000
1P	10	6	BHW-T10 1P C6 F 10kA	BHW-T10 1P C6 F	178,000
1P	10	10	BHW-T10 1P C10 F 10kA	BHW-T10 1P C10 F	145,000
1P	10	16	BHW-T10 1P C16 F 10kA	BHW-T10 1P C16 F	138,000
1P	10	20	BHW-T10 1P C20 F 10kA	BHW-T10 1P C20 F	138,000
1P	10	25	BHW-T10 1P C25 F 10kA	BHW-T10 1P C25 F	162,000
1P	10	32	BHW-T10 1P C32 F 10kA	BHW-T10 1P C32 F	162,000
1P	10	40	BHW-T10 1P C40 F 10kA	BHW-T10 1P C40 F	192,000
1P	10	50	BHW-T10 1P C50 F 10kA	BHW-T10 1P C50 F	239,000
1P	10	63	BHW-T10 1P C63 F 10kA	BHW-T10 1P C63 F	256,000
1P	10	80	BHW-T10 1P C80 F 10kA	BHW-T10 1P C80 F	828,000
1P	10	100	BHW-T10 1P C100 F 10kA	BHW-T10 1P C100 F	852,000
1P	10	125	BHW-T10 1P C125 F 10kA	BHW-T10 1P C125 F	872,000
1P+N					
1P+N	10	3	BHW-T10 1PN C3 F 10kA	BHW-T10 1PN C3 F	458,000
1P+N	10	4	BHW-T10 1PN C4 F 10kA	BHW-T10 1PN C4 F	458,000
1P+N	10	6	BHW-T10 1PN C6 F 10kA	BHW-T10 1PN C6 F	414,000
1P+N	10	10	BHW-T10 1PN C10 F 10kA	BHW-T10 1PN C10 F	330,000
1P+N	10	16	BHW-T10 1PN C16 F 10kA	BHW-T10 1PN C16 F	330,000
1P+N	10	20	BHW-T10 1PN C20 F 10kA	BHW-T10 1PN C20 F	330,000
1P+N	10	25	BHW-T10 1PN C25 F 10kA	BHW-T10 1PN C25 F	367,000
1P+N	10	32	BHW-T10 1PN C32 F 10kA	BHW-T10 1PN C32 F	367,000
1P+N	10	40	BHW-T10 1PN C40 F 10kA	BHW-T10 1PN C40 F	448,000
1P+N	10	50	BHW-T10 1PN C50 F 10kA	BHW-T10 1PN C50 F	535,000
1P+N	10	63	BHW-T10 1PN C63 F 10kA	BHW-T10 1PN C63 F	535,000

- Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi
- *For Type B/D please contact us*

MCB-CẦU DAO TỰ ĐỘNG DÒNG BHW-T
MCB BHW-T SERIES

- **Sản xuất tại Ấn Độ**
- **Dòng định mức tới 100A**
- **Điện áp làm việc 240/415VAC**

- ***Made in India***
- ***Rated current up to 100A***
- ***Working voltage 240/415VAC***

Số cực	Dòng cắt ngắn mạch Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Breaking capacity Icu (kA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
2P					
2P	10	3	BHW-T10 2P C3 F 10kA	BHW-T10 2P C3 F	468,000
2P	10	4	BHW-T10 2P C4 F 10kA	BHW-T10 2P C4 F	468,000
2P	10	6	BHW-T10 2P C6 F 10kA	BHW-T10 2P C6 F	411,000
2P	10	10	BHW-T10 2P C10 F 10kA	BHW-T10 2P C10 F	347,000
2P	10	16	BHW-T10 2P C16 F 10kA	BHW-T10 2P C16 F	347,000
2P	10	20	BHW-T10 2P C20 F 10kA	BHW-T10 2P C20 F	347,000
2P	10	25	BHW-T10 2P C25 F 10kA	BHW-T10 2P C25 F	377,000
2P	10	32	BHW-T10 2P C32 F 10kA	BHW-T10 2P C32 F	377,000
2P	10	40	BHW-T10 2P C40 F 10kA	BHW-T10 2P C40 F	414,000
2P	10	50	BHW-T10 2P C50 F 10kA	BHW-T10 2P C50 F	535,000
2P	10	63	BHW-T10 2P C63 F 10kA	BHW-T10 2P C63 F	535,000
2P	10	80	BHW-T10 2P C80 F 10kA	BHW-T10 2P C80 F	1,724,000
2P	10	100	BHW-T10 2P C100 F 10kA	BHW-T10 2P C100 F	1,771,000
2P	10	125	BHW-T10 2P C125 F 10kA	BHW-T10 2P C125 F	1,815,000
3P					
3P	10	6	BHW-T10 3P C6 F 10kA	BHW-T10 3P C6 F	673,000
3P	10	10	BHW-T10 3P C10 F 10kA	BHW-T10 3P C10 F	589,000
3P	10	16	BHW-T10 3P C16 F 10kA	BHW-T10 3P C16 F	589,000
3P	10	20	BHW-T10 3P C20 F 10kA	BHW-T10 3P C20 F	589,000
3P	10	25	BHW-T10 3P C25 F 10kA	BHW-T10 3P C25 F	640,000
3P	10	32	BHW-T10 3P C32 F 10kA	BHW-T10 3P C32 F	640,000
3P	10	40	BHW-T10 3P C40 F 10kA	BHW-T10 3P C40 F	741,000
3P	10	50	BHW-T10 3P C50 F 10kA	BHW-T10 3P C50 F	825,000
3P	10	63	BHW-T10 3P C63 F 10kA	BHW-T10 3P C63 F	879,000
3P	10	80	BHW-T10 3P C80 F 10kA	BHW-T10 3P C80 F	2,552,000
3P	10	100	BHW-T10 3P C100 F 10kA	BHW-T10 3P C100 F	2,620,000
3P	10	125	BHW-T10 3P C125 F 10kA	BHW-T10 3P C125 F	2,687,000
4P					
4P	10	6	BHW-T10 4P C6 F 10kA	BHW-T10 4P C6 F	879,000
4P	10	10	BHW-T10 4P C10 F 10kA	BHW-T10 4P C10 F	774,000
4P	10	16	BHW-T10 4P C16 F 10kA	BHW-T10 4P C16 F	774,000
4P	10	20	BHW-T10 4P C20 F 10kA	BHW-T10 4P C20 F	774,000
4P	10	25	BHW-T10 4P C25 F 10kA	BHW-T10 4P C25 F	855,000
4P	10	32	BHW-T10 4P C32 F 10kA	BHW-T10 4P C32 F	855,000
4P	10	40	BHW-T10 4P C40 F 10kA	BHW-T10 4P C40 F	1,034,000
4P	10	50	BHW-T10 4P C50 F 10kA	BHW-T10 4P C50 F	1,168,000
4P	10	63	BHW-T10 4P C63 F 10kA	BHW-T10 4P C63 F	1,168,000
4P	10	80	BHW-T10 4P C80 F 10kA	BHW-T10 4P C80 F	3,377,000
4P	10	100	BHW-T10 4P C100 F 10kA	BHW-T10 4P C100 F	3,468,000
4P	10	125	BHW-T10 4P C125 F 10kA	BHW-T10 4P C125 F	3,559,000

- **Loại B/D vui lòng liên hệ chúng tôi**
- ***For Type B/D please contact us***

RCCB-CẦU DAO CHỐNG DÒNG RÒ DÒNG BVW-T
RCCB BVW-T SERIES

- **Sản xuất tại Ấn Độ**
- **Dòng định mức tới 100A**
- **Điện áp làm việc 240/415VAC**

- ***Made in India***
- ***Rated current up to 100A***
- ***Working voltage 240/415VAC***

Số cực	Dòng rò định mức (mA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Rated sensitivity current (mA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
2P					
2P	30	16	BVW-T 2P 16A 30mA	BVW-T 2P 16A 30mA	1,471,000
2P	30	25	BVW-T 2P 25A 30mA	BVW-T 2P 25A 30mA	1,471,000
2P	30	32	BVW-T 2P 32A 30mA	BVW-T 2P 32A 30mA	1,471,000
2P	30	40	BVW-T 2P 40A 30mA	BVW-T 2P 40A 30mA	1,650,000
2P	30	63	BVW-T 2P 63A 30mA	BVW-T 2P 63A 30mA	1,650,000
2P	30	80	BVW-T 2P 80A 30mA	BVW-T 2P 80A 30mA	2,242,000
2P	30	100	BVW-T 2P 100A 30mA	BVW-T 2P 100A 30mA	2,269,000
2P	100	16	BVW-T 2P 16A 100mA	BVW-T 2P 16A 100mA	1,471,000
2P	100	25	BVW-T 2P 25A 100mA	BVW-T 2P 25A 100mA	1,471,000
2P	100	32	BVW-T 2P 32A 100mA	BVW-T 2P 32A 100mA	1,471,000
2P	100	40	BVW-T 2P 40A 100mA	BVW-T 2P 40A 100mA	1,650,000
2P	100	63	BVW-T 2P 63A 100mA	BVW-T 2P 63A 100mA	1,650,000
2P	100	80	BVW-T 2P 80A 100mA	BVW-T 2P 80A 100mA	2,242,000
2P	100	100	BVW-T 2P 100A 100mA	BVW-T 2P 100A 100mA	2,269,000
2P	300	16	BVW-T 2P 16A 300mA	BVW-T 2P 16A 300mA	1,471,000
2P	300	25	BVW-T 2P 25A 300mA	BVW-T 2P 25A 300mA	1,471,000
2P	300	32	BVW-T 2P 32A 300mA	BVW-T 2P 32A 300mA	1,471,000
2P	300	40	BVW-T 2P 40A 300mA	BVW-T 2P 40A 300mA	1,650,000
2P	300	63	BVW-T 2P 63A 300mA	BVW-T 2P 63A 300mA	1,650,000
2P	300	80	BVW-T 2P 80A 300mA	BVW-T 2P 80A 300mA	2,242,000
2P	300	100	BVW-T 2P 100A 300mA	BVW-T 2P 100A 300mA	2,269,000
4P					
4P	30	5	BVW-T 4P 5A 30mA	BVW-T 4P 5A 30mA	2,088,000
4P	30	6	BVW-T 4P 6A 30mA	BVW-T 4P 6A 30mA	2,088,000
4P	30	10	BVW-T 4P 10A 30mA	BVW-T 4P 10A 30mA	2,088,000
4P	30	16	BVW-T 4P 16A 30mA	BVW-T 4P 16A 30mA	2,088,000
4P	30	25	BVW-T 4P 25A 30mA	BVW-T 4P 25A 30mA	2,088,000
4P	30	32	BVW-T 4P 32A 30mA	BVW-T 4P 32A 30mA	2,088,000
4P	30	40	BVW-T 4P 40A 30mA	BVW-T 4P 40A 30mA	2,118,000
4P	30	50	BVW-T 4P 50A 30mA	BVW-T 4P 50A 30mA	2,118,000
4P	30	63	BVW-T 4P 63A 30mA	BVW-T 4P 63A 30mA	2,118,000
4P	30	80	BVW-T 4P 80A 30mA	BVW-T 4P 80A 30mA	3,061,000
4P	30	100	BVW-T 4P 100A 30mA	BVW-T 4P 100A 30mA	3,131,000
4P	100	5	BVW-T 4P 5A 100mA	BVW-T 4P 5A 100mA	2,088,000
4P	100	6	BVW-T 4P 6A 100mA	BVW-T 4P 6A 100mA	2,088,000
4P	100	10	BVW-T 4P 10A 100mA	BVW-T 4P 10A 100mA	2,088,000
4P	100	16	BVW-T 4P 16A 100mA	BVW-T 4P 16A 100mA	2,088,000
4P	100	20	BVW-T 4P 20A 100mA	BVW-T 4P 20A 100mA	2,088,000
4P	100	25	BVW-T 4P 25A 100mA	BVW-T 4P 25A 100mA	2,088,000
4P	100	32	BVW-T 4P 32A 100mA	BVW-T 4P 32A 100mA	2,088,000
4P	100	40	BVW-T 4P 40A 100mA	BVW-T 4P 40A 100mA	2,118,000
4P	100	50	BVW-T 4P 50A 100mA	BVW-T 4P 50A 100mA	2,118,000

RCCB-CẦU DAO CHỐNG DÒNG RÒ DÒNG BVW-T
RCCB BVW-T SERIES

- Sản xuất tại Ấn Độ
- Dòng định mức tới 100A
- Điện áp làm việc 240/415VAC

- *Made in India*
- *Rated current up to 100A*
- *Working voltage 240/415VAC*

Số cực	Dòng rò định mức (mA)	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Rated sensitivity current (mA)*	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
4P					
4P	100	63	BVW-T 4P 63A 100mA	BVW-T 4P 63A 100mA	2,118,000
4P	100	80	BVW-T 4P 80A 100mA	BVW-T 4P 80A 100mA	3,061,000
4P	100	100	BVW-T 4P 100A 100mA	BVW-T 4P 100A 100mA	3,131,000
4P	300	5	BVW-T 4P 5A 300mA	BVW-T 4P 5A 300mA	2,088,000
4P	300	6	BVW-T 4P 6A 300mA	BVW-T 4P 6A 300mA	2,088,000
4P	300	10	BVW-T 4P 10A 300mA	BVW-T 4P 10A 300mA	2,088,000
4P	300	16	BVW-T 4P 16A 300mA	BVW-T 4P 16A 300mA	2,088,000
4P	300	20	BVW-T 4P 20A 300mA	BVW-T 4P 20A 300mA	2,088,000
4P	300	25	BVW-T 4P 25A 300mA	BVW-T 4P 25A 300mA	2,088,000
4P	300	32	BVW-T 4P 32A 300mA	BVW-T 4P 32A 300mA	2,088,000
4P	300	40	BVW-T 4P 40A 300mA	BVW-T 4P 40A 300mA	2,118,000
4P	300	50	BVW-T 4P 50A 300mA	BVW-T 4P 50A 300mA	2,118,000
4P	300	63	BVW-T 4P 63A 300mA	BVW-T 4P 63A 300mA	2,118,000
4P	300	80	BVW-T 4P 80A 300mA	BVW-T 4P 80A 300mA	3,061,000
4P	300	100	BVW-T 4P 100A 300mA	BVW-T 4P 100A 300mA	3,131,000

PHỤ KIỆN DÙNG CHO MCB (80A ĐẾN 125A)
ACCESSORIES FOR MCB (80A TO 125A)

Thông số kỹ thuật	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Specification	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
Tiếp điểm phụ AX *(Auxiliary switch)*			
230-400VAC	AX-1BHW	AX-1BHW	283000
Tiếp điểm cảnh báo AL *(Alarm switch)*			
230-400VAC	AL-1BHW	AL-1BHW	283000
Cuộn cắt SHT *(Shunt trip)*			
240VAC	SHTA240-1BHW	SHTA240-1BHW	303000
12VDC	SHTD012-1BHW	SHTD012-1BHW	303000
24VDC	SHTD024-1BHW	SHTD024-1BHW	303000
48VDC	SHTD048-1BHW	SHTD048-1BHW	303000

* Đối với MCB tới 63A phụ kiện sẽ được nhà máy lắp đặt nếu đặt hàng và sẽ không có tiếp điểm cảnh báo AL

** Low rating MCB up to 63A that factory fitted only and we do not have AL for low rating MCB*

THIẾT BỊ BẢO VỆ MẠCH-DÒNG CP-BA
CIRCUIT PROTECTORS CP-BA SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dòng định mức tới 30A
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch 2.5kA
- Đặc tính cắt: trung bình (Medium speed type)

- *Made in Japan*
- *Rated current up to 30A*
- *Breaking capacity up to 2.5kA*
- *Mode of tripping: Medium speed type*

Số cực	Kiểu mạch và Đặc tính cắt*	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Internal circuit and Mode of tripping**	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
1P					
1P	1-M	0.1	CP30-BA 1P 1-M 0.1A A	14J001A000001	697,000
1P	1-M	0.25	CP30-BA 1P 1-M 0.25A A	14J002A000002	697,000
1P	1-M	0.3	CP30-BA 1P 1-M 0.3A A	14J003A000003	697,000
1P	1-M	0.5	CP30-BA 1P 1-M 0.5A A	14J004A000004	697,000
1P	1-M	1	CP30-BA 1P 1-M 1A A	14J005A000005	697,000
1P	1-M	2	CP30-BA 1P 1-M 2A A	14J006A000006	697,000
1P	1-M	3	CP30-BA 1P 1-M 3A A	14J007A000007	697,000
1P	1-M	5	CP30-BA 1P 1-M 5A A	14J008A000008	697,000
1P	1-M	7	CP30-BA 1P 1-M 7A A	14J009A000009	697,000
1P	1-M	10	CP30-BA 1P 1-M 10A A	14J010A00000B	697,000
1P	1-M	15	CP30-BA 1P 1-M 15A A	14J011A00000D	697,000
1P	1-M	20	CP30-BA 1P 1-M 20A A	14J012A00000E	697,000
1P	1-M	30	CP30-BA 1P 1-M 30A A	14J013A00000F	697,000
2P					
2P	1-M	0.1	CP30-BA 2P 1-M 0.1A A	14J301A00002P	1,545,000
2P	1-M	0.25	CP30-BA 2P 1-M 0.25A A	14J302A00002Q	1,545,000
2P	1-M	0.3	CP30-BA 2P 1-M 0.3A A	14J303A00002R	1,498,000
2P	1-M	0.5	CP30-BA 2P 1-M 0.5A A	14J304A00002S	1,545,000
2P	1-M	1	CP30-BA 2P 1-M 1A A	14J305A00002T	1,545,000
2P	1-M	2	CP30-BA 2P 1-M 2A A	14J306A00002V	1,545,000
2P	1-M	3	CP30-BA 2P 1-M 3A A	14J307A00002Y	1,545,000
2P	1-M	5	CP30-BA 2P 1-M 5A A	14J308A000030	1,545,000
2P	1-M	7	CP30-BA 2P 1-M 7A A	14J309A000032	1,545,000
2P	1-M	10	CP30-BA 2P 1-M 10A A	14J310A000035	1,545,000
2P	1-M	15	CP30-BA 2P 1-M 15A A	14J311A000037	1,545,000
2P	1-M	20	CP30-BA 2P 1-M 20A A	14J312A000039	1,545,000
2P	1-M	30	CP30-BA 2P 1-M 30A A	14J313A00003A	1,545,000
3P					
3P	1-M	0.1	CP30-BA 3P 1-M 0.1A A	14J601A0000MK	2,613,000
3P	1-M	0.25	CP30-BA 3P 1-M 0.25A A	14J602A0000ML	2,613,000
3P	1-M	0.3	CP30-BA 3P 1-M 0.3A A	14J603A00005U	2,613,000

**Note: 1-M: Inline type with mode of tripping M type*
2-M, 21-M: Inline type with auxiliary switch with mode of tripping M type
9-M, 91-M: Inline type with alarm switch with mode of tripping M type

THIẾT BỊ BẢO VỆ MẠCH DÒNG CP-BA
CIRCUIT PROTECTORS CP-BA SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dòng định mức tới 30A
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch 2.5kA
- Đặc tính cắt: trung bình
(Medium speed type)

- *Made in Japan*
- *Rated current up to 30A*
- *Breaking capacity up to 2.5kA*
- *Mode of tripping:*
Medium speed type

Số cực	Kiểu mạch và Đặc tính cắt*	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Internal circuit and Mode of tripping**	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
3P					
3P	1-M	0.5	CP30-BA 3P 1-M 0.5A A	14J604A00005V	2,613,000
3P	1-M	1	CP30-BA 3P 1-M 1A A	14J605A00005W	2,613,000
3P	1-M	2	CP30-BA 3P 1-M 2A A	14J606A00005X	2,613,000
3P	1-M	3	CP30-BA 3P 1-M 3A A	14J607A00005Y	2,613,000
3P	1-M	5	CP30-BA 3P 1-M 5A A	14J608A00005Z	2,613,000
3P	1-M	7	CP30-BA 3P 1-M 7A A	14J609A000060	2,613,000
3P	1-M	10	CP30-BA 3P 1-M 10A A	14J610A000061	2,613,000
3P	1-M	15	CP30-BA 3P 1-M 15A A	14J611A000062	2,613,000
3P	1-M	20	CP30-BA 3P 1-M 20A A	14J612A000063	2,613,000
3P	1-M	30	CP30-BA 3P 1-M 30A A	14J613A000064	2,613,000
1P					
1P	2-M	0.1	CP30-BA 1P 2-M 0.1A B	14J101B00001L	960,000
1P	2-M	0.25	CP30-BA 1P 2-M 0.25A B	14J102B00001M	960,000
1P	2-M	0.3	CP30-BA 1P 2-M 0.3A B	14J103B00001N	960,000
1P	2-M	0.5	CP30-BA 1P 2-M 0.5A B	14J104B00001P	960,000
1P	2-M	1	CP30-BA 1P 2-M 1A B	14J105B00001R	960,000
1P	2-M	2	CP30-BA 1P 2-M 2A B	14J106B00001S	960,000
1P	2-M	3	CP30-BA 1P 2-M 3A B	14J107B00001U	960,000
1P	2-M	5	CP30-BA 1P 2-M 5A B	14J108B00001V	960,000
1P	2-M	7	CP30-BA 1P 2-M 7A B	14J109B00001W	960,000
1P	2-M	10	CP30-BA 1P 2-M 10A B	14J110B00001X	960,000
1P	2-M	15	CP30-BA 1P 2-M 15A B	14J111B00001Y	960,000
1P	2-M	20	CP30-BA 1P 2-M 20A B	14J112B00001Z	960,000
1P	2-M	30	CP30-BA 1P 2-M 30A B	14J113B000020	960,000
1P	21-M	0.1	CP30-BA 1P 21-M 0.1A B	14J141B00008F	1,027,000
1P	21-M	0.25	CP30-BA 1P 21-M 0.25A B	14J142B00008G	1,027,000
1P	21-M	0.3	CP30-BA 1P 21-M 0.3A B	14J143B00008H	1,027,000
1P	21-M	0.5	CP30-BA 1P 21-M 0.5A B	14J144B00008J	1,027,000
1P	21-M	1	CP30-BA 1P 21-M 1A B	14J145B000025	1,027,000
1P	21-M	2	CP30-BA 1P 21-M 2A B	14J146B000027	1,027,000
1P	21-M	3	CP30-BA 1P 21-M 3A B	14J147B00002A	1,027,000

**Note: 1-M: Inline type with mode of tripping M type*
2-M, 21-M: Inline type with auxiliary switch with mode of tripping M type
9-M, 91-M: Inline type with alarm switch with mode of tripping M type

THIẾT BỊ BẢO VỆ MẠCH DÒNG CP-BA
CIRCUIT PROTECTORS CP-BA SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dòng định mức tới 30A
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch 2.5kA
- Đặc tính cắt: trung bình
(Medium speed type)

- *Made in Japan*
- *Rated current up to 30A*
- *Breaking capacity up to 2.5kA*
- *Mode of tripping:*
Medium speed type

Số cực	Kiểu mạch và Đặc tính cắt*	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Internal circuit and Mode of tripping**	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
1P					
1P	21-M	5	CP30-BA 1P 21-M 5A B	14J148B00002B	1,027,000
1P	21-M	7	CP30-BA 1P 21-M 7A B	14J149B00002C	1,027,000
1P	21-M	10	CP30-BA 1P 21-M 10A B	14J150B00002D	1,027,000
1P	21-M	15	CP30-BA 1P 21-M 15A B	14J151B00002E	1,027,000
1P	21-M	20	CP30-BA 1P 21-M 20A B	14J152B00008M	1,027,000
1P	21-M	30	CP30-BA 1P 21-M 30A B	14J153B00008N	1,027,000
2P					
2P	2-M	0.1	CP30-BA 2P 2-M 0.1A B	14J401B00004D	1,724,000
2P	2-M	0.25	CP30-BA 2P 2-M 0.25A B	14J402B0000BL	1,724,000
2P	2-M	0.3	CP30-BA 2P 2-M 0.3A B	14J403B00004E	1,724,000
2P	2-M	0.5	CP30-BA 2P 2-M 0.5A B	14J404B00004F	1,724,000
2P	2-M	1	CP30-BA 2P 2-M 1A B	14J405B00004H	1,724,000
2P	2-M	2	CP30-BA 2P 2-M 2A B	14J406B00004K	1,724,000
2P	2-M	3	CP30-BA 2P 2-M 3A B	14J407B00004M	1,724,000
2P	2-M	5	CP30-BA 2P 2-M 5A B	14J408B00004N	1,724,000
2P	2-M	7	CP30-BA 2P 2-M 7A B	14J409B00004P	1,724,000
2P	2-M	10	CP30-BA 2P 2-M 10A B	14J410B00004Q	1,724,000
2P	2-M	15	CP30-BA 2P 2-M 15A B	14J411B00004R	1,724,000
2P	2-M	20	CP30-BA 2P 2-M 20A B	14J412B00004S	1,724,000
2P	2-M	30	CP30-BA 2P 2-M 30A B	14J413B00004T	1,724,000
2P	21-M	0.1	CP30-BA 2P 21-M 0.1A B	14J441B0000C1	1,785,000
2P	21-M	0.25	CP30-BA 2P 21-M 0.25A B	14J442B0000C2	1,785,000
2P	21-M	0.3	CP30-BA 2P 21-M 0.3A B	14J443B000050	1,785,000
2P	21-M	0.5	CP30-BA 2P 21-M 0.5A B	14J444B000051	1,785,000
2P	21-M	1	CP30-BA 2P 21-M 1A B	14J445B000052	1,785,000
2P	21-M	2	CP30-BA 2P 21-M 2A B	14J446B000053	1,785,000
2P	21-M	3	CP30-BA 2P 21-M 3A B	14J447B000054	1,785,000
2P	21-M	5	CP30-BA 2P 21-M 5A B	14J448B000055	1,785,000
2P	21-M	7	CP30-BA 2P 21-M 7A B	14J449B0000C3	1,785,000
2P	21-M	10	CP30-BA 2P 21-M 10A B	14J450B00005A	1,785,000
2P	21-M	15	CP30-BA 2P 21-M 15A B	14J451B0000C4	1,785,000

**Note: 1-M: Inline type with mode of tripping M type*
2-M, 21-M: Inline type with auxiliary switch with mode of tripping M type
9-M, 91-M: Inline type with alarm switch with mode of tripping M type

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

THIẾT BỊ BẢO VỆ MẠCH DÒNG CP-BA
CIRCUIT PROTECTORS CP-BA SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dòng định mức tới 30A
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch 2.5kA
- Đặc tính cắt: trung bình
(Medium speed type)

- *Made in Japan*
- *Rated current up to 30A*
- *Breaking capacity up to 2.5kA*
- *Mode of tripping:*
Medium speed type

Số cực	Kiểu mạch và Đặc tính cắt*	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Internal circuit and Mode of tripping**	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
2P					
2P	21-M	20	CP30-BA 2P 21-M 20A B	14J452B00005D	1,785,000
2P	21-M	30	CP30-BA 2P 21-M 30A B	14J453B0000C5	1,785,000
3P					
3P	2-M	0.1	CP30-BA 3P 2-M 0.1A B	14J701B00006H	2,832,000
3P	2-M	0.25	CP30-BA 3P 2-M 0.25A B	14J702B0000EQ	2,832,000
3P	2-M	0.3	CP30-BA 3P 2-M 0.3A B	14J703B0000ER	2,832,000
3P	2-M	0.5	CP30-BA 3P 2-M 0.5A B	14J704B0000ES	2,832,000
3P	2-M	1	CP30-BA 3P 2-M 1A B	14J705B00006J	2,832,000
3P	2-M	2	CP30-BA 3P 2-M 2A B	14J706B00006K	2,832,000
3P	2-M	3	CP30-BA 3P 2-M 3A B	14J707B00006L	2,832,000
3P	2-M	5	CP30-BA 3P 2-M 5A B	14J708B00006M	2,832,000
3P	2-M	7	CP30-BA 3P 2-M 7A B	14J709B00006N	2,832,000
3P	2-M	10	CP30-BA 3P 2-M 10A B	14J710B00006P	2,832,000
3P	2-M	15	CP30-BA 3P 2-M 15A B	14J711B00006Q	2,832,000
3P	2-M	20	CP30-BA 3P 2-M 20A B	14J712B00006R	2,832,000
3P	2-M	30	CP30-BA 3P 2-M 30A B	14J713B00006S	2,832,000
3P	21-M	0.1	CP30-BA 3P 21-M 0.1A B	14J741B0000F3	2,899,000
3P	21-M	0.25	CP30-BA 3P 21-M 0.25A B	14J742B0000F4	2,899,000
3P	21-M	0.3	CP30-BA 3P 21-M 0.3A B	14J743B0000F5	2,899,000
3P	21-M	0.5	CP30-BA 3P 21-M 0.5A B	14J744B0000F6	2,899,000
3P	21-M	1	CP30-BA 3P 21-M 1A B	14J745B000070	2,899,000
3P	21-M	2	CP30-BA 3P 21-M 2A B	14J746B0000F7	2,899,000
3P	21-M	3	CP30-BA 3P 21-M 3A B	14J747B000071	2,899,000
3P	21-M	5	CP30-BA 3P 21-M 5A B	14J748B0000F8	2,899,000
3P	21-M	7	CP30-BA 3P 21-M 7A B	14J749B0000F9	2,899,000
3P	21-M	10	CP30-BA 3P 21-M 10A B	14J750B0000FA	2,899,000
3P	21-M	15	CP30-BA 3P 21-M 15A B	14J751B0000FB	2,899,000
3P	21-M	20	CP30-BA 3P 21-M 20A B	14J752B000072	2,899,000
3P	21-M	30	CP30-BA 3P 21-M 30A B	14J753B0000FC	2,899,000
1P					
1P	9-M	0.1	CP30-BA 1P 9-M 0.1A B	14J201B00009D	1,239,000

**Note: 1-M: Inline type with mode of tripping M type*
2-M, 21-M: Inline type with auxiliary switch with mode of tripping M type
9-M, 91-M: Inline type with alarm switch with mode of tripping M type

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dòng định mức tới 30A
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch 2.5kA
- Đặc tính cắt: trung bình
(Medium speed type)

- *Made in Japan*
- *Rated current up to 30A*
- *Breaking capacity up to 2.5kA*
- *Mode of tripping:*
Medium speed type

Số cực	Kiểu mạch và Đặc tính cắt*	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Internal circuit and Mode of tripping**	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
1P					
1P	9-M	0.25	CP30-BA 1P 9-M 0.25A B	14J202B00009E	1,239,000
1P	9-M	0.3	CP30-BA 1P 9-M 0.3A B	14J203B00009F	1,239,000
1P	9-M	0.5	CP30-BA 1P 9-M 0.5A B	14J204B00009G	1,239,000
1P	9-M	1	CP30-BA 1P 9-M 1A B	14J205B00002H	1,239,000
1P	9-M	2	CP30-BA 1P 9-M 2A B	14J206B00002J	1,239,000
1P	9-M	3	CP30-BA 1P 9-M 3A B	14J207B00002K	1,239,000
1P	9-M	5	CP30-BA 1P 9-M 5A B	14J208B00002L	1,239,000
1P	9-M	7	CP30-BA 1P 9-M 7A B	14J209B00002M	1,239,000
1P	9-M	10	CP30-BA 1P 9-M 10A B	14J210B00002N	1,273,000
1P	9-M	15	CP30-BA 1P 9-M 15A B	14J211B00009H	1,239,000
1P	9-M	20	CP30-BA 1P 9-M 20A B	14J212B00009J	1,239,000
1P	9-M	30	CP30-BA 1P 9-M 30A B	14J213B00009K	1,239,000
1P	91-M	0.1	CP30-BA 1P 91-M 0.1A B	14J241B00009Z	1,300,000
1P	91-M	0.25	CP30-BA 1P 91-M 0.25A B	14J242B0000A0	1,300,000
1P	91-M	0.3	CP30-BA 1P 91-M 0.3A B	14J243B0000A1	1,300,000
1P	91-M	0.5	CP30-BA 1P 91-M 0.5A B	14J244B0000A2	1,300,000
1P	91-M	1	CP30-BA 1P 91-M 1A B	14J245B0000A3	1,300,000
1P	91-M	2	CP30-BA 1P 91-M 2A B	14J246B0000A4	1,300,000
1P	91-M	3	CP30-BA 1P 91-M 3A B	14J247B0000A5	1,300,000
1P	91-M	5	CP30-BA 1P 91-M 5A B	14J248B0000A6	1,300,000
1P	91-M	7	CP30-BA 1P 91-M 7A B	14J249B0000A7	1,300,000
1P	91-M	10	CP30-BA 1P 91-M 10A B	14J250B0000A8	1,300,000
1P	91-M	15	CP30-BA 1P 91-M 15A B	14J251B0000A9	1,300,000
1P	91-M	20	CP30-BA 1P 91-M 20A B	14J252B0000AA	1,300,000
1P	91-M	30	CP30-BA 1P 91-M 30A B	14J253B0000AB	1,300,000
2P					
2P	9-M	0.1	CP30-BA 2P 9-M 0.1A B	14J501B0000CW	1,973,000
2P	9-M	0.25	CP30-BA 2P 9-M 0.25A B	14J502B0000CX	1,973,000
2P	9-M	0.3	CP30-BA 2P 9-M 0.3A B	14J503B0000CY	1,973,000
2P	9-M	0.5	CP30-BA 2P 9-M 0.5A B	14J504B0000CZ	1,973,000
2P	9-M	1	CP30-BA 2P 9-M 1A B	14J505B00005H	1,973,000

**Note: 1-M: Inline type with mode of tripping M type*
2-M, 21-M: Inline type with auxiliary switch with mode of tripping M type
9-M, 91-M: Inline type with alarm switch with mode of tripping M type

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

THIẾT BỊ BẢO VỆ MẠCH DÒNG CP-BA
CIRCUIT PROTECTORS CP-BA SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dòng định mức tới 30A
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch 2.5kA
- Đặc tính cắt: trung bình
(Medium speed type)

- *Made in Japan*
- *Rated current up to 30A*
- *Breaking capacity up to 2.5kA*
- *Mode of tripping:*
Medium speed type

Số cực	Kiểu mạch và Đặc tính cắt*	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Internal circuit and Mode of tripping**	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
2P					
2P	9-M	2	CP30-BA 2P 9-M 2A B	14J506B00005J	1,973,000
2P	9-M	3	CP30-BA 2P 9-M 3A B	14J507B00005K	1,973,000
2P	9-M	5	CP30-BA 2P 9-M 5A B	14J508B00005L	1,973,000
2P	9-M	7	CP30-BA 2P 9-M 7A B	14J509B00005M	1,973,000
2P	9-M	10	CP30-BA 2P 9-M 10A B	14J510B00005N	1,973,000
2P	9-M	15	CP30-BA 2P 9-M 15A B	14J511B00005P	1,973,000
2P	9-M	20	CP30-BA 2P 9-M 20A B	14J512B00005Q	1,973,000
2P	9-M	30	CP30-BA 2P 9-M 30A B	14J513B00005R	1,973,000
2P	91-M	0.1	CP30-BA 2P 91-M 0.1A B	14J541B0000DD	2,044,000
2P	91-M	0.25	CP30-BA 2P 91-M 0.25A B	14J542B0000DE	2,044,000
2P	91-M	0.3	CP30-BA 2P 91-M 0.3A B	14J543B0000DF	2,044,000
2P	91-M	0.5	CP30-BA 2P 91-M 0.5A B	14J544B0000DG	2,044,000
2P	91-M	1	CP30-BA 2P 91-M 1A B	14J545B0000DH	2,044,000
2P	91-M	2	CP30-BA 2P 91-M 2A B	14J546B0000DJ	2,044,000
2P	91-M	3	CP30-BA 2P 91-M 3A B	14J547B0000DK	2,044,000
2P	91-M	5	CP30-BA 2P 91-M 5A B	14J548B00005S	2,044,000
2P	91-M	7	CP30-BA 2P 91-M 7A B	14J549B0000DL	2,044,000
2P	91-M	10	CP30-BA 2P 91-M 10A B	14J550B0000DM	2,044,000
2P	91-M	15	CP30-BA 2P 91-M 15A B	14J551B00005T	2,044,000
2P	91-M	20	CP30-BA 2P 91-M 20A B	14J552B0000DN	2,044,000
2P	91-M	30	CP30-BA 2P 91-M 30A B	14J553B0000DP	2,044,000
3P					
3P	9-M	0.1	CP30-BA 3P 9-M 0.1A B	14J801B0000G5	3,104,000
3P	9-M	0.25	CP30-BA 3P 9-M 0.25A B	14J802B0000G6	3,104,000
3P	9-M	0.3	CP30-BA 3P 9-M 0.3A B	14J803B0000G7	3,104,000
3P	9-M	0.5	CP30-BA 3P 9-M 0.5A B	14J804B0000G8	3,104,000
3P	9-M	1	CP30-BA 3P 9-M 1A B	14J805B0000G9	3,104,000
3P	9-M	2	CP30-BA 3P 9-M 2A B	14J806B0000GA	3,104,000
3P	9-M	3	CP30-BA 3P 9-M 3A B	14J807B0000GB	3,104,000
3P	9-M	5	CP30-BA 3P 9-M 5A B	14J808B000073	3,104,000
3P	9-M	7	CP30-BA 3P 9-M 7A B	14J809B0000GC	3,104,000

**Note: 1-M: Inline type with mode of tripping M type*
2-M, 21-M: Inline type with auxiliary switch with mode of tripping M type
9-M, 91-M: Inline type with alarm switch with mode of tripping M type

THIẾT BỊ BẢO VỆ MẠCH DÒNG CP-BA
CIRCUIT PROTECTORS CP-BA SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dòng định mức tới 30A
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch 2.5kA
- Đặc tính cắt: trung bình
(Medium speed type)

- *Made in Japan*
- *Rated current up to 30A*
- *Breaking capacity up to 2.5kA*
- *Mode of tripping:*
Medium speed type

Số cực	Kiểu mạch và Đặc tính cắt*	Dòng định mức In (A)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Pole	*Internal circuit and Mode of tripping**	*Rated current In (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
3P					
3P	9-M	10	CP30-BA 3P 9-M 10A B	14J810B0000GD	3,104,000
3P	9-M	15	CP30-BA 3P 9-M 15A B	14J811B0000GE	3,104,000
3P	9-M	20	CP30-BA 3P 9-M 20A B	14J812B0000GF	3,104,000
3P	9-M	30	CP30-BA 3P 9-M 30A B	14J813B0000GG	3,104,000
3P	91-M	0.1	CP30-BA 3P 91-M 0.1A B	14J841B0000GW	2,909,000
3P	91-M	0.25	CP30-BA 3P 91-M 0.25A B	14J842B0000GX	2,909,000
3P	91-M	0.3	CP30-BA 3P 91-M 0.3A B	14J843B0000GY	2,909,000
3P	91-M	0.5	CP30-BA 3P 91-M 0.5A B	14J844B0000GZ	2,909,000
3P	91-M	1	CP30-BA 3P 91-M 1A B	14J845B0000H0	2,909,000
3P	91-M	2	CP30-BA 3P 91-M 2A B	14J846B0000H1	2,909,000
3P	91-M	3	CP30-BA 3P 91-M 3A B	14J847B0000H2	2,909,000
3P	91-M	5	CP30-BA 3P 91-M 5A B	14J848B0000H3	2,909,000
3P	91-M	7	CP30-BA 3P 91-M 7A B	14J849B0000H4	2,909,000
3P	91-M	10	CP30-BA 3P 91-M 10A B	14J850B0000H5	2,909,000
3P	91-M	15	CP30-BA 3P 91-M 15A B	14J851B0000H6	2,909,000
3P	91-M	20	CP30-BA 3P 91-M 20A B	14J852B0000H7	2,909,000
3P	91-M	30	CP30-BA 3P 91-M 30A B	14J853B0000H8	2,909,000

**Note: 1-M: Inline type with mode of tripping M type*
2-M, 21-M: Inline type with auxiliary switch with mode of tripping M type
9-M, 91-M: Inline type with alarm switch with mode of tripping M type

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

S-T CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-T
MAGNETIC CONTACTOR S-T SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 24VAC *(Operating voltage 24VAC)*					
4	9	1a	S-T10 AC24V 1a	SHA10-001	541,000
4	9	1b	S-T10 AC24V 1b	SHA10-005	541,000
5.5	12	1a1b	S-T12 AC24V 1a1b	SHA10-044	651,000
5.5	12	2a	S-T12 AC24V 2a	SHA10-048	651,000
5.5	12	2b	S-T12 AC24V 2b	SHA10-052	651,000
7.5	18	1a1b	S-T20 AC24V 1a1b	SHA09-764	969,000
7.5	18	2a	S-T20 AC24V 2a	SHA10-115	969,000
11	23	2a2b	S-T21 AC24V 2a2b	SHA10-172	1,106,000
15	30	2a2b	S-T25 AC24V 2a2b	SHA10-193	1,278,000
15	32		S-T32 AC24V	SHA10-214	1,153,000
18.5	40	2a2b	S-T35 AC24V 2a2b	SHA12-168	1,490,000
22	50	2a2b	S-T50 AC24V 2a2b	SHA12-173	2,988,000
30	65	2a2b	S-T65 AC24V 2a2b	SHA12-380	3,145,000
45	80	2a2b	S-T80 AC24V 2a2b	SHA12-366	4,549,000
55	100	2a2b	S-T100 AC24V 2a2b	SHA12-352	5,208,000
Điện áp điều khiển 32VAC *(Operating voltage 32VAC)*					
11	23	2a2b	S-T21 AC32V 2a2b	SHA11-952	1,082,000
Điện áp điều khiển 48VAC *(Operating voltage 48VAC)*					
4	9	1a	S-T10 AC48V 1a	SHA10-002	541,000
4	9	1b	S-T10 AC48V 1b	SHA10-006	541,000
5.5	12	1a1b	S-T12 AC48V 1a1b	SHA10-045	651,000
5.5	12	2a	S-T12 AC48V 2a	SHA10-049	651,000
5.5	12	2b	S-T12 AC48V 2b	SHA10-053	651,000
7.5	18	1a1b	S-T20 AC48V 1a1b	SHA10-112	969,000
7.5	18	2a	S-T20 AC48V 2a	SHA10-116	969,000
11	23	2a2b	S-T21 AC48V 2a2b	SHA10-173	1,106,000
15	30	2a2b	S-T25 AC48V 2a2b	SHA10-194	1,278,000
15	32		S-T32 AC48V	SHA10-215	1,153,000
18.5	40	2a2b	S-T35 AC48V 2a2b	SHA12-169	1,490,000
22	50	2a2b	S-T50 AC48V 2a2b	SHA12-174	2,988,000
30	65	2a2b	S-T65 AC48V 2a2b	SHA12-381	3,145,000
45	80	2a2b	S-T80 AC48V 2a2b	SHA12-367	4,549,000
55	100	2a2b	S-T100 AC48V 2a2b	SHA12-353	5,208,000

S-T CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-T
MAGNETIC CONTACTOR S-T SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 100VAC *(Operating voltage 100VAC)*					
4	9	1a	S-T10 AC100V 1a	SHA08-938	541,000
4	9	1b	S-T10 AC100V 1b	SHA08-939	541,000
5.5	12	1a1b	S-T12 AC100V 1a1b	SHA08-941	651,000
5.5	12	2a	S-T12 AC100V 2a	SHA08-942	651,000
5.5	12	2b	S-T12 AC100V 2b	SHA08-944	651,000
7.5	18	1a1b	S-T20 AC100V 1a1b	SHA08-947	969,000
7.5	18	2b	S-T20 AC100V 2b	SHA09-169	969,000
7.5	18	2a	S-T20 AC100V 2a	SHA10-117	969,000
11	23	2a2b	S-T21 AC100V 2a2b	SHA08-994	1,106,000
15	30	2a2b	S-T25 AC100V 2a2b	SHA08-997	1,278,000
15	32		S-T32 AC100V	SHA08-948	1,153,000
18.5	40	2a2b	S-T35 AC100V 2a2b	SHA12-111	1,490,000
22	50	2a2b	S-T50 AC100V 2a2b	SHA12-113	2,988,000
30	65	2a2b	S-T65 AC100V 2a2b	SHA12-382	3,145,000
45	80	2a2b	S-T80 AC100V 2a2b	SHA12-368	4,549,000
55	100	2a2b	S-T100 AC100V 2a2b	SHA12-354	5,208,000
Điện áp điều khiển 200VAC *(Operating voltage 200VAC)*					
4	9	1a	S-T10 AC200V 1a	SHA08-919	541,000
4	9	1b	S-T10 AC200V 1b	SHA08-940	541,000
5.5	12	1a1b	S-T12 AC200V 1a1b	SHA08-924	651,000
5.5	12	2a	S-T12 AC200V 2a	SHA08-943	651,000
5.5	12	2b	S-T12 AC200V 2b	SHA08-945	651,000
7.5	18	1a1b	S-T20 AC200V 1a1b	SHA08-925	969,000
7.5	18	2a	S-T20 AC200V 2a	SHA10-118	969,000
11	23	2a2b	S-T21 AC200V 2a2b	SHA08-996	1,106,000
15	30	2a2b	S-T25 AC200V 2a2b	SHA08-998	1,278,000
15	32		S-T32 AC200V	SHA08-920	1,153,000
18.5	40	2a2b	S-T35 AC200V 2a2b	SHA12-112	1,490,000
22	50	2a2b	S-T50 AC200V 2a2b	SHA12-114	2,988,000
30	65	2a2b	S-T65 AC200V 2a2b	SHA12-383	3,145,000
45	80	2a2b	S-T80 AC200V 2a2b	SHA12-369	4,549,000
55	100	2a2b	S-T100 AC200V 2a2b	SHA12-355	5,208,000

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 300VAC *(Operating voltage 300VAC)*					
4	9	1a	S-T10 AC300V 1a	SHA10-003	541,000
4	9	1b	S-T10 AC300V 1b	SHA10-007	541,000
5.5	12	1a1b	S-T12 AC300V 1a1b	SHA10-046	651,000
5.5	12	2a	S-T12 AC300V 2a	SHA10-050	651,000
5.5	12	2b	S-T12 AC300V 2b	SHA10-054	651,000
7.5	18	1a1b	S-T20 AC300V 1a1b	SHA10-113	969,000
7.5	18	2a	S-T20 AC300V 2a	SHA10-119	969,000
11	23	2a2b	S-T21 AC300V 2a2b	SHA10-174	1,106,000
15	30	2a2b	S-T25 AC300V 2a2b	SHA10-195	1,278,000
15	32		S-T32 AC300V	SHA10-216	1,153,000
18.5	40	2a2b	S-T35 AC300V 2a2b	SHA12-170	1,490,000
22	50	2a2b	S-T50 AC300V 2a2b	SHA12-175	2,988,000
30	65	2a2b	S-T65 AC300V 2a2b	SHA12-384	3,145,000
45	80	2a2b	S-T80 AC300V 2a2b	SHA12-370	4,549,000
55	100	2a2b	S-T100 AC300V 2a2b	SHA12-356	5,208,000
Điện áp điều khiển 400VAC *(Operating voltage 400VAC)*					
4	9	1a	S-T10 AC400V 1a	SHA09-769	541,000
4	9	1b	S-T10 AC400V 1b	SHA10-008	541,000
5.5	12	2a	S-T12 AC400V 2a	SHA08-946	651,000
5.5	12	1a1b	S-T12 AC400V 1a1b	SHA09-771	651,000
5.5	12	2b	S-T12 AC400V 2b	SHA10-055	651,000
7.5	18	1a1b	S-T20 AC400V 1a1b	SHA09-768	969,000
7.5	18	2a	S-T20 AC400V 2a	SHA10-120	969,000
11	23	2a2b	S-T21 AC400V 2a2b	SHA09-170	1,106,000
15	30	2a2b	S-T25 AC400V 2a2b	SHA09-770	1,278,000
15	32		S-T32 AC400V	SHA10-217	1,153,000
18.5	40	2a2b	S-T35 AC400V 2a2b	SHA12-171	1,490,000
22	50	2a2b	S-T50 AC400V 2a2b	SHA12-117	2,988,000
30	65	2a2b	S-T65 AC400V 2a2b	SHA12-385	3,145,000
45	80	2a2b	S-T80 AC400V 2a2b	SHA12-371	4,549,000
55	100	2a2b	S-T100 AC400V 2a2b	SHA12-357	5,208,000

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 500VAC *(Operating voltage 500VAC)*					
4	9	1a	S-T10 AC500V 1a	SHA10-004	541,000
4	9	1b	S-T10 AC500V 1b	SHA10-009	541,000
5.5	12	1a1b	S-T12 AC500V 1a1b	SHA10-047	651,000
5.5	12	2a	S-T12 AC500V 2a	SHA10-051	651,000
5.5	12	2b	S-T12 AC500V 2b	SHA10-056	651,000
7.5	18	1a1b	S-T20 AC500V 1a1b	SHA10-114	969,000
7.5	18	2a	S-T20 AC500V 2a	SHA10-121	969,000
11	23	2a2b	S-T21 AC500V 2a2b	SHA10-175	1,106,000
15	30	2a2b	S-T25 AC500V 2a2b	SHA10-196	1,278,000
15	32		S-T32 AC500V	SHA10-218	1,153,000
18.5	40	2a2b	S-T35 AC500V 2a2b	SHA12-172	1,490,000
22	50	2a2b	S-T50 AC500V 2a2b	SHA12-176	2,988,000
30	65	2a2b	S-T65 AC500V 2a2b	SHA12-386	3,145,000
45	80	2a2b	S-T80 AC500V 2a2b	SHA12-372	4,549,000
55	100	2a2b	S-T100 AC500V 2a2b	SHA12-358	5,208,000
Điện áp điều khiển 12VDC *(Operating voltage 12VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC12V 1a1b	SHA11-575	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC12V 2a	SHA11-737	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC12V 1a1b	SHA11-709	2,686,000
7.5	18	2a	SD-T20 DC12V 2a	SHA11-744	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC12V 2a2b	SHA11-510	3,569,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC12V 2a2b	SHA12-407	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC12V 2a2b	SHA12-417	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC12V 2a2b	SHA12-558	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC12V 2a2b	SHA12-582	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC12V 2a2b	SHA12-694	14,565,000

* Tham khảo các cấp điện áp điều khiển khác như bảng dưới đây:

Điện áp định mức (V) *Rated voltage (V)*	*Mã* *Coil designation*
24	AC24V
48-50	AC48V
100-127	AC100V
200-240	AC200V
260-300	AC300V
380-440	AC400V
460-550	AC500V

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

S-T CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-T
MAGNETIC CONTACTOR S-T SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 24VDC *(Operating voltage 24VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC24V 1a1b	SHA11-244	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC24V 2a	SHA11-556	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC24V 1a1b	SHA11-245	3,122,000
7.5	18	2a	SD-T20 DC24V 2a	SHA11-664	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC24V 2a2b	SHA11-246	3,569,000
15	32		SD-T32 DC24V	SHA11-247	3,631,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC24V 2a2b	SHA12-115	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC24V 2a2b	SHA12-116	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC24V 2a2b	SHA12-673	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC24V 2a2b	SHA12-581	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC24V 2a2b	SHA12-566	14,129,000
Điện áp điều khiển 48VDC *(Operating voltage 48VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC48V 1a1b	SHA11-505	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC48V 2a	SHA11-740	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC48V 1a1b	SHA11-534	2,686,000
Điện áp điều khiển 48VDC *(Operating voltage 48VDC)*					
7.5	18	2a	SD-T20 DC48V 2a	SHA11-747	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC48V 2a2b	SHA11-512	3,569,000
15	32		SD-T32 DC48V	SHA11-535	3,631,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC48V 2a2b	SHA12-119	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC48V 2a2b	SHA12-418	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC48V 2a2b	SHA12-559	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC48V 2a2b	SHA12-583	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC48V 2a2b	SHA12-567	14,565,000
Điện áp điều khiển 100VDC *(Operating voltage 100VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC100V 1a1b	SHA11-260	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC100V 2a	SHA11-500	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC100V 1a1b	SHA11-263	2,686,000
7.5	18	2a	SD-T20 DC100V 2a	SHA11-741	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC100V 2a2b	SHA11-266	3,569,000
15	32		SD-T32 DC100V	SHA11-269	3,631,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC100V 2a2b	SHA12-392	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC100V 2a2b	SHA12-271	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC100V 2a2b	SHA12-560	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC100V 2a2b	SHA12-584	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC100V 2a2b	SHA12-568	14,565,000

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

S-T CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-T
MAGNETIC CONTACTOR S-T SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 110VDC *(Operating voltage 110VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC110V 1a1b	SHA11-259	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC110V 2a	SHA11-501	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC110V 1a1b	SHA11-262	2,686,000
7.5	18	2a	SD-T20 DC110V 2a	SHA11-742	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC110V 2a2b	SHA11-265	3,569,000
15	32		SD-T32 DC110V	SHA11-268	3,631,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC110V 2a2b	SHA12-402	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC110V 2a2b	SHA12-419	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC110V 2a2b	SHA12-561	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC110V 2a2b	SHA12-585	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC110V 2a2b	SHA12-569	14,565,000
Điện áp điều khiển 125VDC *(Operating voltage 125VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC125V 1a1b	SHA11-502	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC125V 2a	SHA11-503	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC125V 1a1b	SHA11-710	2,686,000
7.5	18	2a	SD-T20 DC125V 2a	SHA11-743	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC125V 2a2b	SHA11-509	3,569,000
15	32		SD-T32 DC125V	SHA11-715	3,631,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC125V 2a2b	SHA12-118	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC125V 2a2b	SHA12-420	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC125V 2a2b	SHA12-562	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC125V 2a2b	SHA12-586	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC125V 2a2b	SHA12-570	14,565,000
Điện áp điều khiển 200VDC *(Operating voltage 200VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC200V 1a1b	SHA11-708	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC200V 2a	SHA11-738	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC200V 1a1b	SHA11-711	2,686,000
7.5	18	2a	SD-T20 DC200V 2a	SHA11-745	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC200V 2a2b	SHA11-713	3,569,000
15	32		SD-T32 DC200V	SHA11-716	3,631,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC200V 2a2b	SHA12-408	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC200V 2a2b	SHA12-421	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC200V 2a2b	SHA12-563	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC200V 2a2b	SHA12-587	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC200V 2a2b	SHA12-571	14,565,000

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

Mọi yêu cầu khác xin vui lòng liên hệ hãng. Giá trên chưa bao gồm VAT

S-N CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-N
MAGNETIC CONTACTOR S-N SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 220VDC *(Operating voltage 220VDC)*					
5.5	12	1a1b	SD-T12 DC220V 1a1b	SHA11-504	1,878,000
5.5	12	2a	SD-T12 DC220V 2a	SHA11-739	1,878,000
7.5	18	1a1b	SD-T20 DC220V 1a1b	SHA11-712	2,686,000
7.5	18	2a	SD-T20 DC220V 2a	SHA11-746	2,686,000
11	23	2a2b	SD-T21 DC220V 2a2b	SHA11-511	3,569,000
15	32		SD-T32 DC220V	SHA11-717	3,631,000
18.5	40	2a2b	SD-T35 DC220V 2a2b	SHA12-409	5,263,000
22	50	2a2b	SD-T50 DC220V 2a2b	SHA12-422	6,176,000
30	65	2a2b	SD-T65 DC220V 2a2b	SHA12-564	7,282,000
45	80	2a2b	SD-T80 DC220V 2a2b	SHA12-588	10,749,000
55	100	2a2b	SD-T100 DC220V 2a2b	SHA12-572	14,565,000

S-N CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-N
MAGNETIC CONTACTOR S-N SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 200VAC *(Operating voltage 200VAC)*					
15	32		S-N38 AC200V	SHA03-043	2,173,000
15	35		S-N48 AC200V	SHA08-321	3,055,000
60	120	2a2b	S-N125 AC200V 2a2b	SHA00-362	7,078,000
75	150	2a2b	S-N150 AC200V 2a2b	SHA00-365	9,604,000
90	180	2a2b	S-N180 AC200V 2a2b	SHA00-367	11,796,000
132	250	2a2b	S-N220 AC200V 2a2b	SHA00-370	13,031,000
160	300	2a2b	S-N300 AC200V 2a2b	SHA00-373	21,110,000
220	400	2a2b	S-N400 AC200V 2a2b	SHA00-376	27,659,000
330	630	2a2b	S-N600 AC200V 2a2b	SHA00-378	66,125,000
440	800	2a2b	S-N800 AC200V 2a2b	SHA00-379	90,047,000
Điện áp điều khiển 220VAC *(Operating voltage 220VAC)*					
15	32		S-N38 AC220V	SHA04-880	2,173,000
Điện áp điều khiển 230VAC *(Operating voltage 230VAC)*					
15	32		S-N38 AC230V	SHA11-883	2,173,000
15	35		S-N48 AC230V	SHA12-702	3,055,000
Điện áp điều khiển 400VAC *(Operating voltage 400VAC)*					
60	120	2a2b	S-N125 AC400V 2a2b	SHA00-363	7,078,000
75	150	2a2b	S-N150 AC400V 2a2b	SHA00-090	9,604,000

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

S-N CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-N
MAGNETIC CONTACTOR S-N SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt

- *Made in Japan*
- *Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles*

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
90	180	2a2b	S-N180 AC400V 2a2b	SHA00-368	11,796,000
132	250	2a2b	S-N220 AC400V 2a2b	SHA00-371	13,031,000
160	300	2a2b	S-N300 AC400V 2a2b	SHA00-374	21,110,000
220	400	2a2b	S-N400 AC400V 2a2b	SHA00-377	27,659,000
330	630	2a2b	S-N600 AC400V 2a2b	SHA01-158	66,125,000
440	800	2a2b	S-N800 AC400V 2a2b	SHA01-163	90,047,000
Điện áp điều khiển 500VAC *(Operating voltage 500VAC)*					
60	120	2a2b	S-N125 AC500V 2a2b	SHA01-979	6,796,000
75	150	2a2b	S-N150 AC500V 2a2b	SHA02-627	9,353,000
90	180	2a2b	S-N180 AC500V 2a2b	SHA02-994	11,510,000
132	250	2a2b	S-N220 AC500V 2a2b	SHA01-977	12,702,000
160	300	2a2b	S-N300 AC500V 2a2b	SHA04-195	20,220,000
220	400	2a2b	S-N400 AC500V 2a2b	SHA01-978	26,686,000
330	630	2a2b	S-N600 AC500V 2a2b	SHA05-375	64,584,000
440	800	2a2b	S-N800 AC500V 2a2b	SHA02-817	87,949,000
Điện áp điều khiển 24VDC *(Operating voltage 24VDC)*					
60	120	2a2b	SD-N125 DC24V 2a2b	SHA00-567	20,118,000
75	150	2a2b	SD-N150 DC24V 2a2b	SHA00-569	27,396,000
132	250	2a2b	SD-N220 DC24V 2a2b	SHA00-572	37,718,000
160	300	2a2b	SD-N300 DC24V 2a2b	SHA00-573	68,867,000
220	400	2a2b	SD-N400 DC24V 2a2b	SHA00-576	100,169,000
330	630	2a2b	SD-N600 DC24V 2a2b	SHA01-493	171,384,000
440	800	2a2b	SD-N800 DC24V 2a2b	SHA01-494	188,800,000
Điện áp điều khiển 48VDC *(Operating voltage 48VDC)*					
60	120	2a2b	SD-N125 DC48V 2a2b	SHA02-399	20,118,000
75	150	2a2b	SD-N150 DC48V 2a2b	SHA03-399	27,396,000
132	250	2a2b	SD-N220 DC48V 2a2b	SHA03-312	37,718,000
160	300	2a2b	SD-N300 DC48V 2a2b	SHA03-178	68,867,000
220	400	2a2b	SD-N400 DC48V 2a2b	SHA03-521	100,169,000
440	800	2a2b	SD-N800 DC48V 2a2b	SHA05-054	188,800,000

* Tham khảo các cấp điện áp điều khiển khác như bảng dưới đây:

Điện áp định mức (V) *Rated voltage (V)*	*Mã* *Coil designation*
AC100V	100-127
AC200V	200-240V
AC300V	260-300
AC400V	380-440
AC500V	460-550

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

S-N CÔNG TẮC TƠ DẠNG KHỐI-DÒNG S-N
MAGNETIC CONTACTOR S-N SERIES

- **Sản xuất tại Nhật Bản**
- **Độ bền cơ học đạt tới 10 triệu lần đóng cắt**

- ***Made in Japan***
- ***Mechanical durability up to 10 mil. operating cycles***

Công suất (kW) AC3, 400V *Power capacity (Kw), AC3, 400V*	Dòng định mức (A), AC3, 380V-440V *Rated current (A)*	Tiếp điểm phụ *Auxiliary contact* *NO/NC*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Điện áp điều khiển 100VDC *(Operating voltage 100VDC)*					
60	120	2a2b	SD-N125 DC100V 2a2b	SHA01-902	20,118,000
75	150	2a2b	SD-N150 DC100V 2a2b	SHA01-561	27,396,000
160	300	2a2b	SD-N300 DC100V 2a2b	SHA00-575	68,867,000
220	400	2a2b	SD-N400 DC100V 2a2b	SHA00-578	100,169,000
Điện áp điều khiển 110VDC *(Operating voltage 110VDC)*					
60	120	2a2b	SD-N125 DC110V 2a2b	SHA00-568	20,118,000
75	150	2a2b	SD-N150 DC110V 2a2b	SHA00-570	27,396,000
132	250	2a2b	SD-N220 DC110V 2a2b	SHA00-571	37,718,000
160	300	2a2b	SD-N300 DC110V 2a2b	SHA00-574	68,867,000
220	400	2a2b	SD-N400 DC110V 2a2b	SHA00-577	100,169,000
330	630	2a2b	SD-N600 DC110V 2a2b	SHA03-161	171,384,000
440	800	2a2b	SD-N800 DC110V 2a2b	SHA01-433	188,800,000
Điện áp điều khiển 125VDC *(Operating voltage 125VDC)*					
60	120	2a2b	SD-N125 DC125V 2a2b	SHA02-227	20,118,000
75	150	2a2b	SD-N150 DC125V 2a2b	SHA01-576	27,396,000
132	250	2a2b	SD-N220 DC125V 2a2b	SHA01-145	37,718,000
160	300	2a2b	SD-N300 DC125V 2a2b	SHA02-415	67,259,000
220	400	2a2b	SD-N400 DC125V 2a2b	SHA01-948	100,169,000
330	630	2a2b	SD-N600 DC125V 2a2b	SHA03-062	167,392,000
Điện áp điều khiển 200VDC *(Operating voltage 200VDC)*					
60	120	2a2b	SD-N125 DC200V 2a2b	SHA00-200	20,118,000
75	150	2a2b	SD-N150 DC200V 2a2b	SHA03-434	27,396,000
220	400	2a2b	SD-N400 DC200V 2a2b	SHA01-134	100,169,000
Điện áp điều khiển 220VDC *(Operating voltage 220VDC)*					
75	150	2a2b	SD-N150 DC220V 2a2b	SHA02-622	27,396,000
132	250	2a2b	SD-N220 DC220V 2a2b	SHA00-214	36,839,000
160	300	2a2b	SD-N300 DC220V 2a2b	SHA02-178	67,259,000
220	400	2a2b	SD-N400 DC220V 2a2b	SHA01-548	97,835,000
330	630	2a2b	SD-N600 DC220V 2a2b	SHA01-010	171,384,000
440	800	2a2b	SD-N800 DC220V 2a2b	SHA03-680	188,341,000

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

PHỤ KIỆN DÙNG CHO CÔNG TẮC TƠ
ACCESSORIES FOR CONTACTOR

Sản phẩm *Product* Hình ảnh	Tiếp điểm phụ **Auxiliary contact**	Dùng cho công tắc tơ **For contactor**	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VND) *Unit price (VND)*
	Khối tiếp điểm phụ *(Auxiliary Contact Block)*				
	2a	S-T10, S-T32, S-T35, S-T50	UT-AX2 2A	UHA00-576	333,000
	1a1b	S-T10, S-T32, S-T35, S-T50	UT-AX2 1A1B	UHA00-577	337,000
	2b	S-T10, S-T32, S-T35, S-T50	UT-AX2 2B	UHA00-578	333,000
	2a2b	S-T10, S-T32, S-T35, S-T50	UT-AX4 2A2B	UHA00-508	588,000
	4a	S-T10, S-T32, S-T35, S-T50	UT-AX4 4A	UHA00-509	588,000
	3a1b	S-T10, S-T32, S-T35, S-T50	UT-AX4 3A1B	UHA00-510	588,000
	1a1b	S-T10, S-T32, S-T35, S-T50	UT-AX11 1A1B	UHA00-579	525,000
	Khoá liên động cơ khí *(Mechanical Interlock)*				
		S-T10, S-T20	UT-ML11	UHA00-538	784,000
		S-T21, S-T32, S-T35, S-T50, S-T65, S-T80	UN-ML21	UHA00-045	753,000
	Khối tiếp điểm phụ *(Auxiliary Contact Block)*				
	2a	S-T65, S-T80	UN-AX2 2A	UHA00-036	318,000
	1a1b	S-T65, S-T80	UN-AX2 1A1B	UHA00-037	318,000
	2b	S-T65, S-T80	UN-AX2 2B	UHA00-038	318,000
	4a	S-T65, S-T80	UN-AX4 4A	UHA00-039	557,000
	2a2b	S-T65, S-T80	UN-AX4 2A2B	UHA00-040	557,000
	3a1b	S-T65, S-T80	UN-AX4 3A1B	UHA00-041	557,000
	1a1b	S-T65, S-T80	UN-AX11 1A1B	UHA00-042	494,000
	1a1b	S-N125	UN-AX80 1A1B	UHA00-326	427,000
	1a1b	S-N150, S-N220, S-N300, S-N400, S-N180	UN-AX150 1A1B	UHA00-482	467,000
		S-N600, S-N800	UN-AX600	UHA00-385	2,722,000
	2a2b	S-N600, S-N800	UN-AX600 2A2B	UHA00-427	2,722,000
	Khoá liên động cơ khí *(Mechanical Interlock)*				
		S-N125	UN-ML80	UHA00-046	1,157,000
		S-N150	UN-ML150	UHA00-047	1,106,000
		S-N180, S-N220, S-N300, S-N400	UN-ML220	UHA00-048	1,318,000

Lưu ý *(Note)*
a: Tiếp điểm thường mở *(NO)*
b: Tiếp điểm thường đóng *(NC)*

RƠ LE NHIỆT-DÒNG TH-T
THERMAL OVERLOAD RELAYS TH-T SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dùng bảo vệ quá tải và bảo vệ mất pha cho động cơ
- Lắp trực tiếp vào công tắc tơ

- *Made in Japan*
- *Use for overload and phase fail protection*
- *Install to contactor directly*

Dùng cho công tắc tơ	Dải điều chỉnh (A)	Relay bảo vệ quá tải *Overload relay*			Relay bảo vệ quá tải có bảo vệ mất pha *Phase fail protection thermal relay*		
		Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
For contactor	*Setting range (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
S-T10 S(D)-T12 S(D)-T20	0.1-0.16	TH-T18 0.12A	THA02-271	502,000	TH-T18KP 0.12A	THA02-288	729,000
	0.14 - 0.22	TH-T18 0.17A	THA02-272	502,000	TH-T18KP 0.17A	THA02-289	729,000
	0.20 - 0.32	TH-T18 0.24A	THA02-273	502,000	TH-T18KP 0.24A	THA02-290	729,000
	0.28 - 0.42	TH-T18 0.35A	THA02-274	502,000	TH-T18KP 0.35A	THA02-291	729,000
	0.4 - 06	TH-T18 0.5A	THA02-275	502,000	TH-T18KP 0.5A	THA02-292	729,000
	0.55 - 0.85	TH-T18 0.7A	THA02-276	502,000	TH-T18KP 0.7A	THA02-293	729,000
	0.7 - 1.1	TH-T18 0.9A	THA02-277	502,000	TH-T18KP 0.9A	THA02-294	729,000
	1.0 - 1.6	TH-T18 1.3A	THA02-278	502,000	TH-T18KP 1.3A	THA02-295	729,000
	1.4 - 2.0	TH-T18 1.7A	THA02-279	502,000	TH-T18KP 1.7A	THA02-296	729,000
	1.7 - 2.5	TH-T18 2.1A	THA02-280	502,000	TH-T18KP 2.1A	THA02-297	729,000
	2.0 - 3.0	TH-T18 2.5A	THA02-281	502,000	TH-T18KP 2.5A	THA02-298	729,000
	2.8 - 4.4	TH-T18 3.6A	THA02-282	502,000	TH-T18KP 3.6A	THA02-299	729,000
	4.0 - 6.0	TH-T18 5A	THA02-283	502,000	TH-T18KP 5A	THA02-300	729,000
	5.2 - 8.0	TH-T18 6.6A	THA02-284	502,000	TH-T18KP 6.6A	THA02-301	729,000
	7-11	TH-T18 9A	THA02-285	502,000	TH-T18KP 9A	THA02-302	729,000
	9-13	TH-T18 11A	THA02-286	502,000	TH-T18KP 11A	THA02-303	729,000
	12-18	TH-T18 15A	THA02-287	569,000	TH-T18KP 15A	THA02-304	816,000
S(D)-T21 S(D)-T25 S(D)-T35 S(D)-T50	0.20 - 0.32	TH-T25 0.24A	THA02-305	569,000	TH-T25KP 0.24A	THA02-321	816,000
	0.28 - 0.42	TH-T25 0.35A	THA02-306	569,000	TH-T25KP 0.35A	THA02-322	816,000
	0.4 - 0.6	TH-T25 0.5A	THA02-307	569,000	TH-T25KP 0.5A	THA02-323	816,000
	0.55 - 0.85	TH-T25 0.7A	THA02-308	569,000	TH-T25KP 0.7A	THA02-324	816,000
	0.7 - 1.1	TH-T25 0.9A	THA02-309	569,000	TH-T25KP 0.9A	THA02-325	816,000
	1.0 - 1.6	TH-T25 1.3A	THA02-310	569,000	TH-T25KP 1.3A	THA02-326	816,000
	1.4 - 2.0	TH-T25 1.7A	THA02-311	569,000	TH-T25KP 1.7A	THA02-327	816,000
	1.7 - 2.5	TH-T25 2.1A	THA02-312	569,000	TH-T25KP 2.1A	THA02-328	816,000
	2.0 - 3.0	TH-T25 2.5A	THA02-313	569,000	TH-T25KP 2.5A	THA02-329	816,000
	2.8 - 4.4	TH-T25 3.6A	THA02-314	569,000	TH-T25KP 3.6A	THA02-330	816,000
	4.0 - 6.0	TH-T25 5A	THA02-315	569,000	TH-T25KP 5A	THA02-331	816,000
	5.2 - 8.0	TH-T25 6.6A	THA02-316	569,000	TH-T25KP 6.6A	THA02-332	816,000
	7-11	TH-T25 9A	THA02-317	569,000	TH-T25KP 9A	THA02-333	816,000
	9-13	TH-T25 11A	THA02-318	569,000	TH-T25KP 11A	THA02-334	816,000
	12-18	TH-T25 15A	THA02-319	569,000	TH-T25KP 15A	THA02-335	816,000
	18-26	TH-T25 22A	THA02-320	639,000	TH-T25KP 22A	THA02-336	851,000
S(D)-T35 S(D)-T50	24-34	TH-T50 29A	THA02-861	710,000	TH-T50KP 29A	THA02-877	949,000
S(D)-T50	30-40	TH-T50 35A	THA02-875	710,000	TH-T50KP 35A	THA02-878	949,000
	34-50	TH-T50 42A	THA02-876	710,000	TH-T50KP 42A	THA02-879	949,000

RƠ LE NHIỆT-DÒNG TH-T
THERMAL OVERLOAD RELAYS TH-T SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dùng bảo vệ quá tải và bảo vệ mất pha cho động cơ
- Lắp trực tiếp vào công tắc tơ

- *Made in Japan*
- *Use for overload and phase fail protection*
- *Install to contactor directly*

Dùng cho công tắc tơ	Dải điều chỉnh (A)	Relay bảo vệ quá tải *Overload relay*			Relay bảo vệ quá tải có bảo vệ mất pha *Phase fail protection thermal relay*		
		Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
For contactor	*Setting range (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
S(D)-T65 S(D)-T80	12-18	TH-T65 15A	THA02-957	937,000	TH-T65KP 15A	THA02-939	1,133,000
	18-26	TH-T65 22A	THA02-958	937,000	TH-T65KP 22A	THA02-940	1,133,000
	24-34	TH-T65 29A	THA02-959	937,000	TH-T65KP 29A	THA02-941	1,133,000
	30-40	TH-T65 35A	THA02-960	937,000	TH-T65KP 35A	THA02-942	1,133,000
	34-50	TH-T65 42A	THA02-961	937,000	TH-T65KP 42A	THA02-943	1,133,000
	43-65	TH-T65 54A	THA02-962	937,000	TH-T65KP 54A	THA02-944	1,133,000
S(D)-T80	54-80	TH-T100 67A	THA02-967	1,035,000	TH-T100KP 67A	THA02-963	1,365,000
S(D)-T100	65-100	TH-T100 82A	THA02-968	1,035,000	TH-T100KP 82A	THA02-964	1,365,000
	85-105	TH-T100 95A	THA03-031	1,035,000	TH-T100KP 95A	THA03-033	1,341,000

RƠ LE NHIỆT DÒNG TH-N
THERMAL OVERLOAD RELAYS TH-N SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dùng bảo vệ quá tải và bảo vệ mất pha cho động cơ
- Lắp trực tiếp vào công tắc tơ

- *Made in Japan*
- *Use for overload and phase fail protection*
- *Install to contactor directly*

Dùng cho công tắc tơ	Dải điều chỉnh (A)	Relay bảo vệ quá tải *Overload relay*			Relay bảo vệ quá tải có bảo vệ mất pha *Phase fail protection thermal relay*		
		Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
For contactor	*Setting range (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
S(D)-N125 S(D)-N150	34-50	TH-N120 42A	THA00-397	1,463,000	TH-N120KP 42A	THA00-403	2,106,000
S(D)-N125 S(D)-N150	43-65	TH-N120 54A	THA00-398	1,463,000	TH-N120KP 54A	THA00-404	2,106,000
S(D)-N125 S(D)-N150	54-80	TH-N120 67A	THA00-399	1,463,000	TH-N120KP 67A	THA00-405	2,106,000
S(D)-N125 S-N150	65-100	TH-N120 82A	THA00-400	1,463,000	TH-N120KP 82A	THA00-406	2,106,000
S(D)-N125 S(D)-N150	85-125	TH-N120TA 105A	THA00-401	1,620,000	TH-N120KPTA 105A	THA00-407	2,090,000
S(D)-N125 S(D)-N150	100-150	TH-N120TA 125A	THA00-402	1,620,000	TH-N120KPTA 125A	THA00-408	2,090,000
S(D)-N180 S(D)-N220	65-100	TH-N220RH 82A	THA00-409	3,561,000	TH-N220KPRH 82A	THA00-901	4,890,000
S(D)-N180 S(D)-N220	85-125	TH-N220RH 105A	THA00-410	3,561,000	TH-N220KPRH 105A	THA00-895	4,890,000

RƠ LE NHIỆT-DÒNG TH-N
THERMAL OVERLOAD RELAYS TH-N SERIES

- Sản xuất tại Nhật Bản
- Dùng bảo vệ quá tải và bảo vệ mất pha cho động cơ
- Lắp trực tiếp vào công tắc tơ

- *Made in Japan*
- *Use for overload and phase fail protection*
- *Install to contactor directly*

Dùng cho công tắc tơ	Dải điều chỉnh (A)	Relay bảo vệ quá tải *Overload relay*			Relay bảo vệ quá tải có bảo vệ mất pha *Phase fail protection thermal relay*		
		Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Tên hàng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
For contactor	*Setting range (A)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*	*Model name*	*Material code*	*Unit price (VND)*
S(D)-N180 S(D)-N220	100-150	TH-N220RH 125A	THA00-411	3,561,000	TH-N220KPRH 125A	THA00-929	4,890,000
S(D)-N180 S(D)-N220	120-180	TH-N220RH 150A	THA00-412	3,561,000	TH-N220KPRH 150A	THA00-680	4,890,000
S(D)-N180 S(D)-N220	140-220	TH-N220RH 180A	THA00-413	3,561,000	TH-N220KPRH 180A	THA00-749	4,890,000
S(D)-N180 S(D)-N220	170-250	TH-N220RH 210A	THA00-919	3,561,000	TH-N220KPRH 210A	THA00-751	4,890,000
S(D)-N300 S(D)-N400	85-125	TH-N400RH 105A	THA01-236	4,184,000	TH-N400KPRH 105A	THA01-605	5,020,000
S(D)-N300 S(D)-N400	100-150	TH-N400RH 125A	THA00-692	4,184,000	TH-N400KPRH 125A	THA01-606	5,020,000
S(D)-N300 S(D)-N400	120-180	TH-N400RH 150A	THA01-203	4,184,000	TH-N400KPRH 150A	THA01-118	5,020,000
S(D)-N300 S(D)-N400	140-220	TH-N400RH 180A	THA00-938	4,184,000	TH-N400KPRH 180A	THA00-750	5,020,000
S(D)-N300 S(D)-N400	200-300	TH-N400RH 250A	THA00-419	4,184,000	TH-N400KPRH 250A	THA00-682	5,020,000
S(D)-N300 S(D)-N400	260-400	TH-N400RH 330A	THA00-420	4,184,000	TH-N400KPRH 330A	THA00-644	5,020,000
S(D)-N600 S(D)-N800	200-300	TH-N600 250A	THA01-113	937,000	TH-N600KP 250A	THA00-933	1,365,000
S(D)-N600 S(D)-N800	260-400	TH-N600 330A	THA00-667	937,000	TH-N600KP 330A	THA00-836	1,365,000
S(D)-N600 S(D)-N800	400-600	TH-N600 500A	THA00-696	937,000	TH-N600KP 500A	THA00-752	1,365,000
S(D)-N600 S(D)-N800	520-800	TH-N600 660A	THA00-689	937,000	TH-N600KP 660A	THA00-904	1,365,000

ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN ĐA NĂNG-DÒNG ME96SS
MULTI-MEASURING INSTRUMENT-ME96SS SERIES

Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng B *(Series B)*			
Dòng kinh tế, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W *(Economy Type)*	ME96SSEB-MB	21N826A00001S	6,652,000
Dòng tiêu chuẩn, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, (3P4W *Standard Type)*	ME96SSRB-MB	21N827A00001T	7,139,000
Dòng cao cấp, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W *(High Performance Type)*	ME96SSHB-MB	21N828A00001U	14,099,000
Tùy chọn *(Option)*			
Khối giao tiếp CC-Link *(CC-Link Communication Plug-in Unit)*	ME-0040C-SS96	21N830A00000T	5,633,000
Khối đầu ra 4 analog; 2 xung/cảnh báo và 1 tiếp điểm đầu vào *(4 analog output, 2 pulse/alarm output, 1 contact ouput Plug-in Unit)*	ME-4210-SS96B	21N835A00001R	3,776,000
Khối tiếp điểm 5 vào, 2 ra *(5 output, 2 input contact Plug-in Unit)*	ME-0052-SS96	21N832A00000V	3,776,000
Khối kết nối thẻ nhớ *(Data logging Unit)*	ME-0000BU-SS96	21N833A00001B	7,384,000
Khối kết nối Modbus TCP *(Modbus®TCP Communication Unit)*	ME-0000MT-SS96	21N834A00001C	8,205,000

KHỐI MỞ RỘNG PLC, ĐO LƯỜNG NĂNG LƯỢNG VÀ GIÁM SÁT DÒNG RÒ, CÁCH ĐIỆN
PLC ENERGY MEASUREMENT, LEAKAGE CURRENT, INSULATION MONITORING PLUG-IN MODULE

Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Khối đo lường năng lượng 1 mạch 3P3W, gắn cùng PLC loại Q *Energy Measuring Unit 3P4W single circuit, for PLC Q Series*	QE81WH	19H001T000003	21,000,000
Khối đo lường 4 mạch 3P3W, gắn cùng PLC loại Q *Energy Measuring Unit 3 circuits 3P3W, for PLC Q Series*	QE84WH	19H004T000007	44,181,000
Khối đo lường 1 mạch 3P4W, gắn cùng PLC loại Q *Energy Measuring Unit single circuit 3P4W, for PLC Q Series*	QE81WH4W	19H011T000004	21,000,000
Khối đo lường 3 mạch 3P4W, gắn cùng PLC loại Q *Energy Measurement Unit 3 circuit 3P4W, for PLC Q Series*	QE83WH4W	19H013T000008	40,576,000
Khối biến áp đo lường 3P4W, gắn cùng PLC loại Q *Voltage Transform Unit 3P4W, for PLC Q Series*	QE8WH4VT	19H044T000005	3,605,000
Khối đo lường dòng rò và cách điện, gắn cùng PLC loại Q *Leakage Current, Insulation Monitoring Unit, for PLC Q Series*	QE82LG	19H101T000006	33,842,000
Khối đo lường năng lượng, gắn cùng PLC loại R *Insulation Monitoring Unit, for PLC R Series*	RE81WH	19W001T000001	21,000,000

THIẾT BỊ ĐO CHO MỘT HOẶC NHIỀU MẠCH ĐIỆN ECOMONITOR - PLUS SERIES
ECOMONITOR PLUS

Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W	EMU4-BM1-MB	19R003T00000K	8,099,000
Dòng cao cấp, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W	EMU4-HM1-MB	19R004T00000N	9,064,000
Bộ giám sát dòng rò, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W	EMU4-LG1-MB	19R005T00000R	10,327,000
Khối mở rộng với cùng cấp điện áp, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W	EMU4-A2	19R101T00000U	8,172,000
Khối mở rộng khác cấp điện áp, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W	EMU4-VA2	19R102T00000X	8,852,000
Khối đầu vào 4 Analog (*Analog input unit 4 contacts)*	EMU4-AX4	19R103T00001E	10,560,000
Khối đầu vào 4 xung *(Pulse input unit 4 contacts)*	EMU4-PX4	19R104T00001H	9,388,000
Tùy chọn *(Option)*			
Dây kết nối màn hình hiển thị *(Display unit connecting cable)*	EMU4-CB-DPS	19R013T00000J	407,000
Khối hiển thị *(Display unit)*	EMU4-D65	19R012T000010	9,619,000
Khối kết nối CC Link IE Field *(CC Link IE Field Unit)*	EMU4-CM-CIFB	19R207T00001L	8,355,000
Khối giao tiếp Modbus®TCP *(Modbus®TCP Communication Unit)*	EMU4-CM-MT	19R203T00001A	8,442,000

ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN ĐA NĂNG ECOMONITOR LIGHT
ECOMONITOR LIGHT

Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Dòng tiêu chuẩn, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W (Chỉ đấu nối với CT của Mitsubishi)	EMU4-BD1-MB	19R001T000001	7,348,000
Dòng cao cấp, dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W (Chỉ đấu nối với CT của Mitsubishi)	EMU4-HD1-MB	19R002T000002	8,816,000
Dùng cho hệ thống 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W (Đấu nối với CT bất kỳ dòng thứ cấp 5A hoặc 1A)	EMU4-FD1-MB	19R007T000017	9,713,000
Tùy chọn *(Option)*			
Viền che mặt tủ điện *(Panel attachment)*	EMU4-PAT	19R011T000006	506,000

THIẾT BỊ THU THẬP DỮ LIỆU ĐO LƯỜNG ECOWEBSERVERIII-HỖ TRỢ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
ECOWEBSERVERIII-ENERGY SUPPORTING DEVICE

Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Thiết bị thu thập phân tích dữ liệu đo lường *(Energy Collection and Analysis)*	MES3-255C-EN	19D114T000006	197,412,000
Thiết bị thu thập phân tích dữ liệu đo lường và điều khiển theo nhu cầu *(Energy Collection, Analysis, Demand controlling)*	MES3-255C-DM-EN	19D124T00000D	217,024,000
Tùy chọn *(Option)*			
Phần mềm xuất báo cáo *(Daily Report Software)*	MES3-SW1-DR-FR	19D304T000007	32,322,000
Phần mềm kết nối giám sát nhiều EcoWebserverIII-EcoAdviser *(EcoAdviser Software)*	MES3-EAP1-DA	19D305T00000P	32,322,000

PHỤ KIỆN CHO ECOMONITOR LIGHT & ECOMONITOR PLUS
ACCESSORIES FOR ECOMONITOR LIGHT & ECOMONITOR PLUS

Thông số kỹ thuật *Specification*	Tên hàng *Model name*	Mã hàng *Material code*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price (VND)*
Khối giao tiếp *(Communication Unit)*			
Khối giao tiếp CC-Link *(CC-Link Communication Unit)*	EMU4-CM-C	19R202T000005	6,551,000
Khối kết nối thẻ nhớ *(Data logging Unit)*	EMU4-LM	19R211T000003	7,118,000
Thẻ nhớ SD 2GB, sử dụng cùng với bộ truy cập *(SD memory card for logging unit)*	EMU4-SD2GB	19R212T000004	4,953,000
Pin dự phòng cho bộ truy cập *(Lithium battery for logging unit*)*	EMU4-BT	19R213T000007	767,000
*: Bộ kết nối thẻ nhớ đã bao gồm 1 pin lithium khi mua. *Data Logging units include one lithium battery when purchased.*			
Biến dòng cảm ứng *(Current Sensor)*			
50A/16.66mA	EMU-CT50-A	19E202T00001S	1,560,000
100A/33.33mA	EMU-CT100-A	19E213T00001T	1,560,000
250A/66.66mA	EMU-CT250-A	19E218T00001U	2,600,000
400A/66.66mA	EMU-CT400-A	19E222T00001Q	3,195,000
600A/66.66mA	EMU-CT600-A	19E227T00001R	3,864,000
50A/16.66mA	EMU-CT50	19E203T00000D	2,000,000
100A/33.33mA	EMU-CT100	19E212T00000G	2,000,000
250A/66.66mA	EMU-CT250	19E217T00000H	3,995,000
5A/16.66mA(dùng chung với CT lớn) *Use in combination with current transformer for instrument*	EMU-CT5-A	19E209T00001V	1,560,000